

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

ĐỒNG VĂN BÌNH (Chủ biên)

TRẦN THÚY NGÀ - LƯU NGỌC SINH - LÊ THỊ HIỀN - PHẠM NGỌC ĐỨC

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN
DAY HỌC XÓA MÙ CHỮ
TOÁN

KỲ 3

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

LỜI NÓI ĐẦU

Tài liệu Hướng dẫn dạy học xóa mù chữ Toán Kỳ 3 là tài liệu tham khảo dành riêng cho GV dạy học môn Toán trong Chương trình Xóa mù chữ ban hành kèm theo Thông tư số 33/2021/TT-BGDĐT, ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình Xóa mù chữ.

Nội dung Tài liệu gồm ba phần:

Phần I. Những vấn đề chung.

Phần II. Hướng dẫn thiết kế các bài học.

Phần III. Hướng dẫn cụ thể từng bài học.

Tài liệu sẽ góp phần hỗ trợ các thầy/cô giáo có thêm tư liệu quý và hướng dẫn cụ thể việc thực hiện Chương trình Xóa mù chữ hiệu quả hơn.

Mặc dù đối tượng người học đa dạng, phương pháp dạy học phong phú, điều kiện tổ chức học tập khác nhau ở các vùng miền..., nhưng nhóm tác giả cố gắng đưa ra những hướng dẫn mang tính cốt lõi nhất, những gợi ý dạy học phù hợp nhất với ý tưởng thiết kế cho từng bài học trong *Tài liệu Học xóa mù chữ Toán Kỳ 3*. Tuy nhiên, với sự đa dạng của phương pháp dạy học tích cực, điều kiện dạy học và sự sáng tạo dạy học của từng thầy/cô giáo, cuốn Tài liệu này có thể có một số bài học hướng dẫn chưa phù hợp tới tất cả các điều kiện dạy học ở các vùng miền. Nhưng những hướng dẫn và gợi ý trong Tài liệu sẽ giúp các thầy cô gợi mở, sáng tạo trong dạy học.

Nhóm tác giả xin trân trọng cảm ơn Vụ Giáo dục thường xuyên - Bộ Giáo dục và Đào tạo, các chuyên gia, các thành viên góp ý, phản biện, thẩm định đã định hướng, góp ý và tạo điều kiện thuận lợi cho chúng tôi hoàn thành Tài liệu này.

Rất mong các thầy giáo, cô giáo đóng góp ý kiến để Tài liệu được chỉnh sửa, bổ sung đáp ứng tốt hơn yêu cầu dạy học trong lần xuất bản tiếp theo.

Nhóm tác giả

MỤC LỤC

Trang

LỜI NÓI ĐẦU	3
-------------------	---

Phần 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. MỤC TIÊU CỦA MÔN TOÁN TRONG CHƯƠNG TRÌNH XÓA MÙ CHỮ	11
II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.....	12
III. NỘI DUNG GIÁO DỤC.....	15
IV. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC	21
V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THIẾT BỊ DẠY HỌC.....	26

PHẦN 2

HƯỚNG DẪN THIẾT KẾ CÁC BÀI HỌC

I. XÂY DỰNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT VÀ KẾ HOẠCH BÀI DẠY.....	28
II. PHÂN PHỐI TIẾT HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH VÀ ÔN TẬP, KIỂM TRA KỲ 3.....	34
III. GIỚI THIỆU PHƯƠNG PHÁP DẠY CÁC BÀI HỌC.....	38
IV. CẤU TRÚC NỘI DUNG HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MỘT BÀI HỌC XÓA MÙ CHỮ TOÁN KỲ 3	40

PHẦN 3

HƯỚNG DẪN CỤ THỂ TỪNG BÀI HỌC

Bài 1. ÔN TẬP CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 1 000	45
Bài 2. ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 1 000 ...	49

Bài 3. ÔN TẬP VỀ PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA.....	53
Bài 4 . ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG.....	55
Bài 5. CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 10 000.....	59
Bài 6. CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100 000.....	63
Bài 7. SO SÁNH CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100 000.....	67
Bài 8. LÀM TRÒN SỐ	70
Bài 9. LÀM QUEN VỚI CHỮ SỐ LA MÃ.....	72
Bài 10. PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 100 000	75
Bài 11. PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 100 000.....	79
Bài 12. NHÂN VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ (không nhớ)	83
Bài 13. NHÂN VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ (có nhớ)	86
Bài 14. PHÉP CHIA HẾT, PHÉP CHIA CÓ DƯ	90
Bài 15. CHIA SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ.....	94
Bài 16. CHIA SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ (tiếp theo).....	98
Bài 17. LUYỆN TẬP CHUNG	102
Bài 18. GẤP MỘT SỐ LÊN MỘT SỐ LẦN	105
Bài 19. GIẢM MỘT SỐ ĐI MỘT SỐ LẦN	109
Bài 20. MỘT PHẦN MẤY	112
Bài 21. SO SÁNH SỐ LỚN GẤP MẤY LẦN SỐ BÉ	114
Bài 22. LÀM QUEN VỚI BIỂU THỨC SỐ. TÍNH GIÁ TRỊ CỦA BIỂU THỨC SỐ.....	118
Bài 23. TÌM THÀNH PHẦN CHƯA BIẾT CỦA PHÉP TÍNH	122
Bài 24. LUYỆN TẬP CHUNG	126
Bài 25. NHIỆT ĐỘ.....	129
Bài 26. GÓC VUÔNG, GÓC KHÔNG VUÔNG	132
Bài 27. TAM GIÁC, TỨ GIÁC. HÌNH CHỮ NHẬT, HÌNH VUÔNG	135

Bài 28. CHU VI HÌNH TAM GIÁC, CHU VI HÌNH TỨ GIÁC. CHU VI HÌNH CHỮ NHẬT, CHU VI HÌNH VUÔNG	138
Bài 29. ĐIỂM Ở GIỮA. TRUNG ĐIỂM CỦA ĐOẠN THẲNG.....	143
Bài 30. HÌNH TRÒN, TÂM, ĐƯỜNG KÍNH, BÁN KÍNH. VỀ TRANG TRÍ HÌNH TRÒN.....	146
Bài 31. KHỐI HỘP CHỮ NHẬT. KHỐI LẬP PHƯƠNG.....	149
Bài 32. THỰC HÀNH XEM ĐỒNG HỒ.....	152
Bài 33. THÁNG-NĂM	154
Bài 34. DIỆN TÍCH. ĐƠN VỊ ĐO DIỆN TÍCH. XĂNG-TI-MÉT VUÔNG. MÉT VUÔNG.....	157
Bài 35. DIỆN TÍCH HÌNH CHỮ NHẬT. DIỆN TÍCH HÌNH VUÔNG.....	160
Bài 36. BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU	164
Bài 37. KHẢ NĂNG XẢY RA CỦA MỘT SỰ KIỆN	167
Bài 38. ÔN TẬP CUỐI KỲ	169

BẢNG KÝ HIỆU VIẾT TẮT

Chữ cụ thể	Chữ được viết tắt
Giáo viên	GV
Học viên	HV
Tài liệu học	TLH
Xóa mù chữ	XMC

I. MỤC TIÊU CỦA MÔN TOÁN TRONG CHƯƠNG TRÌNH XÓA MÙ CHỮ

1. Mục tiêu chung

Môn Toán nhằm giúp HV đạt các mục tiêu chủ yếu sau:

1.1. Hình thành và phát triển năng lực toán học bao gồm các thành tố cốt lõi: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

1.2. Góp phần hình thành và phát triển ở HV các phẩm chất chủ yếu: yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm. Các năng lực chung: năng lực tự chủ và tự học, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.

1.3. Có kiến thức, kỹ năng toán học phổ thông, cơ bản, thiết yếu; phát triển khả năng giải quyết vấn đề có tính tích hợp liên môn giữa môn Toán và các môn học khác như: Tự nhiên và Xã hội, Lịch sử - Địa lý, Tin học, Công nghệ, ...; tạo cơ hội để học viên được trải nghiệm, áp dụng toán học vào thực tiễn.

1.4. Có hiểu biết tương đối tổng quát về sự hữu ích của toán học đối với từng ngành nghề liên quan để có đủ năng lực tối thiểu tự tìm hiểu những vấn đề liên quan đến toán học trong suốt cuộc đời.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Góp phần hình thành và phát triển năng lực toán học với yêu cầu cần đạt: Thực hiện được các thao tác tư duy ở mức độ đơn giản; nêu và trả lời được câu hỏi khi lập luận, giải quyết vấn đề đơn giản; lựa chọn được các phép toán và công thức số học để trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng,

cách thức giải quyết vấn đề; sử dụng được ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường, động tác hình thể để biểu đạt các nội dung toán học ở những tình huống đơn giản; sử dụng được các công cụ, phương tiện học toán đơn giản để thực hiện các nhiệm vụ học toán đơn giản.

2.2. Có những kiến thức và kỹ năng toán học cơ bản ban đầu, thiết yếu về:

- Số và phép tính: Số tự nhiên, phân số, số thập phân và các phép tính trên những tập hợp số đó.

- Hình học và đo lường: Quan sát, nhận biết, mô tả hình dạng và đặc điểm (ở mức độ trực quan) của một số hình phẳng và hình khối trong thực tiễn; tạo lập một số mô hình hình học đơn giản; tính toán một số đại lượng hình học; phát triển trí tưởng tượng không gian; giải quyết một số vấn đề thực tiễn đơn giản gắn với hình học và đo lường (với các đại lượng đo thông dụng).

- Thống kê và xác suất: Một số yếu tố thống kê và xác suất đơn giản; giải quyết một số vấn đề thực tiễn đơn giản gắn với một số yếu tố thống kê và xác suất.

2.3. Cùng với các môn học và hoạt động giáo dục khác góp phần hỗ trợ HV có thêm những hiểu biết về một số nghề nghiệp trong xã hội. Bước đầu thấy được những hữu ích của toán học đối với công việc hằng ngày; tạo cơ hội để HV được kiểm nghiệm lại hoạt động thực tiễn trong đời sống với những kiến thức toán học thuần túy; tạo lập sự kết nối giữa các ý tưởng toán học, giữa toán học với thực tiễn, giữa toán học với các môn học và hoạt động giáo dục khác.

II. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất chủ yếu và năng lực chung

Môn Toán góp phần hình thành và phát triển ở HV các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung theo các mức độ phù hợp với môn học trong Chương trình Xóa mù chữ ban hành kèm theo Thông tư số 33/2021/TT-BGDĐT ngày 26/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Yêu cầu cần đạt về năng lực đặc thù

Môn Toán góp phần hình thành và phát triển cho HV năng lực toán học (biểu hiện tập trung nhất của năng lực tính toán) bao gồm các thành phần cốt lõi sau:

Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

Biểu hiện cụ thể của năng lực toán học và yêu cầu cần đạt trong Chương trình môn Toán như sau:

Thành phần năng lực	Yêu cầu cần đạt
Năng lực tư duy và lập luận toán học thể hiện qua việc:	
<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được các thao tác tư duy như: so sánh, phân tích, tổng hợp, đặc biệt hoá, khái quát hoá, tương tự; quy nạp, diễn dịch. - Chỉ ra được chứng cứ, lý lẽ và biết lập luận hợp lý trước khi kết luận. - Giải thích hoặc điều chỉnh được cách thức giải quyết vấn đề về phương diện toán học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được các thao tác tư duy (ở mức độ đơn giản), đặc biệt biết quan sát, tìm kiếm sự tương đồng và khác biệt trong những tình huống quen thuộc và mô tả được kết quả của việc quan sát. - Nêu được chứng cứ, lý lẽ và biết lập luận hợp lý trước khi kết luận. - Nêu và trả lời được câu hỏi khi lập luận, giải quyết vấn đề. Bước đầu chỉ ra được chứng cứ và lập luận có cơ sở, có lý lẽ trước khi kết luận.
Năng lực mô hình hoá toán học thể hiện qua việc:	
<ul style="list-style-type: none"> - Xác định được mô hình toán học (gồm công thức, phương trình, bảng biểu, đồ thị,...) cho tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn. - Giải quyết được những vấn đề toán học trong mô hình được thiết lập. - Thể hiện và đánh giá được lời giải trong ngữ cảnh thực tế và cải tiến được mô hình nếu cách giải quyết không phù hợp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn được các phép toán, công thức số học, sơ đồ, bảng biểu, hình vẽ để trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng của tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn đơn giản. - Giải quyết được những bài toán xuất hiện từ sự lựa chọn trên. - Nêu được câu trả lời cho tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn.

Thành phần năng lực	Yêu cầu cần đạt
Năng lực giải quyết vấn đề toán học thể hiện qua việc:	
<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết, phát hiện được vấn đề cần giải quyết bằng toán học. - Lựa chọn, đề xuất được cách thức, giải pháp giải quyết vấn đề. - Sử dụng được các kiến thức, kỹ năng toán học tương thích (bao gồm các công cụ và thuật toán) để giải quyết vấn đề đặt ra. - Đánh giá được giải pháp đề ra và khái quát hoá được cho vấn đề tương tự. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được vấn đề cần giải quyết và nêu được thành câu hỏi. - Nêu được cách thức giải quyết vấn đề. - Thực hiện và trình bày được cách thức giải quyết vấn đề ở mức độ đơn giản. - Kiểm tra được giải pháp đã thực hiện.
Năng lực giao tiếp toán học thể hiện qua việc:	
<ul style="list-style-type: none"> - Nghe hiểu, đọc hiểu và ghi chép được các thông tin toán học cần thiết được trình bày dưới dạng văn bản toán học hay do người khác nói hoặc viết ra. - Trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người khác (với yêu cầu thích hợp về sự đầy đủ, chính xác). - Sử dụng được hiệu quả ngôn ngữ toán học (chữ số, chữ cái, ký hiệu, biểu đồ, đồ thị, các liên kết logic,...) kết hợp với ngôn ngữ thông thường hoặc động tác hình thể khi trình bày, giải thích và đánh giá các ý tưởng toán học trong sự tương tác (thảo luận, tranh luận) với người khác. - Thể hiện được sự tự tin khi trình bày, diễn đạt, nêu câu hỏi, thảo luận, tranh luận các nội dung, ý tưởng liên quan đến toán học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghe hiểu, đọc hiểu và ghi chép (tóm tắt) được các thông tin toán học trọng tâm trong nội dung văn bản hay do người khác thông báo (ở mức độ đơn giản), từ đó nhận biết được vấn đề cần giải quyết. - Trình bày, diễn đạt (nói hoặc viết) được các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người khác (chưa yêu cầu phải diễn đạt đầy đủ, chính xác). Nêu và trả lời được câu hỏi khi lập luận, giải quyết vấn đề. - Sử dụng được ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường, động tác hình thể để biểu đạt các nội dung toán học ở những tình huống đơn giản. - Thể hiện được sự tự tin khi trả lời câu hỏi, khi trình bày, thảo luận các nội dung toán học ở những tình huống đơn giản.

Thành phần năng lực	Yêu cầu cần đạt
Năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán thể hiện qua việc:	
<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được tên gọi, tác dụng, quy cách sử dụng, cách thức bảo quản các đồ dùng, phương tiện trực quan thông thường, phương tiện khoa học công nghệ (đặc biệt là phương tiện sử dụng công nghệ thông tin), phục vụ cho việc học toán. - Sử dụng được các công cụ, phương tiện học toán, đặc biệt là phương tiện khoa học công nghệ để tìm tòi, khám phá và giải quyết vấn đề toán học (phù hợp với đặc điểm nhận thức lứa tuổi). - Nhận biết được các ưu điểm, hạn chế của những công cụ, phương tiện hỗ trợ để có cách sử dụng hợp lý. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được tên gọi, tác dụng, quy cách sử dụng, cách thức bảo quản các công cụ, phương tiện học toán đơn giản (que tính, thẻ số, thước, compa, ê ke, các mô hình hình phẳng và hình khối quen thuộc,...) - Sử dụng được các công cụ, phương tiện học toán để thực hiện những nhiệm vụ học tập toán đơn giản - Sử dụng được máy tính cầm tay, phương tiện công nghệ thông tin hỗ trợ học tập và giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống - Nhận biết được (bước đầu) một số ưu điểm, hạn chế của những công cụ, phương tiện hỗ trợ để có cách sử dụng hợp lý.

III. NỘI DUNG GIÁO DỤC

1. Nội dung khái quát

1.1. Nội dung cốt lõi

Nội dung môn Toán được tích hợp xoay quanh ba mạch kiến thức: Số và phép tính; hình học và đo lường; thống kê và xác suất.

Số và phép tính là cơ sở cho tất cả các nghiên cứu sâu hơn về toán học, nhằm hình thành những công cụ toán học để giải quyết các vấn đề của toán học và các lĩnh vực khoa học khác có liên quan; tạo cho HV khả năng suy luận suy diễn, góp phần phát triển tư duy logic, khả năng sáng tạo toán học và hình thành khả năng sử dụng các thuật toán.

Hình học và đo lường là một trong những thành phần quan trọng của giáo dục toán học, rất cần thiết cho HV trong việc tiếp thu các kiến thức về không gian và phát triển các kỹ năng thực tế thiết yếu. Hình học và đo lường hình thành những công cụ nhằm mô tả các đối tượng, thực thể của thế giới xung quanh; cung cấp cho HV kiến thức, kỹ năng toán học cơ bản về hình học, đo lường (với các đại lượng đo thông dụng) và tạo cho HV khả năng suy luận góp phần vào phát triển tư duy logic, khả năng sáng tạo toán học, trí tưởng tượng không gian và tính trực giác. Đồng thời, Hình học còn góp phần giáo dục thẩm mỹ và nâng cao văn hoá toán học cho HV. Việc gắn kết đo lường và hình học sẽ tăng cường tính thực quan, thực tiễn của việc dạy học môn Toán.

Thống kê và xác suất là một thành phần bắt buộc của giáo dục toán học phổ thông, góp phần tăng cường tính ứng dụng và giá trị thiết thực của giáo dục toán học. Thống kê và xác suất tạo cho học viên khả năng nhận thức và phân tích các thông tin được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, hiểu bản chất xác suất của nhiều sự phụ thuộc trong thực tế, hình thành sự hiểu biết về vai trò của thống kê như là một nguồn thông tin quan trọng về mặt xã hội, biết áp dụng tư duy thống kê để phân tích dữ liệu. Từ đó, nâng cao sự hiểu biết và phương pháp nghiên cứu thế giới hiện đại cho HV.

1.2. Môn Toán được phân chia theo hai giai đoạn. Giai đoạn 1 được chia làm 3 kỳ học, gồm: Kỳ 1, Kỳ 2, Kỳ 3; giai đoạn 2 được chia làm 2 kỳ, gồm: Kỳ 4, Kỳ 5.

1.3. Chuyên đề học tập

Giai đoạn 2, HV được chọn 2 trong 3 chuyên đề học tập. Các chuyên đề này nhằm:

- Tăng cường một số ứng dụng của toán học trong một số vấn đề liên quan tới cuộc sống hằng ngày của HV như: giáo dục tài chính, thống kê trong đời sống,....
- củng cố thêm một số kiến thức và kỹ năng toán học khi vận dụng trong thực tiễn, công việc của HV.
- Tạo cơ hội cho HV nhận biết năng khiếu, sở thích, phát triển hứng thú và niềm tin trong học toán; phát triển năng lực toán học và năng lực tìm hiểu những vấn đề có liên quan đến toán học trong suốt cuộc đời.

2. Phân bố nội dung ở các kỳ

(Ký hiệu “x” là các chủ đề được thực hiện và phân bố trong từng kỳ)

Các chủ đề	Kỳ				
	1	2	3	4	5
Số tự nhiên	x	x	x	x	x
Phân số			x	x	x
Số thập phân					x
Ước lượng và làm tròn số		x	x	x	x
Tỉ số. Tỉ số phần trăm					x
Biểu thức			x	x	x
Hình phẳng và hình khối trong thực tiễn	x	x	x	x	x
Độ dài	x	x	x	x	x
Số đo góc				x	
Chu vi. Diện tích			x	x	x
Dung tích. Thể tích		x	x		x
Khối lượng		x	x	x	
Nhiệt độ			x		
Thời gian	x	x	x	x	x
Vận tốc					x
Tiền tệ		x	x	x	x
Một số yếu tố thống kê		x	x	x	x
Một số yếu tố xác suất		x	x	x	x

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA KỲ 3

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
SỐ VÀ PHÉP TÍNH		
Số tự nhiên		
Số tự nhiên	Số và cấu tạo số	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc, viết được các số trong phạm vi 10 000; trong phạm vi 100 000. - Nhận biết được số tròn nghìn, tròn mười nghìn. - Nhận biết được chữ số La Mã và viết được các số tự nhiên trong phạm vi 20 bằng cách sử dụng chữ số La Mã.
	So sánh các số	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được cách so sánh hai số trong phạm vi 100 000. - Xác định được số lớn nhất hoặc số bé nhất trong một nhóm có không quá 4 số (trong phạm vi 100 000). - Thực hiện được việc sắp xếp các số theo thứ tự (từ bé đến lớn hoặc ngược lại) trong một nhóm có không quá 4 số (trong phạm vi 100 000).
	Làm tròn số	Làm quen với việc làm tròn số đến tròn chục, tròn trăm, tròn nghìn, tròn mười nghìn (ví dụ: làm tròn số 1234 đến hàng chục thì được số 1230).
Các phép tính với số tự nhiên	Phép cộng, phép trừ	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được phép cộng, phép trừ các số có đến 5 chữ số (có nhớ không quá hai lượt và không liên tiếp). - Nhận biết được mối quan hệ giữa phép cộng với phép trừ trong thực hành tính.
	Phép nhân, phép chia	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được phép nhân với số có một chữ số (có nhớ không quá hai lượt và không liên tiếp). - Thực hiện được phép chia cho số có một chữ số. - Nhận biết và thực hiện được phép chia hết và phép chia có dư. - Nhận biết được mối quan hệ giữa phép nhân với phép chia trong thực hành tính.
	Tính nhẩm	Thực hiện được cộng, trừ, nhân, chia nhẩm trong những trường hợp đơn giản.

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
	Biểu thức số	<ul style="list-style-type: none"> - Làm quen với biểu thức số. - Tính được giá trị của biểu thức số có đến hai dấu phép tính và không có dấu ngoặc. - Tính được giá trị của biểu thức số có đến hai dấu phép tính và có dấu ngoặc theo nguyên tắc thực hiện trong dấu ngoặc trước.
	Thực hành giải quyết vấn đề liên quan đến các phép tính đã học	Giải quyết được một số vấn đề gắn với việc giải các bài toán có đến hai bước tính (trong phạm vi các số và phép tính đã học) liên quan đến ý nghĩa thực tế của phép tính; liên quan đến thành phần và kết quả của phép tính; liên quan đến các mối quan hệ so sánh trực tiếp và đơn giản (chẳng hạn: gấp một số lên một số lần, giảm một số đi một số lần, so sánh số lớn gấp mấy lần số bé).
Phân số		
Phân số	Làm quen với phân số	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được $\frac{1}{2}; \frac{1}{3}; \frac{1}{4}; \frac{1}{5}; \frac{1}{6}; \frac{1}{7}; \frac{1}{8}; \frac{1}{9}$ thông qua các hình ảnh trực quan. - Xác định được $\frac{1}{2}; \frac{1}{3}; \frac{1}{4}; \frac{1}{5}; \frac{1}{6}; \frac{1}{7}; \frac{1}{8}; \frac{1}{9}$ của một nhóm đồ vật (đối tượng) bằng việc chia thành các phần đều nhau.
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG		
Hình học trực quan		
Hình phẳng và hình khối	Quan sát, nhận biết, mô tả hình dạng và đặc điểm của một số hình phẳng và hình khối đơn giản	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được điểm ở giữa, trung điểm của đoạn thẳng. - Nhận biết được góc, góc vuông, góc không vuông. - Nhận biết được tam giác, tứ giác. - Nhận biết được một số yếu tố cơ bản như đỉnh, cạnh, góc của hình chữ nhật, hình vuông; tâm, bán kính, đường kính của hình tròn. - Nhận biết được một số yếu tố cơ bản như đỉnh, cạnh, mặt của khối lập phương, khối hộp chữ nhật.

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
	Thực hành đo, vẽ, lắp ghép, tạo hình gắn với một số hình phẳng và hình khối đã học	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được việc vẽ góc vuông, đường tròn, vẽ trang trí. - Sử dụng được ê ke để kiểm tra góc vuông, sử dụng được compa để vẽ đường tròn. - Thực hiện được việc vẽ hình vuông, hình chữ nhật bằng lưới ô vuông. - Giải quyết được một số vấn đề liên quan đến gấp, cắt, ghép, xếp, vẽ và tạo hình trang trí.
Đo lường		
Đo lường	Biểu tượng về đại lượng và đơn vị đo đại lượng	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được “diện tích” thông qua một số biểu tượng cụ thể. - Nhận biết được đơn vị đo diện tích: cm^2 (xăng-ti-mét vuông), m^2 (mét vuông). - Nhận biết được đơn vị đo nhiệt độ ($^{\circ}\text{C}$).
	Thực hành đo đại lượng	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được một số dụng cụ thông dụng (một số loại cân thông dụng, thước thẳng có chia vạch đến mi-li-mét, nhiệt kế,...) để thực hành cân, đo, đong, đếm. - Đọc được giờ chính xác đến 5 phút và từng phút trên đồng hồ.
	Tính toán và ước lượng với các số đo đại lượng	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán với các số đo độ dài (mm, cm, dm, m, km); diện tích (cm^2, m^2); khối lượng (g, kg); dung tích (ml, l); thời gian (phút, giờ, ngày, tuần lễ, tháng, năm); tiền Việt Nam đã học. - Tính được chu vi của hình tam giác, hình tứ giác, hình chữ nhật, hình vuông khi biết độ dài các cạnh. - Tính được diện tích hình chữ nhật, hình vuông. - Thực hiện được việc ước lượng các kết quả đo lường trong một số trường hợp đơn giản (ví dụ: cân nặng của một quả dưa hấu khoảng 3kg,...). - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn liên quan đến đo lường.

Nội dung		Yêu cầu cần đạt
MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT		
Một số yếu tố thống kê		
Một số yếu tố thống kê	Thu thập, phân loại, sắp xếp các số liệu	Nhận biết được cách thu thập, phân loại, ghi chép số liệu thống kê (trong một số tình huống đơn giản) theo các tiêu chí cho trước.
	Đọc, mô tả bảng số liệu	Đọc và mô tả được các số liệu ở dạng bảng.
	Nhận xét về các số liệu trong bảng	Nêu được một số nhận xét đơn giản từ bảng số liệu.
Một số yếu tố xác suất		
Một số yếu tố xác suất	Nhận biết và mô tả các khả năng xảy ra (có tính ngẫu nhiên) của một sự kiện	Nhận biết và mô tả được các khả năng xảy ra (có tính ngẫu nhiên) của một sự kiện khi thực hiện (1 lần) thí nghiệm đơn giản (ví dụ: nhận ra được hai khả năng xảy ra đối với mặt xuất hiện của đồng xu khi tung 1 lần; nhận ra được hai khả năng xảy ra đối với màu của quả bóng lấy ra từ hộp kín đựng các quả bóng có hai màu xanh hoặc đỏ;...).

IV. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

1. Phương pháp dạy học môn Toán cần đáp ứng các yêu cầu cơ bản:

1.1. Hình thành, phát triển các phẩm chất

Thông qua việc tổ chức các hoạt động học tập, môn Toán góp phần cùng các môn học và hoạt động giáo dục khác giúp HV rèn luyện tính trung thực, tình yêu lao động, tinh thần trách nhiệm, ý thức hoàn thành nhiệm vụ học tập; bồi dưỡng sự tự tin, hứng thú học tập, thói quen đọc sách và ý thức tìm tòi, khám phá khoa học.

1.2. Hình thành, phát triển các năng lực chung

- Môn Toán góp phần hình thành và phát triển năng lực tự chủ và tự học thông qua việc rèn luyện cho người học biết cách lựa chọn mục tiêu, lập được kế hoạch học tập, hình thành cách tự học, rút kinh nghiệm và điều chỉnh để có thể vận dụng vào các tình huống khác trong quá trình học các khái niệm, kiến thức và kỹ năng toán học cũng như khi thực hành, luyện tập hoặc tự lực giải toán, giải quyết các vấn đề có ý nghĩa toán học.

- Môn Toán góp phần hình thành và phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác thông qua việc nghe hiểu, đọc hiểu, ghi chép, diễn tả được các thông tin toán học cần thiết trong văn bản toán học; thông qua sử dụng hiệu quả ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường để trao đổi, trình bày được các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người khác, đồng thời thể hiện sự tự tin, tôn trọng người đối thoại khi mô tả, giải thích các nội dung, ý tưởng toán học.

- Môn Toán góp phần hình thành và phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc giúp HV nhận biết được tình huống có vấn đề; chia sẻ sự am hiểu vấn đề với người khác; biết đề xuất, lựa chọn được cách thức, quy trình giải quyết vấn đề và biết trình bày giải pháp cho vấn đề; biết đánh giá giải pháp đã thực hiện và khái quát hoá cho vấn đề tương tự.

1.3. Hình thành và phát triển năng lực tính toán, năng lực ngôn ngữ và các năng lực đặc thù khác

- Môn Toán với ưu thế nổi trội, có nhiều cơ hội để phát triển năng lực tính toán thể hiện ở chỗ vừa cung cấp kiến thức toán học, rèn luyện kỹ năng tính toán, ước lượng, vừa giúp hình thành và phát triển các thành tố của năng lực toán học (năng lực tư duy và lập luận, năng lực mô hình hoá, năng lực giải quyết vấn đề; năng lực giao tiếp và năng lực sử dụng công cụ và phương tiện học toán).

- Môn Toán góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ thông qua rèn luyện kỹ năng đọc hiểu, diễn giải, phân tích, đánh giá tình huống có ý nghĩa toán học, thông qua việc sử dụng hiệu quả ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường để trình bày, diễn tả các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học.

- Môn Toán góp phần phát triển năng lực tin học thông qua việc sử dụng các phương tiện, công cụ công nghệ thông tin và truyền thông như công cụ hỗ trợ trong học tập và tự học; tạo dựng môi trường học tập trải nghiệm.

- Môn Toán góp phần phát triển năng lực thẩm mỹ thông qua việc giúp HV làm quen với lịch sử toán học, với tiểu sử của các nhà toán học và thông qua việc nhận biết vẻ đẹp của toán học trong thế giới tự nhiên.

1.4. Tính đặc thù cho đối tượng người lớn tuổi

- Phương pháp dạy học môn Toán cần phù hợp với tiến trình nhận thức của HV, đặc biệt là người lớn tuổi (đi từ cụ thể đến trừu tượng, từ dễ đến khó, từ trải nghiệm thực tiễn đến thống nhất kiến thức toán học); phù hợp với hoạt động lao động, sản xuất mà HV đã và đang trải nghiệm; không nhất thiết đề cao tính logic của khoa học toán học mà chỉ cần chú ý thống nhất giữa thực tiễn và kiến thức toán học liên quan; khai thác tối đa vốn kinh nghiệm và sự trải nghiệm của HV;

- Quán triệt tinh thần “lấy trải nghiệm của người học làm cơ sở dạy học kiến thức toán liên quan”, phát huy tính tích cực, tự giác, tự trọng của người học; động viên, thấu hiểu hoàn cảnh khác nhau của HV, vốn vừa lao động vừa học tập; phát huy tính ân cần, nhiệt tình và chỉ bảo của người dạy;

- Linh hoạt trong việc vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực; kết hợp nhuần nhuyễn, sáng tạo với việc vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học truyền thống; kết hợp các hoạt động dạy học và động viên người học; khơi dậy tính tự trọng của người học; coi trọng trải nghiệm của HV gắn với kiến thức toán học liên quan; học toán phục vụ trực tiếp trong lao động, sản xuất và các hoạt động hằng ngày.

- Sử dụng đủ và hiệu quả các phương tiện, thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định đối với môn Toán, khai thác cơ sở vật chất xung quanh hỗ trợ đồ dùng dạy học; có thể sử dụng các đồ dùng dạy học tự làm phù hợp với nội dung học và các đối tượng HV; tăng cường sử dụng công nghệ thông tin và các phương tiện, thiết bị dạy học hiện đại một cách phù hợp và hiệu quả.

2. Đánh giá kết quả giáo dục

Mục tiêu đánh giá kết quả giáo dục môn Toán là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về sự phát triển năng lực và sự tiến bộ của HV trên cơ sở yêu cầu cần đạt ở mỗi kỳ; điều chỉnh các hoạt động dạy học, bảo đảm sự tiến bộ của từng HV và nâng cao chất lượng giáo dục môn Toán nói riêng và chất lượng giáo dục nói chung.

Vận dụng kết hợp nhiều hình thức đánh giá (đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ), nhiều phương pháp đánh giá (quan sát, ghi lại quá trình thực hiện, vấn đáp, trắc nghiệm khách quan, tự luận, kiểm tra viết, bài tập thực hành, các dự án/sản phẩm học tập, thực hiện nhiệm vụ thực tiễn,...) vào những thời điểm thích hợp.

Đánh giá thường xuyên do GV phụ trách môn học tổ chức, kết hợp với đánh giá của GV các môn học khác, của bản thân HV được đánh giá và của các HV khác trong tổ, trong lớp hoặc đánh giá của cha mẹ HV. Đánh giá quá trình đi liền với tiến trình hoạt động học tập của HV, tránh tình trạng tách rời giữa quá trình dạy học và quá trình đánh giá, bảo đảm mục tiêu đánh giá vì sự tiến bộ trong học tập của HV.

Đánh giá định kỳ (hay đánh giá tổng kết) có mục đích chính là đánh giá việc thực hiện các mục tiêu học tập. Kết quả đánh giá định kỳ và đánh giá tổng kết được sử dụng để chứng nhận cấp độ học tập, công nhận thành tích của HV. Đánh giá định kỳ do cơ sở giáo dục tổ chức hoặc thông qua các kỳ kiểm tra, đánh giá quốc gia.

Đánh giá định kỳ còn được sử dụng để phục vụ quản lý các hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng ở cơ sở giáo dục và phục vụ phát triển Chương trình môn Toán.

Đánh giá năng lực HV thông qua các bằng chứng biểu hiện kết quả đạt được trong quá trình thực hiện các hành động của HV. Tiến trình đánh giá gồm các bước cơ bản như: xác định mục đích đánh giá; xác định bằng chứng cần thiết; lựa chọn các phương pháp, công cụ đánh giá thích hợp; thu thập bằng chứng; giải thích bằng chứng và đưa ra nhận xét.

Chú trọng việc lựa chọn phương pháp, công cụ đánh giá các thành tố của năng lực toán học. Cụ thể:

- Đánh giá năng lực tư duy và lập luận toán học: Có thể sử dụng một số phương pháp, công cụ đánh giá như các câu hỏi (nói, viết), bài tập,... mà đòi hỏi HV phải trình bày, so sánh, phân tích, tổng hợp, hệ thống hoá kiến thức; phải vận dụng kiến thức toán học để giải thích, lập luận.

- Đánh giá năng lực mô hình hoá toán học: Lựa chọn những tình huống trong thực tiễn làm xuất hiện bài toán toán học. Từ đó, đòi hỏi HV phải xác định được mô hình toán học (gồm công thức, phương trình, bảng biểu, đồ thị,...) cho tình huống xuất hiện trong bài toán thực tiễn; giải quyết được những vấn đề toán học trong mô hình được thiết lập; thể hiện và đánh giá được lời giải trong ngữ cảnh thực tiễn và cải tiến được mô hình nếu cách giải quyết không phù hợp.

- Đánh giá năng lực giải quyết vấn đề toán học: Có thể sử dụng các phương pháp như yêu cầu người học nhận dạng tình huống, phát hiện và trình bày vấn đề cần giải quyết; mô tả, giải thích các thông tin ban đầu, mục tiêu, mong muốn của tình huống vấn đề đang xem xét; thu thập, lựa chọn, sắp xếp thông tin và kết nối với kiến thức đã có; sử dụng các câu hỏi (có thể yêu cầu trả lời nói hoặc viết) đòi hỏi người học vận dụng kiến thức vào giải quyết vấn đề, đặc biệt các vấn đề thực tiễn; sử dụng phương pháp quan sát (như bảng kiểm theo các tiêu chí đã xác định), quan sát người học trong quá trình giải quyết vấn đề; đánh giá qua các sản phẩm thực hành của người học (chẳng hạn sản phẩm của các dự án học tập); quan tâm hợp lý đến các nhiệm vụ đánh giá mang tính tích hợp.

- Đánh giá năng lực giao tiếp toán học: Có thể sử dụng các phương pháp như yêu cầu người học nghe hiểu, đọc hiểu, ghi chép (tóm tắt), phân tích, lựa chọn, trích xuất được các thông tin toán học cơ bản, trọng tâm trong văn bản nói hoặc viết; sử dụng được ngôn ngữ toán học kết hợp với ngôn ngữ thông thường trong việc trình bày, diễn đạt, nêu câu hỏi, thảo luận, tranh luận các nội dung, ý tưởng, giải pháp toán học trong sự tương tác với người khác.

- Đánh giá năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán: Có thể sử dụng các phương pháp như yêu cầu người học nhận biết được tên gọi, tác dụng, quy cách sử dụng, cách thức bảo quản, ưu điểm, hạn chế của các công cụ, phương

tiện học toán; trình bày được cách sử dụng (hợp lý) công cụ, phương tiện học toán để thực hiện nhiệm vụ học tập hoặc để diễn tả những lập luận, chứng minh toán học.

Khi GV lên kế hoạch bài học, cần thiết lập các tiêu chí và cách thức đánh giá để bảo đảm ở cuối mỗi bài học HV đạt được các yêu cầu cơ bản dựa trên các tiêu chí đã nêu, trước khi thực hiện các hoạt động học tập tiếp theo.

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THIẾT BỊ DẠY HỌC

1. Thiết bị dạy học môn Toán chứa đựng, mô tả những tri thức có khả năng hỗ trợ GV và hỗ trợ HV hướng vào đối tượng toán học cụ thể (khái niệm, quan hệ, tính chất toán học,...) nhằm phát hiện, tìm tòi, khắc sâu kiến thức,... trong quá trình học tập môn Toán.

2. Việc sử dụng thiết bị dạy học môn Toán cần bảo đảm một số yêu cầu sau:

- Các thiết bị dạy học phải phục vụ cho mục tiêu dạy học môn Toán, phù hợp với nội dung học và các đối tượng HV, hỗ trợ đổi mới phương pháp dạy học và tránh làm tăng thêm nội dung dạy học, công việc của GV và gây tốn kém không cần thiết.

- Sử dụng đúng lúc, đúng chỗ, tránh hình thức hoặc lạm dụng gây phản tác dụng, làm giảm hiệu quả của quá trình dạy học; tạo điều kiện để HV thực sự được thực hành, thao tác trên các thiết bị dạy học, qua đó giúp HV chủ động, tích cực khám phá, phát hiện kiến thức và góp phần phát triển “năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán”.

- Khuyến khích sử dụng các phương tiện nghe nhìn, phương tiện kỹ thuật hiện đại hỗ trợ quá trình dạy học, đồng thời coi trọng việc sử dụng các phương tiện truyền thống. Khi có điều kiện, GV hướng dẫn HV cách tìm kiếm thông tin, tư liệu trên Internet hoặc chương trình truyền hình có uy tín về giáo dục để mở rộng vốn hiểu biết và năng lực tự học.

- Tăng cường thiết bị dạy học tự làm: Ngoài các thiết bị dạy học tối thiểu được quy định trong danh mục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành cần huy động sáng

kiến, sự sáng tạo của HV, GV và phụ huynh trong việc khai thác, thiết kế và sử dụng các thiết bị dạy học tự làm.

- Phối hợp sử dụng linh hoạt các loại hình thiết bị dạy học: Mỗi loại hình thiết bị đều có ưu điểm và hạn chế nhất định, do đó tùy thuộc nội dung bài học, phương pháp dạy học mà có thể kết hợp sử dụng các loại hình thiết bị dạy học và phối hợp một cách hợp lý, khoa học và sinh động.

3. Căn cứ mục tiêu và yêu cầu cần đạt của chương trình môn Toán, GV so sánh, đối chiếu với danh mục thiết bị dạy học tối thiểu của môn Toán cấp Tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để rà soát, bổ sung một số thiết bị phù hợp với đặc thù đối tượng.

I. XÂY DỰNG PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH CHI TIẾT VÀ KẾ HOẠCH BÀI DẠY

1. Xây dựng kế hoạch giáo dục của trung tâm

Kế hoạch giáo dục của trung tâm hay của nhà trường (gọi chung là trung tâm) là kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục thực hiện Chương trình Xóa mù chữ. Trung tâm căn cứ kết quả điều tra, khảo sát nhu cầu, số lượng người mù chữ của địa phương để xây dựng Kế hoạch giáo dục của trung tâm, trong đó có kế hoạch giáo dục môn Toán (bao gồm kế hoạch dạy học và hoạt động giáo dục). Giám đốc trung tâm tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục đảm bảo các nội dung sau:

- Thời gian tổ chức dạy học môn Toán đảm bảo tổng số tiết/năm học được quy định trong Chương trình Xóa mù chữ; bố trí thời gian thực hiện chương trình đảm bảo tính khoa học, sư phạm, không gây áp lực đối với HV; linh hoạt trong tổ chức thực hiện dạy học các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế tại trung tâm/nhà trường, đảm bảo cuối năm học đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của môn Toán trong Chương trình Xóa mù chữ.

- Thời gian thực hiện và hoàn thành nội dung môn Toán ở mỗi kỳ, giai đoạn quy định theo số tiết học. Mỗi tiết học tương đương 35 phút. Tổ chức dạy học theo hình thức vừa làm vừa học. Tùy theo tình hình của địa phương và điều kiện của người học để tổ chức theo lớp, nhóm hoặc cá nhân; thời gian học có thể liên tục trong tuần hoặc có thể gián đoạn.

- Đối với các hoạt động giáo dục củng cố, tăng cường, hoạt động theo nhu cầu người học được tổ chức theo hình thức trải nghiệm, tham quan, hoạt động xã hội, tìm hiểu văn hóa địa phương,... Giám đốc trung tâm tổ chức xây dựng kế hoạch

thời gian thực hiện phù hợp với kế hoạch thời gian thực hiện chương trình các môn học, hoạt động giáo dục và điều kiện cụ thể của trung tâm; tạo môi trường cho HV được trải nghiệm, vận dụng các kiến thức đã học, phát huy năng lực đã đạt được trong môn Toán để vận dụng vào thực tiễn.

2. Kế hoạch dạy học môn Toán, hoạt động giáo dục hỗ trợ

a) Kế hoạch dạy học môn Toán, hoạt động giáo dục là kế hoạch thực hiện chương trình môn học, hoạt động giáo dục ở mỗi kỳ đảm bảo hiệu quả theo mục tiêu, yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong chương trình môn Toán, hoạt động giáo dục; phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, trung tâm và đối tượng HV.

b) Sau khi có kết quả khảo sát tình trạng XMC và được giao thực hiện, giám đốc trung tâm ban hành kế hoạch thời gian tổ chức thực hiện, GV/tổ chuyên môn căn cứ vào kế hoạch thời gian thực hiện xây dựng kế hoạch dạy học môn Toán, hoạt động giáo dục; đảm bảo GV nắm vững mạch nội dung, yêu cầu cần đạt của môn học, hoạt động giáo dục và nội dung bài học, chủ đề học tập được thiết kế trong Tài liệu XMC hoặc sách giáo khoa (tham khảo thêm); đặc điểm địa phương, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và đặc điểm đối tượng HV. Trên cơ sở đó, GV chủ động đề xuất những nội dung cần điều chỉnh hoặc bổ sung, tích hợp; điều chỉnh thời lượng thực hiện; nguồn học liệu và thiết bị dạy học; hình thức tổ chức và phương pháp dạy học; hình thức tổ chức và phương pháp đánh giá; xây dựng phân phối chương trình dạy học phù hợp với tình hình thực tế. Việc xây dựng kế hoạch dạy học môn Toán, hoạt động giáo dục cần đảm bảo phát huy vai trò từng cá nhân, tính tương tác, hợp tác các thành viên trong tổ để đảm bảo tính liên thông giữa các môn học và hoạt động giáo dục.

c) Sau khi được giao nhiệm vụ xây dựng dự thảo kế hoạch dạy học môn học, hoạt động giáo dục; GV trao đổi, thảo luận giữa các thành viên tổ chuyên môn hay các GV cùng tham gia dạy XMC về dự thảo kế hoạch; hoàn thiện dự thảo kế hoạch trình Giám đốc phê duyệt theo từng kỳ và cả giai đoạn.

d) GV chủ động nghiên cứu chương trình, tài liệu/sách giáo khoa và các nội dung liên quan khác; tìm hiểu về đặc điểm đối tượng HV gồm: Các đặc điểm

về vùng miền; hoàn cảnh gia đình, nghề nghiệp; chất lượng học tập kỳ trước...; lập kế hoạch dạy học cho môn học, hoạt động giáo dục mình phụ trách, phù hợp điều kiện thực tiễn tại địa phương và sinh hoạt, tập quán của người học.

đ) Trung tâm thông qua tổ chuyên môn xác định những chủ đề/bài học có những nội dung cần điều chỉnh, bổ sung (nếu có); tổ chức xây dựng kế hoạch dạy học môn học, hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho GV tổ chức thực hiện các hoạt động dạy học môn học, hoạt động giáo dục theo kế hoạch; giám sát, kiểm tra, đánh giá và đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục trong quá trình thực hiện.

KHUNG KẾ HOẠCH DẠY HỌC, HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MÔN TOÁN

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch (*Chương trình môn học, hoạt động giáo dục, tài liệu/sách giáo khoa, kế hoạch thời gian thực hiện, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học, hướng dẫn thực hiện các môn học của các cấp có thẩm quyền,...*)

II. Điều kiện thực hiện môn học, hoạt động giáo dục (*Đội ngũ GV, đặc điểm đối tượng HV, nguồn học liệu, thiết bị dạy học, phòng học bộ môn (nếu có),...*).

III. Kế hoạch dạy học, hoạt động giáo dục môn Toán

1. Gợi ý phân phối chương trình môn Toán

Mục	Tên bài học	Tiết học/thời lượng	Ghi chú

2. Hoạt động giáo dục

.....

3. Kế hoạch bài dạy

a) Kế hoạch bài dạy do GV thiết kế bao gồm các hoạt động của HV và GV trong quá trình dạy học một tiết học/bài học/chủ đề (sau đây gọi chung là bài học) nhằm giúp HV đạt được yêu cầu cần đạt. Kế hoạch bài dạy được GV thực hiện chủ động, linh hoạt phù hợp với đối tượng HV, điều kiện tổ chức dạy học, bảo đảm các yêu cầu cần đạt của chương trình đối với môn học, hoạt động giáo dục để đạt hiệu quả cao nhất; được điều chỉnh, bổ sung thường xuyên cho phù hợp với đối tượng HV và điều kiện tổ chức dạy học.

b) GV căn cứ vào yêu cầu cần đạt được quy định trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục; kế hoạch giáo dục của trung tâm; kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục; tài liệu, sách giáo khoa, thiết bị dạy học để xây dựng kế hoạch bài dạy gồm: Yêu cầu cần đạt, đồ dùng dạy học, hoạt động dạy học chủ yếu, điều chỉnh sau bài dạy, cụ thể như sau:

- Yêu cầu cần đạt: Trên cơ sở yêu cầu cần đạt của mạch nội dung được quy định trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục, GV chủ động sử dụng tài liệu, sách giáo khoa, thiết bị dạy học, học liệu để xác định yêu cầu cần đạt của bài học phù hợp với đối tượng HV, đặc điểm của trung tâm, địa phương. Yêu cầu cần đạt của bài học cần xác định rõ: HV thực hiện được việc gì; vận dụng được những gì vào giải quyết vấn đề trong thực tế cuộc sống; có cơ hội hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực gì.

- Đồ dùng dạy học: Các đồ dùng cần chuẩn bị để tổ chức dạy học bài học.

- Hoạt động dạy học chủ yếu: GV chủ động tổ chức hoạt động dạy học linh hoạt, sáng tạo, đa dạng theo tính chất bài học (bài kiến thức mới; thực hành, ôn tập), đặc điểm môn học, hoạt động giáo dục phù hợp đối tượng HV.

- + Hoạt động học tập của HV bao gồm: Hoạt động khởi động; hình thành kiến thức mới; hoạt động luyện tập, thực hành và hoạt động vận dụng, ứng dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết những vấn đề trong đời sống thực tế. Các hoạt động học tập (kể cả hoạt động tự nhận xét hay nhận xét sản phẩm học tập của bạn hay nhóm bạn) của HV, tùy theo mục đích, tính chất của mỗi hoạt động, được tổ chức làm việc cá nhân, theo nhóm hoặc cả lớp; đảm bảo mỗi HV được tạo điều kiện để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập hay trải nghiệm thực tế.

- Hoạt động của GV bao gồm: tổ chức, hướng dẫn, hỗ trợ hoạt động học cho HV, tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích HV tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự nhận xét hay nhận xét sản phẩm học tập của bạn hay nhóm bạn, phát huy kinh nghiệm, vốn sống, khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kỹ năng đã tích lũy được trong lao động sản xuất để học tập; thực hiện nhận xét, đánh giá, phản biện trong quá trình học tập.

- Điều chỉnh sau bài dạy: GV ghi những điểm cần rút kinh nghiệm sau khi thực hiện kế hoạch bài dạy để hoàn thiện phương án dạy học cho các bài học: Nội dung còn bất cập, còn gặp khó khăn trong quá trình thực hiện tổ chức dạy học; nội dung tâm đắc tổ chức dạy học hiệu quả để trao đổi, thảo luận khi tham gia sinh hoạt chuyên môn.

c) GV thực hiện lưu trữ kế hoạch bài dạy theo hình thức phù hợp, khoa học và báo cáo tổ trưởng chuyên môn, Giám đốc/Hiệu trưởng khi có yêu cầu; có thể sử dụng kế hoạch bài dạy xây dựng từ khóa trước để thực hiện bổ sung, điều chỉnh nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức, để tổ chức dạy học hiệu quả; đảm bảo hình thức khoa học, thuận lợi, hiệu quả; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý trên cơ sở đánh giá đúng thực chất và tôn trọng, động viên tinh thần đổi mới, sáng tạo của GV.

d) Khi tổ chức hoạt động dạy học (thực hiện Kế hoạch bài dạy), GV cần chú ý một số nội dung sau:

- Chuyển giao nhiệm vụ học tập: Nhiệm vụ học tập rõ ràng và phù hợp với khả năng của HV, thể hiện ở việc nêu vấn đề, hướng dẫn cách thực hiện và yêu cầu về sản phẩm mà HV phải hoàn thành khi thực hiện nhiệm vụ; hình thức giao nhiệm vụ sinh động, hấp dẫn, kích thích được hứng thú học tập của HV; đảm bảo cho tất cả HV tiếp nhận và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ.

- Tổ chức cho HV thực hiện nhiệm vụ học tập: Khuyến khích HV hợp tác, giúp đỡ nhau khi thực hiện nhiệm vụ học tập; phát hiện kịp thời những khó khăn của HV và có biện pháp hỗ trợ, động viên kịp thời, phù hợp, hiệu quả; không “bỏ quên” HV nào.

- Tổ chức cho HV trình bày kết quả và thảo luận: Hình thức trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ phù hợp với nội dung học tập và kỹ thuật dạy học tích cực được sử dụng; khuyến khích cho HV trao đổi, thảo luận với nhau về nội dung học tập; xử lý những tình huống sư phạm nảy sinh một cách hợp lý.

- Nhận xét, đánh giá thực hiện nhiệm vụ học tập: Nhận xét về quá trình thực hiện nhiệm vụ học tập của HV; phân tích, nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ và những ý kiến trao đổi, thảo luận của HV nhằm giúp HV có hứng thú, niềm tin trong học tập, cải thiện được kết quả học tập; chính xác hóa các kiến thức mà HV đã học được thông qua hoạt động.

- Kịp thời liên kết với kiến thức vừa học gắn với tình huống thực tế liên quan gần và thiết thực trong lao động sản xuất.

KHUNG KẾ HOẠCH BÀI DẠY

Môn học/hoạt động giáo dục: Lớp:.....

Tên bài học:; Số tiết:

Thời gian thực hiện: ngày ... tháng ... năm ... (hoặc từ .../.../... đến .../.../...)

1. Yêu cầu cần đạt: Nêu cụ thể HV thực hiện được việc gì; vận dụng được những gì vào giải quyết vấn đề trong thực tế cuộc sống; có cơ hội hình thành, phát triển phẩm chất, năng lực gì.

2. Đồ dùng dạy học: Nêu các thiết bị, học liệu được sử dụng trong bài dạy để tổ chức cho HV hoạt động nhằm đạt yêu cầu cần đạt của bài dạy.

3. Các hoạt động dạy học chủ yếu:

- Hoạt động khởi động;
- Hoạt động hình thành kiến thức (đối với bài mới).
- Hoạt động luyện tập/thực hành.
- Hoạt động vận dụng, trải nghiệm (nếu có).

4. Điều chỉnh sau bài dạy (nếu có).

II. PHÂN PHỐI TIẾT HỌC THEO CHƯƠNG TRÌNH VÀ ÔN TẬP, KIỂM TRA KỲ 3

1. Thời lượng thực hiện chương trình

a) Thời lượng thực hiện chương trình ở các kỳ

Kỳ	Kỳ 1	Kỳ 2	Kỳ 3	Kỳ 4	Kỳ 5
Số tiết	75	95	100	135	132
Phân đoạn	Giai đoạn 1 (270 tiết)			Giai đoạn 2 (267 tiết)	
Tổng số tiết toàn Chương trình	537 (tiết)				

Thời gian thực hiện mỗi tiết học là 35 phút/tiết.

b) Thời lượng dành cho các nội dung giáo dục

Ước lượng thời gian (tính theo %) cho các mạch nội dung ở từng lớp (không tính chuyên đề học tập) như sau:

Kỳ	Nội dung	Số và phép tính	Hình học và đo lường	Thống kê và xác suất
Chương trình Xóa mù chữ	Kỳ 1	85%	15%	0%
	Kỳ 2	75%	20%	5%
	Kỳ 3	70%	25%	5%
	Kỳ 4	75%	20%	5%
	Kỳ 5	55%	40%	5%
Toàn bộ chương trình		71%	24%	5%

- Như vậy, kỳ 3 có hai nội dung: Số và phép tính; hình học và đo lường, thống kê và xác suất tổng cộng là 100 tiết (gồm cả các tiết ôn tập và kiểm tra)

- Trong 100 tiết dành thời lượng 8 tiết cho các bài kiểm tra định kỳ. Tổng số tiết còn lại là 92 tiết, trong đó nội dung phần số và phép tính là 64 tiết, nội

dung về hình học và đo lường là 23 tiết và nội dung về thống kê và xác suất là 5 tiết.

Căn cứ vào yêu cầu kiểm tra đánh giá thường xuyên, đánh giá định kỳ của môn Toán, GV và tổ chuyên môn tham mưu xây dựng Chương trình chi tiết môn Toán Kỳ 3.

2. Gợi ý phân phối, phân bố số tiết học theo bài học

Việc cụ thể hóa các nội dung dạy học trong Chương trình Xóa mù chữ môn Toán phụ thuộc vào điều kiện thực tế của từng cơ sở giáo dục. Cơ sở giáo dục căn cứ Chương trình Xóa mù chữ môn Toán, cụ thể hóa cho từng bài học sao cho đạt được yêu cầu cần đạt của Chương trình.

Dưới đây là gợi ý phân phối, phân bố số tiết học cụ thể *(tham khảo)*

STT	Tên chủ đề/bài	Số tiết
1	BÀI 1. ÔN TẬP CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 1 000	2
2	BÀI 2. ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 1 000	2
3	BÀI 3. ÔN TẬP VỀ PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA	2
4	BÀI 4. ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG	2
5	BÀI 5. CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 10 000	2
6	BÀI 6. CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100 000	3
7	BÀI 7. SO SÁNH CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100 000	3
8	BÀI 8. LÀM TRÒN SỐ	3
9	BÀI 9. LÀM QUEN VỚI CHỮ SỐ LA MÃ	2
10	BÀI 10. PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 100 000	3
11	BÀI 11. PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 100 000	3
12	BÀI 12. NHÂN VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ (không nhớ)	3
13	BÀI 13. NHÂN VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ (có nhớ)	3

STT	Tên chủ đề/bài	Số tiết
14	BÀI 14. PHÉP CHIA HẾT, PHÉP CHIA CÓ DƯ	2
15	BÀI 15. CHIA SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ	3
16	BÀI 16. CHIA SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ (tiếp theo)	3
17	BÀI 17. LUYỆN TẬP CHUNG	2
18	BÀI 18. GẤP MỘT SỐ LÊN MỘT SỐ LẦN	3
19	BÀI 19. GIẢM MỘT SỐ ĐI MỘT SỐ LẦN	3
20	BÀI 20. MỘT PHẦN MẤY	3
21	BÀI 21. SO SÁNH SỐ LỚN GẤP MẤY LẦN SỐ BÉ	3
22	BÀI 22. LÀM QUEN VỚI BIỂU THỨC SỐ. TÍNH GIÁ TRỊ CỦA BIỂU THỨC SỐ	3
23	BÀI 23. TÌM THÀNH PHẦN CHƯA BIẾT CỦA PHÉP TÍNH	3
24	BÀI 24. LUYỆN TẬP CHUNG	3
25	BÀI 25. NHIỆT ĐỘ	3
26	BÀI 26. GÓC VUÔNG, GÓC KHÔNG VUÔNG.	2
27	BÀI 27. TAM GIÁC, TỨ GIÁC. HÌNH CHỮ NHẬT, HÌNH VUÔNG	1
28	BÀI 28. CHU VI HÌNH TAM GIÁC, CHU VI HÌNH TỨ GIÁC. CHU VI HÌNH CHỮ NHẬT, CHU VI HÌNH VUÔNG	2
29	BÀI 29. ĐIỂM Ở GIỮA, TRUNG ĐIỂM CỦA ĐOẠN THẲNG	2
30	BÀI 30. HÌNH TRÒN, TÂM, ĐƯỜNG KÍNH, BÁN KÍNH. VẼ TRANG TRÍ HÌNH TRÒN	2
31	BÀI 31. KHỐI HỘP CHỮ NHẬT. KHỐI LẬP PHƯƠNG	2
32	BÀI 32. THỰC HÀNH XEM ĐỒNG HỒ	2

STT	Tên chủ đề/bài	Số tiết
33	BÀI 33. THÁNG-NĂM	2
34	BÀI 34. DIỆN TÍCH. ĐƠN VỊ ĐO DIỆN TÍCH. XĂNG-TI-MÉT VUÔNG. MÉT VUÔNG	1
35	BÀI 35. DIỆN TÍCH HÌNH CHỮ NHẬT. DIỆN TÍCH HÌNH VUÔNG	2
36	BÀI 36. BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU	2
37	BÀI 37. KHẢ NĂNG XẢY RA CỦA MỘT SỰ KIỆN	2
38	BÀI 38. ÔN TẬP CUỐI KỲ	3
	Tổng số tiết	92

Tổng số 92 tiết (đã trừ 8 tiết kiểm tra)

(Chương trình chi tiết hằng năm được điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn tại địa phương và cơ sở giáo dục).

3. Gợi ý phân phối, phân bố theo chuyên đề học tập

- Chuyên đề học tập môn Toán là nội dung giáo dục nhằm giúp HV tăng cường kiến thức và kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức giải quyết một số vấn đề của thực tiễn, đáp ứng yêu cầu phát triển nghề nghiệp của người học.

- Các chuyên đề học tập môn Toán thực hiện ở Kỳ 5 của Chương trình. Môn Toán của giai đoạn 2 thiết kế từ 3 - 5 chuyên đề học tập. Thời lượng mỗi chuyên đề học tập tương đương từ 5 - 10 tiết học. Các chuyên đề trong mỗi môn học có số tiết như nhau. HV bắt buộc chọn 2 chuyên đề/môn học theo nhu cầu. Thời lượng của 2 chuyên đề học tập bắt buộc này nằm trong tổng thời lượng của môn học. Mỗi chuyên đề học tập quy định tối thiểu 50% thời lượng dành cho HV tự học.

Các chuyên đề tự chọn môn Toán dưới đây sẽ được giảng dạy trong Kỳ 5. Cụ thể như sau:

Chuyên đề 1: Ứng dụng toán học trong một số vấn đề liên quan đến tài chính.

Chuyên đề 2: Thống kê và số liệu thống kê trong quản lý, sản xuất.

Chuyên đề 3: Ứng dụng kiến thức toán học vào thực tiễn liên quan đến tính toán, đo lường và ước lượng.

Cơ sở giáo dục tổ chức cho HV lựa chọn 2 trong 3 chuyên đề trên tùy vào điều kiện thực tế tại mỗi địa phương. Số tiết cụ thể của từng chuyên đề được cụ thể hóa trong Tài liệu hướng dẫn dạy học Xóa mù chữ Toán Kỳ 5.

III. GIỚI THIỆU PHƯƠNG PHÁP DẠY CÁC BÀI HỌC

1. Phương pháp dạy học bài mới

Khi dạy học bài mới, GV cần khai thác kinh nghiệm, vốn sống của HV, GV chỉ dẫn dắt giúp HV tự phát hiện vấn đề, giải quyết vấn đề để tiếp nhận kiến thức mới. Bởi vậy, GV cần:

a) Khai thác kinh nghiệm, vốn sống của HV đã được trải nghiệm trong lao động, sản xuất mà họ có được; để HV tự phát hiện và giải quyết vấn đề, tiếp nhận kiến thức mới.

Chẳng hạn, khi học Bài 26 Góc vuông, góc không vuông, GV nên cho HV xác định góc thực tế ngay trên lớp học, HV tự chỉ ra các góc vuông, góc không vuông thông qua đồ vật xung quanh; sử dụng dụng cụ đo để phát hiện góc vuông và góc không vuông, GV chỉ cần kiểm tra, tập hợp kết quả rồi nhận xét.

b) Liên hệ kiến thức toán học giải quyết các công việc liên quan, hằng ngày của HV và GV tổng hợp ghi nhớ cho HV.

HV nếu là người lớn tuổi đã tham gia lao động sản xuất, đã tiếp cận và tiếp xúc nhiều đồ vật, vật dụng hằng ngày; do vậy nhiều đồ vật đã biết nhưng có thể chưa chuẩn xác về khái niệm hay tên gọi. Thông qua bài học liên quan, GV hướng dẫn HV đồng nhất khái niệm toán học với tên gọi thực tiễn hằng ngày được tiếp xúc. Chẳng hạn, người lớn tuổi đã biết đến cánh cửa có dạng hình chữ nhật, thông qua bài dạy hình chữ nhật mà GV ghi nhớ khái niệm này gắn liền và đồng nhất khái niệm toán học và thực tế tên gọi; lấy nhiều ví dụ tương tự mà người học tiếp xúc.

Nếu HV thấy khó khăn trong tính toán, GV lấy tình huống cụ thể trong những công việc quen thuộc của người học.

c) Nêu các tình huống quen thuộc trong đời sống và cho HV tham gia thảo luận và giải quyết yêu cầu thực tế đặt ra

HV là người lớn tuổi, họ đã có vốn sống hay kiến thức nhất định thông qua lao động, sản xuất. Những bài học liên quan nhiều tới công việc hằng ngày mà họ thường xuyên tiếp xúc, GV cần tăng cường để HV thảo luận và tự giải quyết vấn đề. GV là người tham gia vào câu chuyện của họ và dẫn dắt vấn đề giải quyết một cách tự nhiên theo mục tiêu tiết học. Chẳng hạn, khi HV học Bài 28 Chu vi hình tam giác, chu vi hình tứ giác, chu vi hình chữ nhật, chu vi hình vuông, GV hướng dẫn HV đo chu vi bàn học, lớp học, bảng viết... Qua việc thực hành đo, tình huống đặt ra HV sẽ tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên.

2. Phương pháp dạy học bài luyện tập

Khi học bài luyện tập, HV phải vận dụng các kiến thức đã học vào việc giải các bài tập và thông qua đó ghi nhớ được các kiến thức đã học. Bởi vậy, GV cần:

a) Tổ chức gợi mở cho HV kiến thức học liên quan đến bài tập luyện tập và hướng dẫn HV áp dụng vào giải bài tập.

Trong giờ luyện tập, cần có những hoạt động giúp HV nhớ lại kiến thức cũ hay kiến thức liên quan tới bài luyện tập.

Chẳng hạn, khi dạy bài phép cộng trong phạm vi 100 000, GV gợi mở cho HV cách thức cộng các số trong phạm vi 10 000 đã học thông qua gợi mở, ôn tập lại cách cộng dọc, đặt phép tính, cộng có nhớ,... từ đó mở rộng dần các phép cộng trong phạm vi 100 000.

b) Tổ chức, hướng dẫn HV thực hành, phân loại và làm được nhiều bài tập ngay tại lớp, để thông qua đó họ ghi nhớ được các kiến thức đã học.

Hầu hết HV không có điều kiện làm bài tập ở nhà, vì vậy cần tổ chức hướng dẫn để HV càng làm được nhiều bài tập tại lớp càng tốt. Trong một tiết luyện tập, có thể có những HV làm bài tập nhanh hơn các bạn khác. Vì vậy, GV cần giúp đỡ những HV làm bài chậm về cách làm bài để họ có thể theo kịp các bạn làm được

nhiều bài tập ngay tại lớp và yêu cầu HV khá, giỏi làm hết bài tập của tiết học hay hỗ trợ các bạn học yếu.

c) Giao bài tập tương tự bài tập vừa làm trên lớp gắn với thực tiễn đời sống lao động của HV.

HV sẽ yêu thích và có động lực học tập, làm bài tập khi các bài tập giao gắn liền với đời sống của HV. Đặc biệt là giải quyết luôn công việc hằng ngày đó.

Chẳng hạn, sau khi luyện tập Bài 32 Thực hành xem đồng hồ, GV bổ sung thêm các bài tập liên quan tới các hoạt động thường ngày của HV như: hằng ngày thời gian nào đi làm, về nhà; thời gian làm việc, làm thường ngày,... Điều này sẽ tạo ra nhiều hứng thú cho HV, đặc biệt là việc vận dụng trực tiếp kiến thức trong cuộc sống.

IV. CẤU TRÚC NỘI DUNG HƯỚNG DẪN DẠY HỌC MỘT BÀI HỌC XÓA MÙ CHỮ TOÁN KỲ 3

1. Yêu cầu cần đạt

Trong phần này chỉ nêu các yêu cầu mà HV cần đạt được về năng lực và phẩm chất sau mỗi chủ đề/bài học.

- Yêu cầu về năng lực cần gắn với yêu cầu cần đạt trong chương trình học mà chủ đề đó cần giải quyết. Yêu cầu cần đạt có thể cụ thể hóa về mặt kiến thức, kỹ năng đạt được về mặt kiến thức sau học. Sau khi học xong các kiến thức, cùng với việc tổ chức dạy học của GV sẽ giúp HV góp phần hình thành năng lực đặc thù của môn Toán (tránh đưa ra các năng lực chung xa với mục tiêu bài học).

- Yêu cầu về phẩm chất theo 5 thành phần cơ bản của phẩm chất. GV cần bám sát vào các biểu hiện của từng phẩm chất trong chương trình; căn cứ nội dung, tổ chức hoạt động giáo dục để đánh giá các hoạt động đề ra góp phần hình thành thế mạnh của thành phần phẩm chất nào trong các hoạt động giáo dục.

- Các yêu cầu cần đạt trong bài học là yêu cầu tối thiểu, là yêu cầu chung cho mọi HV. Tuy nhiên, với HV tiếp thu bài tốt GV có thể linh hoạt đưa ra đơn vị kiến

thức với yêu cầu cần đạt cao hơn. Tuy nhiên, phải đảm bảo về thời gian, thời lượng dạy học và phù hợp với đa số HV.

2. Thiết bị dạy học

Phần này thường chỉ gợi ý một số thiết bị chủ yếu đặc trưng cho mỗi bài; chẳng hạn mô hình, hình vẽ, bảng có sẵn (bảng tóm tắt, bảng tổng kết,...), bảng phụ, phiếu học tập,... còn các thiết bị thông thường như thước kẻ, phấn, bút dạ,... thì GV căn cứ vào điều kiện, yêu cầu của mỗi bài mà tự đề xuất và chuẩn bị. Hình vẽ, bảng có sẵn, bảng phụ có thể vẽ hoặc viết trên các tờ giấy to (có dây treo) để tiện sử dụng. Tùy theo điều kiện thực tế của trung tâm, khuyến khích GV sử dụng máy chiếu để tăng cường các hiệu ứng, hình ảnh trực quan hỗ trợ người học.

Hình vẽ, bảng có sẵn thường dùng để minh họa hoặc cung cấp tư liệu.

Bảng phụ thường dùng để viết các bài tập mà cả lớp cần theo dõi hoặc tham gia, hoặc kết quả làm bài tập đó cả lớp cần sử dụng trong suốt tiết học. HV có thể giải bài tập ngay trên bảng phụ.

Phiếu học tập thường dùng để giao nhiệm vụ học tập (phát hiện kiến thức, rèn luyện kỹ năng,...) cho cá nhân hoặc nhóm HV. Nhiệm vụ ghi trong phiếu học tập nên ngắn gọn, đơn giản để HV có thể nhanh chóng hoàn thành. Tùy theo điều kiện và ý đồ hướng dẫn của GV mà phiếu học tập được chép tay hoặc photô thành nhiều bản để phát cho từng HV hoặc nhóm HV.

Máy chiếu, được sử dụng lợi thế đối với các bài có nhiều hình ảnh liên quan tới bài học mà GV cần trang bị cho HV; các clips, video tình huống giúp tiết học sống động, đa dạng cách tiếp cận, cập nhật những nội dung mới trong tài liệu; hỗ trợ trực quan hóa.

Các thiết bị trên không chỉ thể hiện ý đồ hướng dẫn HV phát hiện, tiếp nhận kiến thức và rèn luyện kỹ năng trong bài học, mà còn làm giảm "thời gian chết" ở trên lớp. Khuyến khích sử dụng các phần mềm dạy học, có nhiều hình ảnh trực quan, sinh động trong dạy học; các bài giảng được số hóa trong đó nội dung các đơn vị kiến thức được phân nhánh, HV có thể tương tác trực tiếp với các yêu cầu bài học.

3. Những điều cần lưu ý

Trong phần này, giải thích rõ hơn về phạm vi, nội dung và mức độ yêu cầu của một vài vấn đề; nêu những kiến thức, kỹ năng cần được chú ý, những sai lầm HV thường mắc phải trong bài học và cách khắc phục...

4. Gợi ý dạy học

Có nhiều cách thiết kế quá trình dạy học một bài học XMC Toán Kỳ 3. Nhưng dù thiết kế theo cách nào cũng phải tuân theo định hướng chung về phương pháp dạy học Toán trong Chương trình Xoá mù chữ là: "Tích cực hoá các hoạt động học tập của HV, rèn luyện khả năng tự học, tự phát hiện và giải quyết vấn đề, nhằm hình thành ở HV phương pháp học tập và làm việc tích cực, chủ động khoa học và sáng tạo".

Muốn thế, quá trình dạy học một bài học XMC Toán Kỳ 3 phải được tổ chức thông qua các hoạt động của HV.

Đối tượng người lớn tuổi có nhiều kinh nghiệm, vốn sống; nhiều kiến thức, họ đã được trải nghiệm trong cuộc sống, lao động và sản xuất... Do đó, khởi động trước dạy học là yếu tố tiền đề quan trọng trong mỗi bài học. Hơn nữa, để kiến thức học có ý nghĩa, vận dụng ngay trong lao động, sản xuất thì các bài dạy đề cao tính vận dụng của kiến thức học vào đời sống. Đây là hướng mới trong dạy và học để hình thành năng lực và phẩm chất cho HV.

Bởi vậy, trong phần này các tác giả sẽ gợi ý một hệ thống các hoạt động từ việc khởi động, kiến thức mới, luyện tập và hướng tới vận dụng (theo thứ tự trong các bài học). Các tác giả không chỉ rõ hoạt động nào là kiểm tra, kiểm tra đầu giờ mà Tài liệu hướng dẫn gợi ý định hướng tổ chức dạy học theo từng mục bám theo thứ tự của TLH. Tuy nhiên, rất linh hoạt mà không nhất thiết phải lấy luôn các ví dụ trong TLH, để phù hợp với từng vùng miền, gần gũi với cuộc sống của HV.

Trong các mục gợi ý dạy học, tác giả thường sử dụng một số ký hiệu mang các ý nghĩa đặc trưng như: (... ghi nội dung bên trong...) (trong ngoặc đơn và in chữ nghiêng); ☞ •; •; hay ☞. Mỗi ký hiệu này được đặc trưng bởi các ý nghĩa riêng, cụ thể như sau:

a) Loại công việc được ký hiệu bằng (...ghi nội dung bên trong...) là biểu thị nội dung dẫn dắt của GV, gợi ý về ý nghĩa của các bài tập trong nội dung TLH hay những lưu ý đối với HV (lưu ý đối với kiến thức bài học).

b) Loại công việc được ký hiệu bằng ☞ • hay • là các gợi ý cụ thể việc tổ chức hoạt động dạy học của GV. Đối với mỗi nội dung (như khởi động, bài tập,...) thường gồm một chuỗi các hoạt động sau:

- * Tổ chức cho HV làm bài tập.

- * Gợi ý, hướng dẫn cho HV làm bài tập.

- * Nhận xét, đánh giá, sửa chỗ sai của HV hoặc tổ chức cho HV nhận xét, đánh giá sửa chỗ sai của bạn (chẳng hạn tổ chức cho HV chấm chéo bài làm của nhau).

- * Hoàn chỉnh, bổ sung kiến thức.

- * Nêu chú ý.

- * Hệ thống hóa kiến thức.

Tùy từng hoạt động mà tác giả gợi ý đầy đủ hoặc chỉ gợi ý một vài công việc đã nêu ở trên, GV tùy theo thực tế mà bổ sung cho phù hợp.

Thông thường, trong mỗi hoạt động dạy học, hay bài tập, HV được thực hiện dưới hình thức tổ chức dạy học của GV. Do đó, sau mỗi hoạt động dạy học hay bài học, tài liệu này thường hướng dẫn GV phương pháp tổ chức, hình thức dạy và học, trong đó có hoạt động của HV. Hoạt động này được hướng dẫn, gợi ý bằng công cụ nhận dạng là: ☞ • và tiếp theo là các dấu •.

Điều này có hàm ý là HV phải làm việc trước thông qua việc tổ chức hoạt động dạy học của GV. Qua đó, HV chuẩn bị "tâm thế" để tiếp nhận kiến thức hoặc rèn luyện kỹ năng một cách chủ động.

c) Các ký hiệu ☞ là gợi ý cách giải hay kết quả của một bài tập cụ thể trong TLH

Nhìn chung, mỗi tiết dạy học XMC Toán Kỳ 3 thường có 4, 5 hoạt động. Mỗi hoạt động được gợi ý tổ chức dạy học theo thứ tự trong TLH. TLH ghi theo thứ tự các mục từ khởi động, kiến thức, luyện tập và vận dụng theo đúng thứ tự trong

TLH mà không ngắt chi tiết theo các tiết học để GV chủ động, linh hoạt trong dạy học. Ngoài ra, căn cứ tình hình thực tiễn, GV có thể khai thác thêm các bài tập khác ngoài TLH để hướng dẫn HV.

Các thiết bị dạy học ở mục II góp phần tạo điều kiện thuận lợi để tiến hành tổ chức các hoạt động giáo dục của GV, phục vụ cho ý đồ tổ chức quá trình dạy học, cũng như chuẩn bị của HV trong mỗi bài học XMC Toán Kỳ 3.

Quá trình dạy học được thực hiện theo cách trên, GV vẫn là người giữ vai trò chủ đạo, còn HV là người giữ vai trò chủ động.

Bài 1

ÔN TẬP CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 1 000

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Học xong bài này, HV cần đạt được những yêu cầu sau:

- Ôn tập củng cố cách đọc, viết, so sánh và xếp thứ tự các số trong phạm vi 1000.

- Ôn tập ước lượng về số các đồ vật theo các nhóm 1 chục.

* *Phát triển năng lực*: Góp phần phát triển các năng lực toán học, gồm các thành tố cốt lõi sau: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

II. CHUẨN BỊ

- Một số tờ tiền các mệnh giá khác nhau.

- Phiếu học tập; máy chiếu chiếu hình ảnh các loại tiền cũ.

- Một số hình ảnh thực tế để HV ước lượng số các đồ vật theo các nhóm 1 chục.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. HV đã quen sử dụng các loại tiền để mua bán chi tiêu trong sinh hoạt hằng ngày (chỉ ở mức độ tính nhẩm). GV cần giúp HV có kỹ năng viết và tính toán trên giấy, kỹ năng lựa chọn các đồng tiền với mệnh giá thích hợp để đáp ứng các tình huống trong thực tế sinh hoạt hằng ngày.

2. Cần giới thiệu kịp thời các loại tiền mới phát hành (từ 200 nghìn đồng, 500 nghìn đồng) để HV làm quen và sử dụng dễ dàng.

3. Trong thực hành đọc, viết các số có ba chữ số cần lưu ý HV khi viết số, đọc số đều viết, đọc từ trái sang phải (từ hàng cao đến hàng thấp hơn). Cần phân biệt được hàng trăm, hàng chục và hàng đơn vị.

4. Khuyến khích HV tự nêu nhận xét trong thực hành giải bài tập (chẳng hạn: Khi so sánh các số có ba chữ số thì chỉ ra số lớn nhất và giải thích vì chữ số hàng trăm ở số đó lớn nhất trong các chữ số hàng trăm của các số đã cho).

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

☞ • GV mời HV đứng tại chỗ lấy ví dụ về số có 3 chữ số; với ví dụ đưa ra, số đó gồm mấy trăm, mấy chục, mấy đơn vị.

• Gọi một vài bạn khác cho ví dụ và yêu cầu HV viết số đó thành tổng; chỉ ra số lớn nhất, số bé nhất trong các số vừa viết; sắp xếp các số vừa viết theo thứ tự từ bé đến lớn.

2. Luyện tập

Bài 1. Số ?

☞ • Tổ chức để HV thảo luận theo nhóm, nội dung trong phiếu học tập phát cho từng nhóm.

• Đại diện các nhóm đứng tại chỗ, nêu kết quả tìm được trong dấu “.”; điền vào phiếu học tập.

• Các nhóm đối chiếu, nhận xét.

Bài 2. Số ?

☞ • GV hướng dẫn cách làm theo hình minh họa.

• Dành thời gian để HV suy nghĩ độc lập.

• GV mời HV đứng tại chỗ điền kết quả; gọi một số HV khác nhận xét.

Bài 3. Số ?

- ☞ • GV sử dụng công cụ máy chiếu sẽ hiệu quả hơn.
 - HV suy nghĩ độc lập, sử dụng kết hợp hình vẽ trong tài liệu.
 - GV mời HV đứng tại chỗ điền kết quả; gọi một số HV khác nhận xét.

Bài 4. Viết số thích hợp vào dấu chấm (theo mẫu)

Mẫu: Số 841 gồm 8 trăm 4 chục 1 đơn vị. Ta viết $841 = 800 + 40 + 1$

- ☞ • GV viết mẫu trên bảng, dành thời gian để HV luyện tập.
 - GV mời HV lên bảng viết.
 - GV mời HV khác đứng nhận xét, đối chiếu kết quả làm được.

Bài 5. Viết dấu $>$, $<$, $=$ thích hợp vào ô trống

- ☞ • GV chuẩn bị phiếu học tập, phát cho HV làm theo nhóm.
 - GV đề nghị HV suy nghĩ và giải thích kết quả làm được.
 - GV mời nhóm khác đứng nhận xét, đối chiếu kết quả làm được.

Bài 6. a) Viết các số 98; 562; 409; 726 theo thứ tự từ bé đến lớn:

b) Viết các số 1 000; 879; 507; 999 theo thứ tự từ lớn đến bé:

- ☞ • GV viết mẫu trên bảng, dành thời gian để HV luyện tập.
 - HV tự làm vào vở bài tập.
 - GV quan sát, hỗ trợ HV yếu.

✎ Các số theo thứ tự từ bé đến lớn: 98; 409; 562; 726.

✎ Các số theo thứ tự từ lớn đến bé: 1000; 999; 879; 507.

3. Vận dụng

Bài 7. Nhà chị Năm nuôi được ba con lợn cân nặng lần lượt là 89 kg; 121 kg; 108 kg. Biết lợn trắng nặng nhất và lợn đen nặng hơn lợn khoang.

Trả lời câu hỏi:

Con lợn đen cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Con lợn trắng cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Con lợn khoang cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

☞ • GV viết mẫu trên bảng, dành thời gian để HV thảo luận kết hợp với tranh vẽ.

- HV tự làm vào vở bài tập.
- GV quan sát, hỗ trợ HV yếu.

✂ Con lợn đen cân nặng 108 kg.

✂ Con lợn trắng cân nặng 121 kg.

✂ Con lợn khoang cân nặng 89 kg.

Bài 8. Ước lượng theo nhóm 1 chục rồi đếm để kiểm tra lại:

- ☞ • GV cho HV quan sát tranh vẽ, ước lượng, đếm kết quả.
- HV làm việc độc lập.
 - GV quan sát, hỗ trợ HV yếu.

Bài 9. Tìm vị trí thích hợp cho mỗi chiếc chìa khóa

- ☞ • GV cho HV quan sát tranh vẽ, ước lượng, đếm kết quả.
- HV làm việc độc lập.
 - GV quan sát, hỗ trợ HV yếu.

Bài 2

ÔN TẬP VỀ PHÉP CỘNG, PHÉP TRỪ CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 1 000

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV cần đạt được những yêu cầu sau:*

- Ôn tập về phép cộng, trừ (có nhớ) trong phạm vi 1000 gồm các dạng cơ bản về: tính nhẩm, tính viết.
- Thực hành giải toán về quan hệ so sánh, bằng cách sử dụng phép tính trừ.
- Vận dụng các phép tính được học để giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học, gồm các thành tố cốt lõi sau: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

II. CHUẨN BỊ

- Bảng phụ hoặc máy chiếu; nội dung Bài tập 6.
- Phiếu học tập.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Trường hợp cộng số có hai chữ số với số có ba chữ số, cần chú ý HV có thể đặt tính “hợp lý” hơn. Chẳng hạn : $25 + 361$.

Có thể đặt tính như sau:

$$\begin{array}{r} 25 \\ + \\ \hline 361 \end{array} \qquad \begin{array}{r} 361 \\ + \\ \hline 25 \end{array}$$

2. Cần thận, chính xác khi thực hiện phép tính cộng, trừ có nhớ.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

☞ • GV kể chuyện một số tình huống gần với người học, trong đó có sử dụng phép cộng hoặc phép trừ trong cuộc sống. Chẳng hạn, anh Dũng thu hoạch được 250 kg bí xanh và 150 kg bí đỏ. $250 \text{ kg} + 150 \text{ kg} = 400 \text{ kg}$. Vậy anh Dũng đã thu hoạch được tất cả 400 kg bí xanh và bí đỏ.

- HV suy nghĩ tình huống do GV đưa ra.

2. Luyện tập

Bài 1. Tính.

Bài 2. Đặt tính rồi tính.

☞ • GV dành thời gian để HV tự luyện tập.

- Quan sát, giúp đỡ, hỗ trợ HV yếu.

Bài 3. Tính nhẩm

☞ • GV sử dụng bảng phụ, treo bài tập trên bảng.

- Dành thời gian cho HV tự làm.
- Gọi HV đứng tại chỗ tính nhẩm nhanh.

Bài 4. Số?

☞ • GV sử dụng bảng phụ, hay phiếu học tập.

- Dành thời gian cho HV tự làm.
- Gọi HV trình bày, điền kết quả trên bảng.

Bài 5. Đọc bảng sau rồi trả lời câu hỏi

Quãng đường Hà Nội - Vinh xa hơn quãng đường Hà Nội - Thanh Hoá bao nhiêu ki-lô-mét?

Quãng đường Hà Nội - Vinh gần hơn quãng đường Hà Nội - Lai Châu bao nhiêu ki-lô-mét?

Quãng đường	Dài khoảng
Hà Nội – Vinh	300 km
Hà Nội – Lai Châu	450 km
Hà Nội – Quảng Ninh	153 km
Hà Nội – Thanh Hoá	150 km

☞ • GV tổ chức để HV thảo luận theo nhóm.

- Đại diện HV các nhóm trả lời kết quả.
- Các nhóm nhận xét bài làm của nhóm khác.

🗒 a) Quãng đường Hà Nội - Vinh xa hơn quãng đường Hà Nội - Thanh Hoá 150 ki-lô-mét.

b) Quãng đường Hà Nội - Vinh gần hơn quãng đường Hà Nội - Lai Châu 150 ki-lô-mét.

3. Vận dụng

Bài 6. Anh Sáu thả xuống ao 367 con cá chép, 280 con cá rô phi. Hỏi anh Sáu đã thả tất cả bao nhiêu con cá?

- ☞ • GV dành thời gian để HV tự làm bài.
- Quan sát, hỗ trợ, hướng dẫn HV yếu.

🗒 Tất cả có 647 (con)

Bài 7. Con trâu cân nặng 630 kg. Con nghé cân nặng 140 kg. Hỏi con trâu nặng hơn con nghé bao nhiêu ki-lô-gam?

- ☞ • GV dành thời gian để HV tự làm bài.
- Quan sát, hỗ trợ, hướng dẫn HV yếu.

🗒 Con trâu nặng hơn con nghé 490 kg.

Bài 8. Xe thứ nhất chở 246 thùng hàng, xe thứ hai chở 300 thùng hàng. Hỏi xe thứ nhất chở ít hơn xe thứ hai bao nhiêu thùng hàng?

☞ • GV dành thời gian để HV tự làm bài.

• Quan sát, hỗ trợ, hướng dẫn HV yếu.

🗒 Xe thứ nhất chở ít hơn xe thứ hai 54 thùng hàng.

Bài 9. Ngày thứ nhất đội công nhân làm được 457 m đường, ngày thứ hai đội công nhân đó làm được nhiều hơn ngày thứ nhất 125 m đường. Hỏi ngày thứ hai đội công nhân đó làm được bao nhiêu mét đường?

☞ • GV dành thời gian để HV tự làm bài (nếu còn thời gian) hoặc hướng dẫn HV về nhà làm.

• Quan sát, hỗ trợ, hướng dẫn HV yếu.

🗒 Ngày thứ hai đội công nhân đó làm được 582 m đường.

Bài 3

ÔN TẬP VỀ PHÉP NHÂN, PHÉP CHIA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV cần đạt được những yêu cầu sau:*

- Củng cố được các bảng nhân, bảng chia đã học (Bảng nhân 2, 3, 4,...9. Bảng chia 2, 3, 4,... 9); nhân nhẩm các số tròn trăm, nhẩm thương của các số tròn trăm khi chia cho 2, 3, 4.

- Vận dụng được phép nhân, phép chia trong thực hành giải bài toán có lời văn.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học, gồm các thành tố cốt lõi sau: năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

II. CHUẨN BỊ

- Bảng phụ hoặc máy chiếu hỗ trợ nội dung các bài tập; tranh vẽ trong các bài tập;
- Các bảng nhân.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Qua phép tính củng cố mối quan hệ giữa phép nhân và chia, từ phép nhân ta được hai phép chia tương ứng, chẳng hạn: $5 \times 3 = 15$ có $15 : 5 = 3$ và $15 : 3 = 5$.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

☞ • Ôn tập lại cho HV về phép nhân trong bảng nhân đã học. Từ kết quả của phép tính viết hai phép chia tương ứng.

- HV tự làm, đứng tại chỗ phát biểu.

- GV nêu một tình huống thực tế có sử dụng phép nhân hoặc phép chia đã học. Chẳng hạn : Mỗi luống trồng 8 cây, 6 luống có: $8 \times 6 = 48$ (cây rau).

- HV tự làm, đứng tại chỗ nêu hai phép tính.

2. Luyện tập

Bài 1. Quan sát tranh, viết phép nhân thích hợp.

Bài 2. Tính

☞ • GV dành thời gian để HV tự làm bài.

- HV thực hành vào vở ghi.

Bài 3. Tính nhanh

☞ • GV dành thời gian để HV tự tính nhẩm.

- HV tính nhẩm.

Bài 4,5. Số?

☞ • GV dành thời gian để HV tự làm.

- HV làm bài vào vở ghi.

- GV hỗ trợ, hướng dẫn HV yếu.

3. Vận dụng

Bài 6. Đoàn khách tham quan có 30 người, đặt vé tàu thống nhất, biết rằng mỗi khoang tàu có 6 người. Hỏi đoàn khách đó cần đặt mấy khoang?

Bài 7. Một thanh gỗ dài 80 cm được cưa thành 8 đoạn dài bằng nhau. Hỏi mỗi đoạn dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

Bài 8. Mỗi ca-bin cáp treo chở 6 người. Hỏi 7 ca-bin chở bao nhiêu người?

☞ • GV hướng dẫn HV tóm tắt bài toán.

- Hướng dẫn phân biệt về phép tính của bài toán.

- GV mời HV lên bảng giải bài.

- GV chữa mẫu 01 bài.

Bài 4

ÔN TẬP VỀ HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV cần đạt được những yêu cầu sau:*

- Luyện tập tổng hợp các kiến thức về hình học và đo lường học từ Kỳ 2.
- Thực hiện được các phép tính với số đo độ dài, số đo khối lượng và số đo thời gian.

* Phát triển năng lực: Góp phần phát triển các năng lực toán học, gồm các thành tố cốt lõi sau: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

II. CHUẨN BỊ

- Máy chiếu hoặc bảng phụ hỗ trợ trình chiếu hình ảnh.
- Thước thẳng có vạch chia đều xăng - ti - mét.
- Một số hình ảnh thực tế hình khối đã học.
- Bảng các đơn vị đo độ dài.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Các kiến thức về hình học và các đại lượng HV đã được làm quen từ lâu, có thể đã bị lãng quên. Cần giúp HV nhớ lại được mối quan hệ giữa các đơn vị đo độ dài, đơn vị đo thời gian.

2. Nếu có sẵn tờ lịch treo tường của năm hiện tại thì GV có thể sử dụng để HV vận dụng ngay cách xem lịch, áp dụng cho những ngày lễ kỷ niệm trong năm.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

- ☞ • GV dành thời gian để HV quan sát các hình vẽ.
- HV ghi tên, nhận dạng hình vẽ.
- GV có thể khai thác thêm các ví dụ khác nếu có điều kiện sử dụng máy chiếu.

2. Luyện tập

Bài 1. Xem các hình sau rồi chỉ ra những đồ vật có dạng khối lập phương, khối hộp chữ nhật, khối trụ, khối cầu

- ☞ • GV dành thời gian để HV quan sát các hình vẽ.
- HV ghi tên, nhận dạng hình vẽ.
- GV có thể yêu cầu HV lấy thêm các ví dụ gần với cuộc sống thực tiễn.

Bài 2. a) Đo độ dài mỗi đoạn của đường gấp khúc có dạng sau rồi tính độ dài đường gấp khúc đó.

b) Tính độ dài đường gấp khúc ABCD.

c) Vẽ đoạn thẳng MN có độ dài 1 dm.

- ☞ • GV in hình vẽ thông qua phiếu học tập để có được độ dài các đoạn là các số tự nhiên, phù hợp với thước chia độ.

- HV dùng thước thẳng để đo từng đoạn thẳng AB, BC, CD rồi ghi kết quả trực tiếp vào phiếu học tập.

- GV quan sát, hỗ trợ, hướng dẫn các nhóm.

Bài 3. a) Đồng hồ chỉ mấy giờ?

b) Hai đồng hồ nào chỉ cùng thời gian vào buổi chiều hoặc buổi tối.

- ☞ • GV dành thời gian để HV quan sát tranh vẽ các đồng hồ và tự trả lời câu hỏi.

- GV mời HV đứng tại chỗ đọc giờ trên đồng hồ.

• Câu b: GV dành thời gian để HV thảo luận cặp đôi, thống nhất tìm ra các cặp đồng hồ.

Bài 4. Hôm nay là thứ Năm ngày 11, Chủ nhật tuần này là ngày bao nhiêu? Thứ Năm tuần sau là ngày bao nhiêu?

- ☞ • GV dành thời gian cho HV thảo luận cặp đôi.
- GV mời một đại diện HV đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.
- GV quan sát, hỗ trợ, hướng dẫn kịp thời cho HV yếu.

Bài 5. Số?

☞ • GV dành thời gian để HV quan sát tranh vẽ, ghi kết quả quan sát được vào vở ghi.

- GV mời HV đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.
- GV quan sát, hỗ trợ, hướng dẫn kịp thời HV khi trả lời chưa đúng.

3. Vận dụng

Bài 6. Có các can như sau:

a) Chị Hòa muốn lấy 2 can để đựng đủ 12 l nước mắm. Chị Hòa sẽ lấy hai can nào?

b) Chị Hòa muốn lấy 3 can để đựng 18 l nước mắm. Anh/chị hãy chọn giúp chị Hòa 3 can đó.

- ☞ • GV dành thời gian cho HV thảo luận theo nhóm.
- Đại diện các nhóm đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.
- GV quan sát, hỗ trợ, hướng dẫn, giải thích kịp thời cho HV yếu.

Bài 7. Quan sát cân, ghi số thích hợp:

- ☞ • GV dành thời gian cho HV quan sát tranh vẽ.
- HV đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.
- GV quan sát, hỗ trợ, hướng dẫn kịp thời khi HV đọc chưa chính xác.

Bài 8. Hãy chọn đồ vật xếp vào va li để hành lý không vượt quá 7 kg

- ☞ • GV tổ chức hướng dẫn bài này theo nhóm.
- HV thảo luận, ghi các sản phẩm trong va li.
- GV cho các nhóm trình bày và góp ý chéo.

Bài 5

CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 10 000

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV cần đạt được những yêu cầu sau:*

- Đọc, viết được các số trong phạm vi 10 000.
- Nhận biết được 10 nghìn = 1 chục nghìn, nhận biết được các số tròn nghìn;
- Nhận biết được cấu tạo của số có bốn chữ số gồm: các nghìn, trăm, chục, đơn vị và ngược lại.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học, gồm các thành tố cốt lõi sau: Năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Một số tấm bìa, mỗi tấm viết một số, các số 7 684, 5 960, 4 309, 2 010, 10 000 ...
- Bảng phụ hoặc máy chiếu hỗ trợ trình chiếu các hình ảnh, tranh vẽ.
- Các thẻ 1 nghìn bằng khối lập phương (khối nghìn), tám trăm, thanh chục, khối lập phương đơn vị.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Trong thực hành đọc, viết các số trong phạm vi 10 000 cần lưu ý HV khi viết số, đọc số đều viết, đọc từ trái sang phải (từ hàng cao đến hàng thấp hơn). Cần phân biệt được các số hàng nghìn, hàng trăm, hàng chục và hàng đơn vị.

2. Khuyến khích HV tự nêu nhận xét trong thực hành giải bài tập (chẳng hạn: Trong hai số có số chữ số khác nhau, số nào có ít chữ số hơn thì bé hơn, số nào có nhiều chữ số hơn thì lớn hơn).

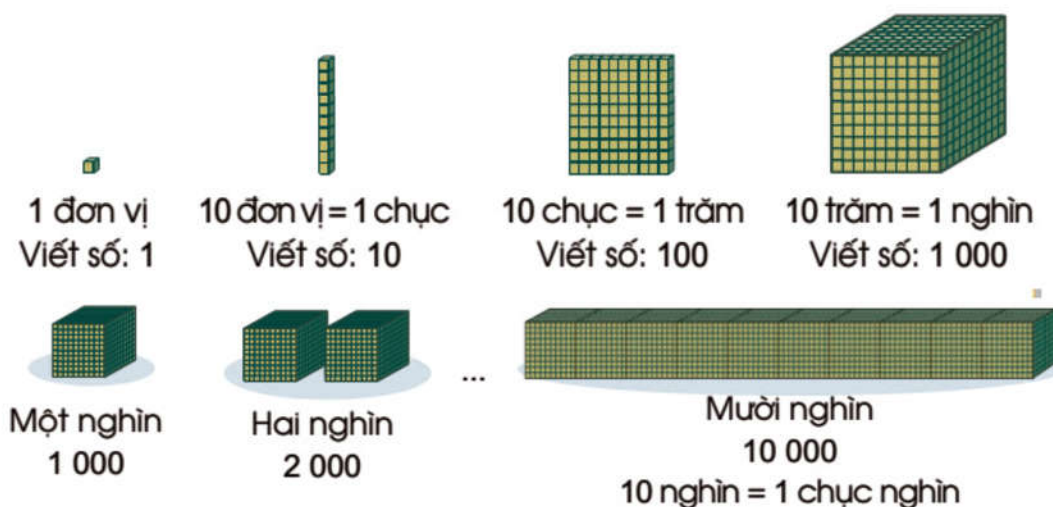
IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

- GV dành thời gian để HV quan sát các khối hình để lựa chọn thẻ phù hợp.
- HV đứng tại chỗ trả lời (có thể cho HV quan sát tranh vẽ trên máy chiếu và kết hợp chọn số khối lập phương với con số tương ứng).
- GV nhận xét, đánh giá câu trả lời của HV.

2. Hình thành kiến thức

- GV căn cứ khối lập phương tương ứng với 10 trăm = 1 nghìn và ghép các khối lập phương (hỗ trợ bằng hình ảnh động, trực quan càng tốt).
- GV chốt kiến thức mới.



Các số 1 000, 2 000, 3 000,..., 10 000 là các số tròn nghìn.
10 000 còn đọc là một vạn.



2 468

Hai nghìn bốn trăm sáu mươi tám

3. Luyện tập

Bài 1. Đếm, viết rồi đọc số khối lập phương

- ☞ • GV dành thời gian đếm, viết rồi đọc số khối lập phương.
- HV tự đếm rồi viết kết quả vào vở ghi, trả lời theo yêu cầu của GV.

Bài 2. Viết (theo mẫu)

- ☞ • GV chuẩn bị phiếu học tập, hướng dẫn HV viết mẫu ví dụ đầu với số 3 192.
- Dành thời gian để HV viết số và đọc số trong phiếu học tập.
- GV quan sát, hỗ trợ, hướng dẫn HV yếu.

Bài 3. Số?

- ☞ • GV dành thời gian để HV quan sát hình vẽ, làm bài vào vở ghi.
- GV mời HV đứng tại chỗ đọc kết quả.
- GV quan sát, hỗ trợ, hướng dẫn HV yếu.

Bài 4. a) Viết các số sau:

- ☞ • GV hướng dẫn kỹ các bài tập này theo hai chiều xuôi và ngược.
- GV mời một HV đọc các số và một HV viết số.
- Sau đó tổ chức nhóm cặp đôi để các cặp HV tự luyện tập.

✎ Chẳng hạn: Một nghìn hai trăm sáu mươi chín, được viết là: 1 269.

Ngược lại: 4 766 được đọc là bốn nghìn bảy trăm sáu sáu.

Bài 5. a) Số?

b) Viết một số bất kỳ rồi chỉ ra số liền trước, số liền sau của số vừa viết.

Bài 6. Nói (theo mẫu)

- ☞ • GV treo bảng phụ hoặc phiếu học tập, dành thời gian để HV làm bài.
- HV làm bài độc lập trên phiếu.
- GV quan sát, hỗ trợ, hướng dẫn HV yếu.

4. Vận dụng

Bài 7. Tuyến đường sắt Bắc - Nam, hay còn gọi là đường sắt Thống Nhất, bắt đầu từ Thủ đô Hà Nội và kết thúc tại Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1881, Pháp đã bắt đầu xây dựng tuyến đường sắt này tại Việt Nam. Ngày 02/10/1936, tuyến đường sắt Bắc - Nam chính thức được khánh thành với tổng chiều dài toàn tuyến là 1730 km.

a) Tuyến đường sắt Bắc - Nam được bắt đầu xây dựng từ năm nào?

b) Tổng chiều dài tuyến đường sắt Bắc – Nam là bao nhiêu ki-lô-mét?

☞ ● GV mời 01 HV đứng tại chỗ đọc nội dung Bài 7.

● GV gọi HV trả lời câu hỏi, hướng dẫn HV các mốc thời gian trong nội dung bài toán.

● GV sửa sai tại chỗ nếu HV trả lời sai.

☞ a) Tuyến đường sắt Bắc - Nam được bắt đầu xây dựng từ năm 1881.

b) Tổng chiều dài tuyến đường sắt Bắc - Nam là 1730 km.

Bài 6

CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100 000

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV cần đạt được những yêu cầu sau:*

- Đọc, viết được các số trong phạm vi 100 000;
- Nhận biết được cấu tạo của một số có bốn chữ số gồm: các nghìn, trăm, chục, đơn vị.
- Viết được các số trong phạm vi 100 000 thành tổng các nghìn, trăm, chục, đơn vị và ngược lại.
- Vận dụng đọc được các số khi khai thác thông tin liên quan tới các số trong phạm vi 100 000.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học, gồm các thành tố cốt lõi sau: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học. Thông qua giải bài toán thực tế, HV được phát triển năng lực giao tiếp và năng lực giải quyết vấn đề toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Các thẻ nghìn bằng khối lập phương (khối nghìn), tám trăm, thanh chục, khối lập phương đơn vị.
- Khuyến khích sử dụng máy chiếu mô phỏng các hình vẽ trong TLH.
- Phiếu học tập.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Trong thực hành đọc, viết các số trong phạm vi 100 000 cần lưu ý HV khi viết số, đọc số đều viết, đọc từ trái sang phải (từ hàng cao đến hàng thấp hơn). Cần phân biệt được các số hàng chục nghìn, hàng nghìn, hàng trăm, hàng chục và hàng đơn vị.

2. Khuyến khích HV tự nêu nhận xét trong thực hành giải bài tập (chẳng hạn: Trong hai số có số chữ số khác nhau, số nào có ít chữ số hơn thì bé hơn, số nào có nhiều chữ số hơn thì lớn hơn).

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

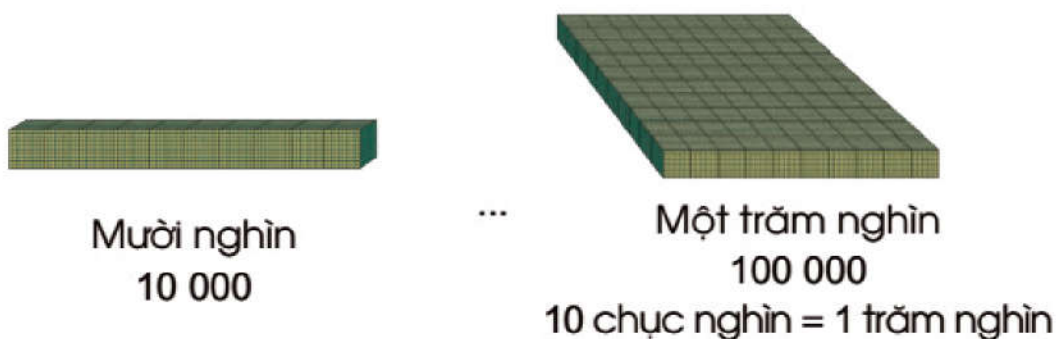
☞ • GV mời HV lên bảng lấy ví dụ một số có 4 chữ số (đọc và viết số đó). Với số có được trên bảng, HS trả lời số đó gồm mấy nghìn, mấy trăm, mấy chục, mấy đơn vị rồi viết số đó thành tổng, chẳng hạn: $1234 = 1000 + 200 + 30 + 4$.

- Mời một vài HV khác đứng tại chỗ nhận xét bài làm của bạn.

2. Hình thành kiến thức

☞ • GV giải thích kỹ khối lập phương tương đương với số 1 000.

- Ghép 10 khối (tạo thành 1 thanh), một trăm khối (10 thanh ghép lại).
- GV tổng hợp kiến thức mới.



Các số 10 000, 20 000, 30 000, ..., 100 000 là các số tròn mười nghìn.



23 153

Hai mươi ba nghìn một trăm năm mươi ba

3. Luyện tập

Bài 1. Đếm, viết rồi đọc số khối lập phương

☞ • GV dành thời gian để HV quan sát các khối lập phương; các thanh được tạo bởi 10 khối lập phương có giá trị 10 000.

- HV đọc sau khi quan sát các khối hình.

- GV quan sát, hướng dẫn HV yếu đọc đúng (khuyến khích sử dụng các khối hình thực tế).

Bài 2. Viết và đọc (theo mẫu)

☞ • GV ghi nội dung Bài 2 vào phiếu học tập, tổ chức thảo luận theo nhóm.

- HV thảo luận và làm trực tiếp trên phiếu học tập.

- GV quan sát, hướng dẫn hỗ trợ các nhóm.

Bài 3. Viết (theo mẫu)

☞ • GV ghi nội dung Bài 3 bằng phiếu học tập, tổ chức thảo luận theo nhóm.

- HV làm trực tiếp trên phiếu theo nhóm.

- GV quan sát, hướng dẫn hỗ trợ các nhóm.

Bài 4. Số ?

Bài 5. Số ?

☞ • GV dành thời gian để HV làm việc cá nhân.

- GV quan sát, hướng dẫn hỗ trợ HV yếu.

Bài 6. Số?

a) Bảng ?

b) Viết một số bất kỳ rồi chỉ ra số liền trước, số liền sau của số vừa viết.

Bài 7. Nói (theo mẫu)

☞ • GV gợi ý theo mẫu và dành thời gian để HV làm việc cá nhân.

- GV quan sát, hướng dẫn hỗ trợ HV yếu.

4. Vận dụng

Bài 8. Đọc thông tin sau và ghi lại những số có nhiều chữ số

- ☞ • GV dành thời gian để HV quan sát tranh vẽ, đọc nội dung trong tranh.
- GV hỏi HV các thông tin liên quan tới con số đã đọc.

Bài 9. Hãy tìm hiểu dân số ở địa phương nơi mình sống rồi ghi lại.

- ☞ • GV giao bài tập này về nhà, hướng dẫn HV có thể tìm hiểu theo nhiều kênh thông tin khác nhau.

Bài 7

SO SÁNH CÁC SỐ TRONG PHẠM VI 100 000

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV cần đạt được những yêu cầu sau:*

- Nhận biết được cách so sánh hai số trong phạm vi 100 000;
- Xác định được số lớn nhất hoặc số bé nhất trong một nhóm có không quá 4 số (trong phạm vi 100 000).
- Thực hiện được việc sắp xếp các số theo thứ tự (từ bé đến lớn hoặc ngược lại) trong một nhóm có không quá 4 số (trong phạm vi 100 000).
- Vận dụng đọc được các số khi khai thác thông tin liên quan tới các số trong phạm vi 100 000.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học, gồm các thành tố cốt lõi sau: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Tranh khởi động, các bảng ghi hàng chục nghìn, hàng nghìn, hàng trăm, hàng chục, đơn vị;
- Bảng phụ mô tả quy trình so sánh hai số;
- Tranh vẽ hỗ trợ (ưu tiên sử dụng máy chiếu).

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Đối với các số có nhiều chữ số, HV thường lúng túng khi đọc số theo hàng, đặc biệt đối với những số có chữ số 0 đứng giữa, do đó cần nhấn mạnh HV đọc số theo đúng thứ tự hàng. Chẳng hạn: 36 587, đọc: “Ba mươi sáu nghìn năm trăm tám mươi bảy”.

2. Khi so sánh các số có nhiều chữ số, lưu ý HV so sánh từng cặp tương ứng theo hàng từ trái sang phải, rồi rút ra quy tắc so sánh để HV dễ nhớ.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

☞ • GV dành thời gian để HV đọc, đưa ra tình huống về dân số của hai huyện của một tỉnh lần lượt là 76 200 người và 76 199 người. Huyện nào đông dân hơn nhỉ? Ưu tiên sử dụng tình huống dân số của hai huyện trong địa phương (do GV khai thác thêm tư liệu).

- HV thảo luận một tình huống thực, xuất hiện các số có 5 chữ số và so sánh số có 5 chữ số. Một tình huống cần thiết phải mở rộng về phạm vi số.

- GV căn cứ nền tảng các số trong phạm vi có 4 chữ số và phát triển thêm một cách tự nhiên.

2. Hình thành kiến thức

☞ • GV nêu cách thức so sánh hai số cụ thể: Số có 3 chữ số so sánh với số có 4 chữ số; và hai số có 4 chữ số.

- Chốt kiến thức về so sánh 2 số, quy trình so sánh.

(Phần này, GV phân biệt so sánh hai loại số cho HV đó là: hai số khác nhau về số các chữ số; hai số bằng nhau về số các chữ số, quy trình so sánh).

3. Luyện tập

Bài 1

☞ • Dành thời gian để HV tự luyện tập, củng cố nội dung so sánh số có 4 chữ số.

- Quan sát hỗ trợ, hướng dẫn thêm đối với HV yếu.

Bài 2. So sánh (theo mẫu)

☞ • GV hướng dẫn ví dụ 1 và ví dụ 2, đưa ra quy trình chung để so sánh.

- Dành thời gian để HV thực hành so sánh.

- Quan sát, hướng dẫn HV yếu.

Bài 3. Tìm số lớn nhất, số bé nhất trong các số dưới đây

- ☞ • GV tổ chức để HV thảo luận nhóm.
- Mời đại diện các nhóm cho biết kết quả
- GV nhận xét, đánh giá kết quả, lưu ý khi các nhóm thực hiện so sánh.

Bài 4. Số?

- ☞ • GV dành thời gian cho HV tự luyện tập, ghi trong vở ghi.
- Quan sát, hướng dẫn HV yếu.

4. Vận dụng

Bài 5. Bảng dưới đây cho biết độ cao của một số đỉnh núi ở Việt Nam, hãy chỉ ra đỉnh núi nào cao nhất, đỉnh núi nào thấp nhất. Viết tên các đỉnh núi theo thứ tự giảm dần về độ cao.

- ☞ • GV dành thời gian để HV quan sát số liệu trong bảng.
- GV tổ chức để HV thảo luận tại chỗ.
- GV mời đại diện các nhóm nhận xét.

📌 Trả lời:

- Đỉnh núi cao nhất: 3143 m, đỉnh núi thấp nhất: 1444 m.
- Tên các đỉnh núi theo thứ tự giảm dần về độ cao: Phan Xi Păng, Tây Côn Lĩnh, Tam Đảo, Bạch Mã.

Bài 6. Quan sát công tơ mét của 3 xe máy :

- ☞ • GV dành thời gian để HV quan sát tranh vẽ.
- Mời HV đứng tại chỗ đọc kết quả từng tranh vẽ.
- HV khác lắng nghe, góp ý, nhận xét.

📌 Trả lời:

Xe máy B đi được nhiều nhất.

Xe máy A đi được ít nhất.

Tên 3 xe máy theo thứ tự đi ít nhất đến nhiều nhất: A, C, B.

Bài 8

LÀM TRÒN SỐ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV cần đạt được những yêu cầu sau:*

- Làm quen với việc làm tròn số đến hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn, hàng mười nghìn (ví dụ: làm tròn số 1234 đến hàng chục thì được số 1230).
- Vận dụng được cách làm tròn số trong các trường hợp đơn giản.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học, gồm các thành tố cốt lõi sau: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Tranh khởi động, Bảng phụ mô tả Bài tập 7, tổng hợp lý thuyết về làm tròn số.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

- GV nhấn mạnh kết quả sau khi đã làm tròn số. Chẳng hạn: làm tròn số đến hàng chục, tận cùng thường có một chữ số 0, hàng trăm có hai chữ số 0, hàng nghìn có ba chữ số 0. Tuy nhiên, đôi khi làm tròn tới hàng đơn vị mà có hai chữ số 0. Chẳng hạn, 203 được làm tròn đến hàng đơn vị thành 200.

- Tài liệu sử dụng cách làm tròn theo phương pháp so sánh chữ số 5 phù hợp với người lớn tuổi hơn.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

Khoảng cách từ Thủ đô Hà Nội đến Thành phố Hồ Chí Minh dài khoảng bao nhiêu ki-lô-mét?

☞ • GV đưa HV đến với một tình huống cần phải sử dụng tới khoảng cách xa hàng nghìn ki-lô-mét. Nhiều khi, người ta không cần thiết phải biết đến độ chính xác cao. Người ta lựa chọn cách làm tròn số.

- Từ tình huống thực tiễn, GV dẫn dắt HV tới bài học: Làm tròn số.

2. Hình thành kiến thức

☞ • GV nêu quy tắc làm tròn các số đến hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn... Sau đó, từ quy tắc này lấy các ví dụ minh họa.

- HV lưu ý chữ số 5 đóng vai trò quan trọng trong việc làm tròn số đến hàng chục, hàng trăm, hàng nghìn...

- Để rõ hơn, sau mỗi ví dụ minh họa, GV bổ sung luôn các ví dụ tương tự.

- GV tổng kết quy tắc làm tròn trên bảng phụ.

3. Luyện tập

Bài 1, 2, 3, 4, 5

☞ • GV dành thời gian để HV vận dụng quy tắc làm tròn giải các bài tập 1, 2, 3, 4, 5.

- Quan tâm đến HV yếu, giải thích hướng dẫn cụ thể cho các đối tượng HV gặp khó khăn trong khi làm bài.

4. Vận dụng

Bài 6, 7, 8

☞ • GV dành thời gian để HV đọc, hiểu ý nghĩa bài toán và vận dụng quy tắc làm tròn.

- GV bổ sung thêm ý nghĩa làm tròn số thông qua các bài toán thực tiễn.

Bài 9

LÀM QUEN VỚI CHỮ SỐ LA MÃ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV cần đạt được những yêu cầu sau:*

- Nhận biết được chữ số La Mã và viết được các số tự nhiên trong phạm vi 20 bằng cách sử dụng chữ số La Mã.

- Vận dụng để đọc, hiểu khi xem giờ, các ngày lễ, hội nghị,...

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển năng lực toán học, gồm các năng lực cốt lõi như: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Bảng : Bảng các số La Mã từ 1 đến 20.

- Đồng hồ ghi số La Mã, dụng cụ que diêm, mẫu đánh thứ tự số La Mã trong các trang văn bản.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Các số La Mã chỉ được giới thiệu thông qua một vài số cụ thể, không giới thiệu quy tắc chung thành lập các số La Mã. Tuy nhiên, với một số số La Mã đơn giản có thể nêu nét đặc trưng để HV dễ nhớ.

2. Số La Mã được sử dụng trong các sự kiện hằng ngày như: đánh trang văn bản, đồng hồ, hội nghị, thế kỷ,... GV không nên lấy các ví dụ về các số La Mã ngoài phạm vi bài học.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

👉 • GV chia sẻ một số hình ảnh quen thuộc trong đó có sử dụng các số La Mã.

- Gọi HV quan sát, trả lời đó là các đồ vật, sự kiện gì?
- GV giới thiệu lịch sử về số La Mã.

2. Hình thành kiến thức

- ☞ • GV cho HV quan sát đồng hồ có các số La Mã.

• Gọi HV quan sát giờ trên đồng hồ từ I đến XII giờ, đọc và nhận biết số La Mã theo thứ tự.

- HV quan sát, trả lời theo yêu cầu của GV.
- GV tổng hợp kiến thức bài học (tổng hợp các số La Mã từ 1 đến 20).

(GV gắn kết giữa số thứ tự các giờ trong ngày với việc hình thành các chữ số La Mã từ 1 đến 12 giúp HV dễ nhớ hơn).

• Một số chữ số La Mã thường dùng:

I: một V: năm X: mười

• Các số La Mã từ 1 đến 20:

I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
XI	XII	XIII	XIV	XV	XVI	XVII	XVIII	XIX	XX
11	12	13	14	15	16	17	18	19	20

3. Luyện tập

Bài 1. a) Đọc các số viết bằng chữ số La Mã dưới đây :

b) Viết các số sau bằng chữ số La Mã: 3, 5, 12, 19.

- ☞ • GV mời HV đọc các số viết bằng chữ số La Mã.
- HV đứng tại chỗ đọc theo chiều xuôi và ngược, không theo thứ tự.
- Đối với câu b, GV mời HV lên bảng ghi bằng chữ số La Mã.

Bài 2. Mỗi đồng hồ sau chỉ mấy giờ?

☞ • GV dành thời gian để HV quan sát đồng hồ.

• HV đứng tại chỗ trả lời câu hỏi của GV (nếu có đồng hồ thực sẽ hỗ trợ tốt hơn).

Bài 3. Dùng các que tính hay đồ vật xếp các số La Mã từ 1 đến 20.

☞ • GV tổ chức theo nhóm, dành thời gian để các nhóm thực hành.

• Các thành viên của các nhóm đảm bảo tự xếp các số La Mã theo đề nghị của nhóm trưởng.

• GV hỗ trợ, hướng dẫn thêm cho HV yếu.

Bài 4. Đại hội Đảng lần thứ bao nhiêu?

☞ • GV dành thời gian để HV quan sát hình ảnh

• HV đứng tại chỗ trả lời câu hỏi của GV. Thông qua hình ảnh, GV giáo dục thêm về sự hiểu biết thông qua các kỳ của Đại hội Đảng.

4. Vận dụng

Bài 5. Chị Hương đánh chỉ mục bằng chữ số La Mã trong Word. Bạn hãy hỗ trợ chị Hương đánh tiếp tới số thứ tự 20?

☞ • GV chuẩn bị phiếu học tập để HV điền tiếp theo gợi ý.

• HV thực hiện điền vào phiếu học tập.

Bài 6. Theo anh/chị chiếc bình bị vỡ ghi số nào?

☞ • GV dành thời gian để HV thảo luận theo nhóm, quan sát, xác định số La Mã trên bình.

• HV thảo luận, trả lời câu hỏi của GV.

🔗 Bình vỡ ghi số XIV.

Bài 10

PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 100 000

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Học xong bài này, HV cần đạt được những yêu cầu sau:

- Thực hiện được phép cộng các số có đến 5 chữ số (có nhớ không quá hai lượt và không liên tiếp).
- Biết cách đặt tính và thực hiện phép cộng trong phạm vi 100 000.
- Biết giải bài toán có lời văn được thực hiện bằng phép tính cộng.
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép cộng đã học vào giải quyết các tình huống gắn với thực tế.

* *Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học, gồm các thành tố cốt lõi sau: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Một số tình huống đơn giản liên quan tới phép cộng trong phạm vi 100 000;
- Bảng phụ hỗ trợ hình ảnh trong các bài tập.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Lưu ý cách đặt tính, cách tính, đặc biệt đối với các bước cộng có nhớ.
2. Nhắc lại cách giải một bài toán có lời văn, bài toán về nhiều hơn, ít hơn.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

- 👉 • GV mời HV lên bảng thực hiện: Đặt tính và tính : $719 + 234$

- GV hỏi HV khi đặt phép tính cần lưu ý những gì.
- GV hỗ trợ HV tính, kịp thời sửa khi HV tính nhầm.
- Trên cơ sở nhận xét bài làm của HV, GV đặt vấn đề đối với các phép tính có 5 chữ số.

2. Hình thành kiến thức

- ☞ • GV đặt vấn đề tính, đặt phép tính đối với ví dụ cụ thể dưới đây

Tính $24\,465 + 18\,252 = ?$

$$\begin{array}{r} 24\,465 \\ + 18\,252 \\ \hline 42\,717 \end{array}$$

- 5 cộng 2 bằng 7, viết 7.
- 6 cộng 5 bằng 11, viết 1, nhớ 1.
- 4 cộng 2 bằng 6, thêm 1 bằng 7, viết 7.
- 4 cộng 8 bằng 12, viết 2, nhớ 1.
- 2 cộng 1 bằng 3, thêm 1 bằng 4, viết 4.

Vậy $24\,465 + 18\,252 = 42\,717$

- GV hướng dẫn từng bước cụ thể ở trên.
- HV quan sát từng bước tính từ phải sang trái.

3. Luyện tập

Bài 1. Tính:

(Củng cố lý thuyết đã học về phép tính cộng).

Bài 2. Đặt tính rồi tính:

(Củng cố lý thuyết đã học và đặt đúng phép tính cộng).

- ☞ • GV dành thời gian để HV thực hành tại lớp.
- Mời từ 2 đến 3 HV làm trên bảng.
- Quan sát, hỗ trợ, hướng dẫn HV yếu.

Bài 3. Tính nhẩm (theo mẫu):

(Củng cố các phép tính tròn trăm, nghìn; rèn kỹ năng tính nhẩm).

Bài 4. Chọn kết quả thích hợp với mỗi phép tính

- ☞ • GV hướng dẫn HV tính mẫu sau đó dành thời gian để HV tính nhẩm.
- HV làm việc độc lập, tính nhẩm theo hướng dẫn.
- GV quan sát, hỗ trợ, hướng dẫn HV tính nhẩm.

Bài 5. Chọn chữ đặt trước câu trả lời đúng:

- ☞ • GV dành thời gian để HV tự luyện tập, thực hiện tính.
- HV làm việc độc lập, thực hiện tính ra giấy và chọn đáp án.
- GV quan sát, hỗ trợ, hướng dẫn HV tính.

4. Vận dụng

Bài 6. Vụ mùa năm nay, bác Hòa thu hoạch được 6 530 kg thóc, bác Bình thu hoạch được nhiều hơn bác Hòa 550 kg thóc. Hỏi vụ mùa năm nay, bác Bình thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam thóc?

☞ • GV gọi một HV đứng tại chỗ đọc Bài tập 6, GV tóm tắt xong và mời một HV làm bài trên bảng.

- GV dành thời gian để các HV khác cùng thực hiện giải bài.
- GV gọi một số HV nhận xét và chữa bài.

✍ **Bác Bình thu hoạch được: $6530 + 550 = 7080$ kg thóc.**

Bài 7. Vụ cá năm nay, ông Luyến thả xuống hồ 10 456 con cá trắm cỏ và 935 con cá chép. Hỏi ông Luyến đã thả xuống hồ bao nhiêu con cá?

☞ • GV gọi một HV đứng tại chỗ đọc Bài tập 7, GV tóm tắt bài toán và mời một HV làm bài trên bảng.

- GV dành thời gian để các HV khác cùng thực hiện giải bài.
- GV gọi một số HV nhận xét và chữa bài.

✍ **Ông Luyến đã thả xuống hồ $10\,456 + 935 = 11\,391$ con cá.**

Bài 8. Trong một trận bóng đá, số khán giả ở khán đài A là 4 625 người. Số khán giả ở khán đài B nhiều hơn số khán giả ở khán đài A là 438 người. Hỏi số khán giả ở khán đài B là bao nhiêu người?

☞ • GV hướng dẫn HV làm tại nhà, tương tự như các bài tập trên.

Bài 9. Quan sát sơ đồ, chỉ giúp chị Hoa đường ngắn nhất đi từ nhà tới trạm xăng và từ nhà tới bảo tàng.

☞ • GV dành thời gian để HV trao đổi, thảo luận nhóm.

• Một HV đại diện nhóm trả lời câu hỏi sau khi đã thảo luận.

Bài 11

PHÉP TRỪ TRONG PHẠM VI 100 000

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV cần đạt được những yêu cầu sau:*

- Thực hiện được phép trừ các số có đến 5 chữ số (có nhớ không quá hai lượt và không liên tiếp).
- Biết cách đặt tính và thực hiện phép trừ trong phạm vi 100 000.
- Biết giải bài toán có lời văn được thực hiện bằng phép tính trừ.
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép trừ đã học vào giải quyết các tình huống gắn với thực tế.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học, gồm các thành tố cốt lõi sau: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Một số tình huống liên quan tới phép trừ trong phạm vi 100 000.
- Bảng phụ, tranh vẽ mô tả một số hình ảnh trong TLH.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Lưu ý cách đặt tính, cách tính, đặc biệt đối với các bước trừ có nhớ.
2. Nhắc lại cách giải một bài toán có lời văn, bài toán về nhiều hơn, ít hơn.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

☞ • GV mời hai đến ba HV lên bảng đặt tính và tính đối với phép trừ 3 số đã học. Chẳng hạn: Đặt tính và tính: $719 - 234$, $367 - 28$, $176 - 8$.

- GV kịp thời hướng dẫn nếu HV đặt phép tính sai, GV mời HV dưới lớp quan sát hỗ trợ bạn.

- Từ phép tính trừ HV vừa thực hiện, GV dẫn dắt, mở rộng phạm vi tính đối với phép trừ.

2. Hình thành kiến thức

☞ • GV đặt vấn đề tính, đặt phép tính đối với ví dụ cụ thể dưới đây:

Tính $25\,285 - 11\,436 = ?$

$$\begin{array}{r} 25\,285 \\ - 11\,436 \\ \hline 13\,849 \end{array}$$

- 5 không trừ được 6, lấy 15 trừ 6 bằng 9, viết 9, nhớ 1.

- 3 thêm 1 bằng 4, 8 trừ 4 bằng 4, viết 4.

- 2 không trừ được 4, lấy 12 trừ 4 bằng 8, viết 8, nhớ 1.

- 1 thêm 1 bằng 2, 5 trừ 2 bằng 3, viết 3.

- 2 trừ 1 bằng 1, viết 1.

Vậy $25\,285 - 11\,436 = 13\,849$

- GV hướng dẫn từng bước cụ thể ở trên.

- HV quan sát từng bước tính từ phải sang trái.

3. Luyện tập

Bài 1. Tính

(Củng cố lý thuyết về phép trừ trong phạm vi 100 000 vừa học).

Bài 2. Đặt tính rồi tính

(Củng cố lý thuyết về phép trừ, đặt và thực hiện phép tính trừ trong phạm vi 100 000 vừa học).

☞ • GV dành thời gian để HV thực hành tại lớp.

- GV mời từ 2 đến 3 HV làm trên bảng.

- Quan sát, hỗ trợ, hướng dẫn HV yếu.

Bài 3. Tính nhẩm (theo mẫu)

(Luyện tập củng cố kiến thức tính nhẩm tròn trăm, nghìn)

- ☞ • GV dành thời gian để HV tự luyện tính nhẩm.
- HV làm việc độc lập, tính nhẩm theo hướng dẫn.
- GV quan sát, hỗ trợ, hướng dẫn HV tính nhẩm.

Bài 4. Đọc giá tiền của mỗi mặt hàng sau:

- ☞ • GV dành thời gian để HV quan sát tranh vẽ.
- HV làm việc từng nhóm hai người, thống nhất trả lời câu hỏi.
- GV quan sát, hỗ trợ, hướng dẫn HV yếu.

4. Vận dụng

Bài 5. Trong ba tháng đầu năm, một nhà máy sản xuất đồ chơi đã sản xuất được 24 500 xe ô tô. Tháng 1 nhà máy bán đi 10 600 xe ô tô, tháng 2 nhà máy bán đi 9 500 xe ô tô. Hỏi nhà máy còn lại bao nhiêu xe ô tô đồ chơi?

- ☞ • GV tóm tắt bài toán, phân tích, hướng dẫn HV cách làm.
- GV mời một HV làm bài trên bảng theo hướng dẫn.
- GV nhận xét, chữa bài của HV.

✎ Số xe còn lại sau tháng 1: $24500 - 10600 = 13900$ xe ô tô.

Số xe còn lại sau tháng 2: $13900 - 9500 = 4400$ xe ô tô.

Bài 6. Một cửa hàng có 16 500 l xăng, cửa hàng nhập thêm về 9 000 l xăng. Hỏi sau khi bán đi 17 350 l xăng, cửa hàng đó còn lại bao nhiêu lít xăng?

Bài 7. Một trung tâm y tế dự phòng đã nhập về 35 800 liều vắc-xin. Đợt thứ nhất dùng hết 16 400 liều vắc-xin, đợt thứ hai dùng hết 17 340 liều vắc-xin. Hỏi sau hai đợt sử dụng, trung tâm y tế đó còn lại bao nhiêu liều vắc-xin?

- ☞ • GV hướng dẫn cách làm và giao bài tập về nhà.
- HV làm bài tập tại nhà.

Bài 8. Quan sát hình vẽ, trả lời các câu hỏi:

☞ • GV dành thời gian để HV thảo luận theo nhóm.

• Đại diện HV trả lời, các nhóm khác nhận xét kết quả trả lời.

🗒 a) Số tiền mua 1 kg nho xanh nhiều hơn số tiền mua 1 kg thanh long ruột đỏ là 20 000 đồng/kg.

b) Mua 1 kg nho xanh và 1 kg thanh long ruột đỏ phải trả: $29000 + 49000 = 78000$ đồng.

Nếu đưa cho người bán hàng tờ tiền 100 000 đồng thì người bán hàng cần trả lại: $100\ 000 - 78\ 000 = 22000$ đồng.

Bài 12

NHÂN VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ (không nhớ)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV cần đạt được những yêu cầu sau:*

- Thực hiện được phép tính nhân với số có một chữ số (không nhớ).
- Thực hiện được phép tính nhân, nhân nhẩm trong những trường hợp đơn giản.
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng phép nhân đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế thông qua bài toán có lời văn.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học, gồm các thành tố cốt lõi sau: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Một số tình huống đơn giản có liên quan tới phép nhân số có hai chữ số với một số có một chữ số;
- Bảng nhân.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Lưu ý HV sau khi đặt tính và tính xong, cần viết phép tính theo hàng ngang.
2. Khi học các bảng nhân, do có thể nhân nhẩm nên thường viết kết quả từ trái sang phải. Nay chuyển ra kỹ thuật nhân viết, HV phải chú ý điều chỉnh thao tác từ phải sang trái, từ dưới nhân lên.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

☞ • GV dành thời gian để HV quan sát bảng nhân và đặt yêu cầu thực hiện phép nhân (chẳng hạn 3×6).

- HV đứng tại chỗ trả lời kết quả.
- GV hướng dẫn chung việc sử dụng bảng nhân để tính kết quả phép nhân, đưa ra tình huống phép nhân mà không thể dùng bảng, ví dụ như: 11×6 .
- GV đánh giá, nêu một phép nhân bất kỳ (trong phạm vi bảng tính), ta tìm được nhanh kết quả của phép nhân đó. Trong trường hợp phép nhân không sử dụng được bảng tính, bài học hôm nay sẽ giúp HV giải quyết được vấn đề.

2. Hình thành kiến thức

- ☞ • GV hướng dẫn kỹ phần nhân dọc, đặt phép tính:

Tính $12 \times 3 = ?$

Đặt tính:

$$\begin{array}{r} 12 \\ \times 3 \\ \hline \end{array}$$

Tính:

$$\begin{array}{r} 12 \\ \times 3 \\ \hline \end{array}$$

36

- 3 nhân 2 bằng 6, viết 6.
- 3 nhân 1 bằng 3, viết 3.

Vậy $12 \times 3 = 36$

- GV lấy thêm một số ví dụ, tăng cường để HV thực hành.

3. Luyện tập

Bài 1, 2. (Củng cố lý thuyết thực hiện phép tính nhân, đặt phép tính nhân).

- ☞ • GV dành thời gian để HV thực hành, tính toán; lưu ý kỹ cách đặt tính theo cột dọc.
- HV thực hành theo hướng dẫn của GV.
- GV quan sát HV yếu để hỗ trợ kịp thời.

Bài 3. Tính nhẩm (theo mẫu)

- ☞ • GV hướng dẫn cách tính nhẩm theo mẫu và dành thời gian để HV làm bài.
 - HV thực hành theo hướng dẫn của GV.
 - GV quan sát HV yếu để hỗ trợ kịp thời.

4. Vận dụng

Bài. 4, 5, 6

- ☞ • Các bài tập này cùng dạng bài sử dụng phép nhân hai số, GV cần hướng dẫn phân tích bài toán dẫn đến kết quả thực hiện phép nhân.
 - GV dành thời gian để HV thực hành, nghiên cứu, tóm tắt bài toán.
 - HV thực hành (kết hợp làm bài tập trên bảng, hoạt động cá nhân).
 - Tùy thuộc vào thời gian GV tăng cường để HV nghiên cứu lần lượt từng bài.
 - Các bài tập mang tính hướng thực tiễn, quen thuộc, gần gũi với người học; GV có thể bổ sung các bài tập tương tự phù hợp với hoạt động lao động sản xuất, sản phẩm của người học.

Bài 13

NHÂN VỚI SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ (có nhớ)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV cần đạt được những yêu cầu sau:*

- Thực hiện được phép nhân với số có một chữ số (có nhớ không quá hai lượt và không liên tiếp).
- Thực hiện được phép nhân, nhân nhẩm trong những trường hợp đơn giản.
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng từ phép nhân đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế thông qua bài toán có lời văn.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học, gồm các thành tố cốt lõi sau: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Một số tình huống đơn giản có liên quan tới phép nhân số có nhiều chữ số với một số có một chữ số trong phạm vi 100 000 (có nhớ 1 lượt);
- Bảng phụ hoặc phiếu học tập hỗ trợ HV luyện tập.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Lưu ý HV sau khi đặt tính và tính xong, cần viết phép tính theo hàng ngang.
2. Yêu cầu HV nhân rồi mới cộng “phần nhớ” (nếu có) ở hàng liền trước.
3. Lượt nhân nào có kết quả lớn hơn hoặc bằng 10 thì phần nhớ được cộng sang kết quả phép nhân ở hàng tiếp theo.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

☞ • GV mời HV làm một số bài tập trên bảng với các phép nhân đã học từ bài học trước. Chẳng hạn:

Đặt tính và tính:

$$12 \times 3$$

$$123 \times 3$$

$$2122 \times 4$$

• GV tiếp tục đưa ra tình huống phép nhân dẫn đến bài học hôm nay (nhân có nhớ). Chẳng hạn: đặt tính và tính đối với phép nhân 15×3 và 125×3 .

2. Hình thành kiến thức

☞ • GV hướng dẫn HV tính và đặt phép tính đối với phép tính nhân có nhớ. Chẳng hạn: Tính $1\,325 \times 3 = ?$

Đặt tính và tính:

$$\begin{array}{r} 1\,325 \\ \times \quad 3 \\ \hline 3\,975 \end{array}$$

Tính $1\,325 \times 3 = ?$

- 3 nhân 5 bằng 15, viết 5, nhớ 1.
- 3 nhân 2 bằng 6, thêm 1 bằng 7, viết 7.
- 3 nhân 3 bằng 9, viết 9.
- 3 nhân 1 bằng 3, viết 3.

Vậy $1\,325 \times 3 = 3\,975$

• Sau khi hướng dẫn chi tiết từng bước thực hiện, GV cần lưu ý để HV không nhầm lẫn:

- Đặt phép tính theo cột dọc đúng quy định theo hướng dẫn;
- Khi nhân hai số có kết quả lớn hơn 10, thực hiện nhớ theo quy tắc.

3. Luyện tập

Bài 1. Tính (củng cố phép tính nhân có nhớ)

☞ • GV dành thời gian để HV thực hành, tính toán; lưu ý quy tắc nhớ khi tích hai thừa số vượt quá 10.

- HV thực hành theo hướng dẫn của GV.
- GV quan sát HV yếu để hỗ trợ kịp thời.

Bài 2. Đặt tính rồi tính (củng cố tính và đặt tính với phép nhân có nhớ)

☞ • GV dành thời gian để HV thực hành, đặt tính, tính; lưu ý kỹ cách đặt tính theo cột dọc; quy tắc nhớ khi tích hai thừa số vượt quá 10.

- HV thực hành theo hướng dẫn của GV.
- GV quan sát HV yếu để hỗ trợ kịp thời.

Bài 3, 4. Tính nhẩm (theo mẫu):

☞ • GV đặt vấn đề việc tính nhanh trong trường hợp một trong hai thừa số tròn chục.

- Nêu vấn đề để HV có sáng kiến tính nhanh.
- GV dành thời gian hỗ trợ HV tính nhẩm từng bước mở rộng số tròn chục, tròn trăm,...
- HV thực hành, tính toán theo mẫu.

4. Vận dụng

Bài 5. Một gói bánh giá 13 500 đồng. Một người mua 2 gói bánh. Hỏi người đó phải trả bao nhiêu tiền ?

Bài 6. Ngày thứ nhất anh Quang phơi ở sân được 2130 kg thóc, Ngày thứ hai anh Quang phơi được số thóc gấp 4 lần ngày thứ nhất. Số thóc anh Quang đã phơi ngày thứ hai là bao nhiêu ki-lô-gam?

- ☞ • GV tổ chức để HV nghiên cứu độc lập.
- GV gọi một HV làm bài trên bảng.

- GV cùng cả lớp chữa bài trên bảng (yêu cầu HV so sánh kết quả, bài làm, nhận xét bài bạn làm).

Bài 7. Một kho chứa 63 150 l dầu. Người ta đã lấy dầu ra khỏi kho 3 lần, mỗi lần lấy 10 715 l dầu. Hỏi trong kho còn lại bao nhiêu lít dầu?

- ☞ • GV tổ chức để HV thảo luận theo nhóm.
- HV thảo luận, phân tích và làm bài.
- GV hỗ trợ các nhóm (nếu các nhóm gặp khó khăn).

Bài 8. Quan sát hình vẽ:

a) Trả lời các câu hỏi:

- Mua 6 bông hoa hồng phải trả bao nhiêu tiền?
- Mua 4 bông hoa ly và 5 bông hoa phăng phải trả bao nhiêu tiền?

b) Chọn số bông hoa bạn muốn mua rồi tính số tiền phải trả.

- ☞ • GV tổ chức để HV thảo luận theo nhóm.
- HV thảo luận, phân tích và làm bài.
- GV hỗ trợ các nhóm (nếu các nhóm gặp khó khăn).
- Đối với phần b: GV dành thời gian để HV đóng vai người bán hàng và người mua hàng.

☞ Trả lời:

- Mua 6 bông hoa hồng phải trả: $4\,500 \times 6 = 27\,000$ đồng.
- Mua 4 bông hoa ly phải trả: $15\,000 \times 4 = 60\,000$ đồng.
- Mua 5 bông hoa phăng phải trả: $6000 \times 5 = 30\,000$ đồng.

Tổng cộng mua 4 bông hoa ly và 5 bông hoa phăng phải trả tất cả 90 000 đồng.

Bài 14

PHÉP CHIA HẾT, PHÉP CHIA CÓ DƯ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV cần đạt được những yêu cầu sau:*

- Thực hiện được phép chia cho số có một chữ số.
- Nhận biết và thực hiện được phép chia hết và phép chia có dư.
- Thực hiện được chia nhẩm trong những trường hợp đơn giản.
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép chia đã học vào giải quyết một số tình huống thực tiễn.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học, gồm các thành tố cốt lõi sau: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Một số tình huống đơn giản có liên quan tới phép chia số có nhiều chữ số cho số có một chữ số trong phạm vi 100 000 (chia hết ở các lượt chia, chia có dư ở lượt chia cuối cùng).
- Bảng chia hỗ trợ Bài tập 3.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Nhấn mạnh kỹ thuật thực hiện phép chia: Lượt chia đầu tiên, số bị chia có thể phải lấy đến hai chữ số, nếu chữ số đầu tiên của số bị chia nhỏ hơn số chia. Kể từ lượt chia thứ hai, mỗi lần chỉ được phép hạ một chữ số ở số bị chia. Chẳng hạn: 12 065: 3. Ở lượt chia đầu tiên, ta lấy 12 chia 3; ở lượt chia thứ hai, ta chỉ được hạ 0, không hạ cùng lúc 06,...

2. Vì bài học có nhiều nội dung, GV cần căn cứ vào thời gian để tổ chức các hoạt động cho hợp lý.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

☞ • GV đặt vấn đề về chia bánh, để HV suy nghĩ, trả lời các câu hỏi sau:

a) Có 8 cái bánh, chia đều cho 2 người. Mỗi người được mấy chiếc bánh, còn thừa mấy chiếc bánh?

b) Có 9 chiếc bánh, chia đều cho 2 người. Mỗi người được mấy chiếc bánh, còn thừa mấy chiếc bánh?

• Một HV đứng tại chỗ trả lời cả hai trường hợp. Các HV khác nhận xét, góp ý về kết quả chia bánh.

• GV tổng hợp, định hướng vào bài học.

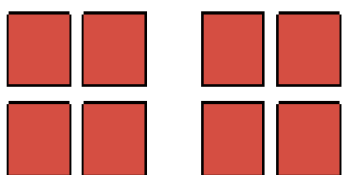
2. Hình thành kiến thức

☞ • Thông qua ví dụ về chia bánh (phần khởi động), HV có thể lấy thêm ví dụ tương tự (có thể thực hiện chia bằng đồ vật cụ thể).

• Từ kết quả của ví dụ, GV tổng kết kiến thức mới cụ thể như sau:

* Đối với phép chia hết:

Có 8 hình vuông chia đều cho 2 bạn, mỗi bạn được 4 hình vuông. Ta có phép chia $8 : 2 = 4$.



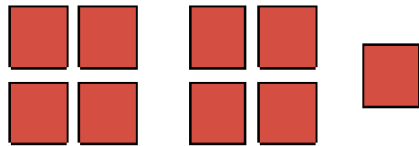
Mỗi bạn được 4 hình vuông,
không còn dư hình vuông nào

Ta nói: Phép chia $8 : 2$ có thương là 4, số dư là 0.

Đây là phép chia hết. Ta viết $8 : 2 = 4$.

* Đối với phép chia có dư:

Có 9 hình vuông chia đều cho 2 bạn, mỗi bạn được 4 hình vuông, còn dư 1 hình vuông.



Mỗi bạn được 4 hình vuông,
không còn dư 2 hình vuông

Ta nói: Phép chia $9 : 2$ có thương là 4, số dư là 1.

Đây là phép chia có dư. Ta viết $9 : 2 = 4$ (dư 1).

Đọc là: Chín chia hai bằng bốn, dư một.

3. Luyện tập

Bài 1. Viết phép chia thích hợp.

Bài 2. Số?

☞ • GV dành thời gian để HV tự luyện tập.

- GV quan sát, hỗ trợ HV yếu.

Bài 3. Sử dụng bảng chia để tìm thương và số dư trong các phép chia sau.

☞ • GV dành thời gian để HV làm việc độc lập, tự nghiên cứu tìm quy luật dưới sự hướng dẫn của GV.

- HV quan sát quy luật của số chia, số bị chia theo thứ tự.
- GV quan sát, hỗ trợ HV yếu.

4. Vận dụng

Bài 4. Chị Ánh xếp 25 chiếc cốc vào các hộp, mỗi hộp có 6 chiếc cốc. Hỏi chị Ánh xếp được mấy hộp và thừa mấy chiếc cốc?

☞ • GV dành thời gian để HV thảo luận tìm phép tính của bài toán.

- HV thảo luận, đại diện các nhóm trình bày phương án.

• GV tổ chức cho các nhóm nhận xét chéo nhau, giải thích về phép tính nhóm đưa ra.

✎ Phép tính: $25: 6 = 4$ (dư 1)

Trả lời: Chị Ánh xếp được 4 hộp, thừa 1 chiếc cốc.

Bài 5. Có 14 người khách cần sang sông, mỗi chuyến thuyền chở được nhiều nhất 4 người khách (không kể người chèo thuyền). Hỏi cần ít nhất mấy chuyến để thuyền chở hết số khách đó?

- ☞ • GV dành thời gian để HV thảo luận tìm phép tính của bài toán.

- HV thảo luận, đại diện các nhóm trình bày phương án.

• GV tổ chức cho các nhóm nhận xét chéo nhau, giải thích về phép tính nhóm đưa ra.

✎ Phép tính: $14: 4 = 3$ (dư 2).

Trả lời: Cần ít nhất 4 chuyến để chở hết số khách.

Bài 6. Anh Ninh nuôi 23 con thỏ trong các chuồng, mỗi chuồng chỉ nuôi được 4 con thỏ. Vậy anh Ninh cần ít nhất mấy cái chuồng để nuôi hết số thỏ đó ?

- ☞ • GV dành thời gian để HV tự làm tương tự như các bài trên.

- HV trình bày lời giải vào vở.

- GV hỗ trợ HV yếu.

✎ Phép tính : $23: 4 = 5$ (dư 3).

Trả lời: Anh Ninh cần ít nhất 6 cái chuồng để nuôi hết số thỏ đó.

Bài 15

CHIA SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV cần đạt được những yêu cầu sau:*

- Thực hiện được phép chia số có nhiều chữ số cho số có một chữ số.
- Nhận biết được mối quan hệ giữa phép nhân với phép chia trong thực hành tính.
- Thực hiện được chia nhằm trong những trường hợp đơn giản.
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép chia đã học vào giải quyết một số tình huống thực tiễn.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học, gồm các thành tố cốt lõi sau: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Một số tình huống đơn giản có liên quan đến phép chia số có nhiều chữ số cho số có một chữ số trong phạm vi 100 000 (có số 0 ở thương).
- Khuyến khích sử dụng máy chiếu mô phỏng các hình vẽ trong TLH.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Lưu ý HV trong nhiều phép chia, ở lượt chia cuối cùng, số bị chia nhỏ hơn số chia, thì lượt chia đó được kết quả là 0. (Nhiều HV nhầm lẫn khi hạ chữ số cuối cùng xuống, số bị chia đó nhỏ hơn số chia thì không thực hiện lượt chia đó nữa mà ghi luôn chữ số đó là số dư).

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

☞ • GV nêu vấn đề: Nếu sử dụng bảng chia có tìm được kết quả của phép chia không.

• HV quan sát bảng chia, GV lấy một số ví dụ về phép chia (trong khuôn khổ sử dụng bảng chia).

• GV dành thời gian để HV phát hiện cách làm thông qua một ví dụ cụ thể.

2. Hình thành kiến thức

☞ • GV phân tích: Đối với phép chia trong phạm vi bảng chia, ta có thể tìm nhanh kết quả tính.

• Trong trường hợp số bị chia có nhiều chữ số, ta không thể dùng bảng tính để tra kết quả, HV thực hiện phép tính chia dọc.

• GV hướng dẫn chi tiết phép chia (chia dọc), lưu ý cách đặt tính, quy trình thực hiện phép chia.

• HV quan sát theo hướng dẫn của GV.

Tính $26 : 2 = ?$

• Đặt tính

$$\begin{array}{r} 26 \quad | \quad 2 \\ \hline \end{array}$$

• Tính .

$$\begin{array}{r} 26 \quad | \quad 2 \\ \underline{2 \downarrow} \quad 13 \\ 06 \\ \underline{6} \\ 0 \end{array}$$

• 2 chia 2 được 1, viết 1.

1 nhân 2 bằng 2,

2 trừ 2 bằng 0.

• Hạ 6,

6 chia 2 được 3, viết 3.

3 nhân 2 bằng 6,

6 trừ 6 bằng 0.

Vậy $26 : 2 = 13$

3. Luyện tập

Bài 1. Tính (củng cố lý thuyết, thực hành chia).

☞ • GV dành thời gian để HV tự thực hành phép tính (có thể mời một vài HV làm trực tiếp trên bảng).

- HV tăng cường thực hành tính thông qua các bài tập.
- GV kịp thời hỗ trợ HV tính, đặt tính trên bảng.

Bài 2. Đặt tính rồi tính (củng cố lý thuyết, thực hành đặt tính và thực hiện phép tính chia).

☞ • GV dành thời gian để HV tự thực hành phép tính (có thể mời một vài HV làm trực tiếp trên bảng).

• GV lưu ý để HV đặt phép tính, tính đúng từng bước từ đầu; nắm chỉnh kịp thời khi HV sai sót.

- HV tăng cường thực hành tính thông qua các bài tập.
- GV kịp thời hỗ trợ HV tính, đặt tính trên bảng.

Bài 3. Tính nhẩm (theo mẫu)

☞ • GV hướng dẫn HV tính nhanh trong trường hợp số bị chia tròn chục, tròn trăm.

• GV thực hiện chia mẫu và lấy thêm các ví dụ tương tự để HV tự tính toán theo quy tắc số tròn chục, tròn trăm.

a)

Mẫu: $60 : 3 = ?$

Nhẩm: 6 chục : 3 = 2 chục

Vậy $60 : 3 = 20$

$60 : 2$

$70 : 7$

$40 : 2$

$90 : 3$

b)

Mẫu: $600 : 3 = ?$

Nhẩm: 6 trăm : 3 = 2 trăm

Vậy $600 : 3 = 200$

$800 : 4$

$500 : 5$

$400 : 2$

$900 : 3$

4. Vận dụng

Bài 4. Bác Sáng thu hoạch được 90 quả bí ngô, bác chia đều vào 3 chuyến xe để chở hết số quả bí ngô về nhà. Hỏi mỗi chuyến xe chở bao nhiêu quả bí ngô?

- ☞ • GV dành thời gian để HV thảo luận, lựa chọn phép tính.
- GV mời đại diện các nhóm cho kết quả thảo luận, phép tính của bài toán

✎ Phép tính: $90 : 3 = 30$ (quả bí ngô).

Mỗi chuyến xe chở 30 quả bí ngô.

Bài 5. Có 84 quả cà chua xếp đều vào 4 rổ. Hỏi mỗi rổ có bao nhiêu quả cà chua?

- ☞ • GV dành thời gian để HV tự làm tương tự như Bài tập 4.
- GV mời một HV làm trên bảng.
- GV quan sát hỗ trợ, hướng dẫn HV yếu.

✎ Phép tính: $84 : 4 = 21$ (quả cà chua).

Mỗi rổ có 21 quả cà chua.

Bài 6. Anh Hải chia đều 800 g cá cơm thành 2 phần bằng nhau. Hỏi mỗi phần có bao nhiêu gam cá cơm?

Bài 7. Một nhà máy bóng đèn sản xuất thử nghiệm một loại đèn tiết kiệm năng lượng mới. Lô đầu tiên nhà máy sản xuất 666 chiếc bóng đèn và đóng vào các hộp, mỗi hộp 6 chiếc. Hỏi cần bao nhiêu hộp để đóng hết số bóng đèn đó ?

- ☞ • Các dạng bài tập này tương tự như Bài tập 4, 5. GV hướng dẫn để HV tự làm hoặc giao bài về nhà
- HV tự làm trên lớp hoặc làm tại nhà.
- GV có thể yêu cầu HV nộp vở để chấm.

Bài 16

CHIA SỐ CÓ NHIỀU CHỮ SỐ CHO SỐ CÓ MỘT CHỮ SỐ (tiếp theo)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV cần đạt được những yêu cầu sau:*

- Củng cố và thực hiện được phép chia số có nhiều chữ số cho số có một chữ số.
- Tiếp tục thực hiện được chia nhẩm.
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về phép chia đã học vào giải quyết một số tình huống thực tiễn.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học, gồm các thành tố cốt lõi sau: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Một số tình huống đơn giản có liên quan đến phép chia số có nhiều chữ số cho số có một chữ số trong phạm vi 100 000 (có số 0 ở thương).
- Bảng chia hỗ trợ các phép chia đơn giản.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Căn cứ vào trình độ của HV trong lớp học, GV có thể gợi ý HV để phát hiện: Với phép chia có cùng số bị chia, số chia nào lớn hơn thì được thương nhỏ hơn; phép chia có cùng số chia, số bị chia nào lớn hơn thì cho thương lớn hơn (không yêu cầu phát biểu).

2. Có thể nhắc lại cách phân tích một bài toán có lời văn, đặc biệt với bài toán có nhiều phép tính; cách trả lời, cách tóm tắt bài toán,...

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

☞ • GV khởi động bằng cách mời HV thực hiện phép chia: Với số bị chia có hai chữ số chia cho số chia có một chữ số.

• HV tự làm trên bảng.

• GV đặt vấn đề: Trong trường hợp số bị chia có 3 hay 4 chữ số, thực hiện phép chia như thế nào.

• Kế thừa tiết học trước, GV lấy ví dụ chia mẫu để HV thực hiện các ví dụ khác theo đúng quy trình tính (kể cả ví dụ đối với phép chia có dư).

2. Hình thành kiến thức

Tính $64 : 3 = ?$

$$\begin{array}{r} 64 \overline{) 3} \\ \underline{6} \\ 04 \\ \underline{3} \\ 1 \end{array}$$

$$64 : 3 = ?$$

- 6 chia 3 được 2, viết 2.
2 nhân 3 bằng 6; 6 trừ 6 bằng 0.
- Hạ 4, 4 chia 3 được 1, viết 1.
1 nhân 3 bằng 3; 4 trừ 3 bằng 1.

$$64 : 3 = 21 \text{ (dư 1)}$$

Tính $72 : 3 = ?$

$$\begin{array}{r} 72 \overline{) 3} \\ \underline{6} \\ 12 \\ \underline{12} \\ 0 \end{array}$$

$$72 : 3 = ?$$

- 7 chia 3 được 2, viết 2.
2 nhân 3 bằng 6; 7 trừ 6 bằng 1.
- Hạ 2, được 12; 12 chia 3 được 4, viết 4.
4 nhân 3 bằng 12; 12 trừ 12 bằng 0.

$$72 : 3 = 24$$

3. Luyện tập

Bài 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7. Tính:

☞ • GV thực hiện chia mẫu một phép tính, rồi hướng dẫn HV. HV quan sát cách làm để làm các ví dụ tương tự.

- GV quan sát, hướng dẫn HV đảm bảo HV nắm được quy trình chia.
- GV dành thời gian để HV luyện tập, thực hành là chủ yếu.
- HV thực hành dưới sự hỗ trợ của bạn, của GV.

Bài 8. Thực hiện các phép chia sau rồi dùng phép nhân để thử lại:

$$79\ 184 : 7$$

$$57\ 647 : 3$$

- ☞ • GV dành thời gian để HV thực hành, tính toán trước.
- HV đứng tại chỗ nêu lại quy trình chia.
 - GV hỗ trợ lại từng bước (nếu HV khó khăn).
 - Khi có kết quả, GV mời HV kiểm tra lại bằng cách thực hiện nhân thương với số chia.

Bài 9. Tính nhẩm (theo mẫu)

$$12\ 000 : 4 = ?$$

Nhẩm: $12\ \text{nghìn} : 4 = 3\ \text{nghìn}$
Vậy $12\ 000 : 4 = 3\ 000$

$$8\ 000 : 2$$

$$40\ 000 : 5$$

$$36\ 000 : 9$$

$$42\ 000 : 7$$

☞ • GV dành thời gian để HV tính nhẩm trong trường hợp số bị chia là tròn chục, tròn trăm.

- HV đứng tại chỗ nêu cách tính nhẩm nhanh.
- GV tổng kết lại quy tắc tính nhẩm trong trường hợp số bị chia là tròn chục, tròn trăm.

- GV dành thời gian để HV thực hành qua các phép toán cụ thể dưới đây:

$$\begin{array}{ll} 80\,000 : 2 & 54\,000 : 9 \\ 100\,000 : 5 & 32\,000 : 8 \end{array}$$

4. Vận dụng

Bài 10. Một nhà máy sản xuất được 426 chiếc ô tô đồ chơi trong 3 ngày. Hỏi mỗi ngày nhà máy đó sản xuất được bao nhiêu chiếc ô tô đồ chơi? Biết mỗi ngày nhà máy sản xuất được số chiếc ô tô đồ chơi bằng nhau.

☞ • GV dành thời gian để HV thảo luận theo nhóm để phát hiện phép tính trong bài.

- HV thảo luận theo nhóm theo hướng dẫn của GV.
- GV mời đại diện các nhóm nêu phương án về phép tính của bài.

✎ Phép tính: $426 : 3 = 142$ (ô tô).

Mỗi ngày nhà máy sản xuất được 142 chiếc ô tô đồ chơi.

Bài 11. Có 3 455 m vải, may mỗi bộ đồng phục hết 2 m. Hỏi có thể may được nhiều nhất bao nhiêu bộ đồng phục và còn thừa mấy mét vải?

Bài 12. Một phân xưởng sản xuất 45 248 thùng hàng. Người ta xếp đều số thùng hàng đó vào 4 kho. Hỏi mỗi kho có bao nhiêu thùng hàng ?

☞ • Các Bài tập 10, 11, 12 có các phép tính tương tự, GV dành thời gian để HV tự nghiên cứu, làm vào vở viết.

- GV quan sát, hỗ trợ HV yếu.

Bài 17

LUYỆN TẬP CHUNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV cần đạt được những yêu cầu sau:*

- Củng cố và tiếp tục thực hiện phép chia số có nhiều chữ số cho số có một chữ số.
- Tiếp tục rèn kỹ năng chia nhẩm.
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng từ phép chia đã học vào giải quyết một số tình huống thực tiễn.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học, gồm các thành tố cốt lõi sau: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán học.

II. CHUẨN BỊ

Một số tình huống đơn giản có liên quan đến phép chia số có nhiều chữ số cho số có một chữ số trong phạm vi 100 000 (có số 0 ở thương).

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Củng cố kiến thức, cho HV đặt phép tính chia; kết quả chia 1 số có nhiều chữ số cho số có 1 chữ số chỉ xảy ra hai khả năng: Phép chia hết và phép chia có dư (số dư luôn bé hơn số chia).

2. Khuyến khích HV tính nhẩm đối với phép tính là số chẵn chia cho 2, số tròn trăm khi chia cho số có 1 chữ số.

3. Hướng dẫn HV đặt tính, tính cụ thể (có ví dụ hoặc bài tập minh họa) và chia số có từ 3 hay 4 chữ số cho số có 1 chữ số.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

- ☞ • GV mời HV đứng tại chỗ nêu kết quả điền vào dấu....
- HV đứng tại chỗ nhận định phép chia có thương bằng 0. Đặc điểm đối với số bị chia so với số chia.
- GV hướng dẫn cả lớp quan sát, đưa ra nhận định chung về phép chia có thương bằng 0, chia có dư.

2. Hình thành kiến thức

- ☞ • GV ôn tập, thực hiện chia mẫu.
- HV quan sát, cùng thực hiện chia theo hướng dẫn của GV.

$$\begin{array}{r}
 5\ 236 \mid 4 \\
 \underline{4\ 0} \\
 1\ 2 \\
 \underline{1\ 2} \\
 03 \\
 \underline{0} \\
 36 \\
 \underline{36} \\
 0
 \end{array}$$

Tính $5236 : 4 = ?$

- 5 chia 4 được 1, viết 1.
1 nhân 4 bằng 4, 5 trừ 4 bằng 1.
- Hạ 2, được 12, 12 chia 4 được 3, viết 3.
3 nhân 4 bằng 12, 12 trừ 12 bằng 0.
- Hạ 3, 3 chia 4 được 0, viết 0.
0 nhân 4 bằng 0, 3 trừ 0 bằng 3.
- Hạ 6, được 36, 36 chia 4 được 9, viết 9.
9 nhân 4 bằng 36, 36 trừ 36 bằng 0.

Vậy $5\ 236 : 4 = 1\ 309$

- GV lưu ý kỹ cho HV về việc đặt các chữ số khi thực hiện chia dọc.

3. Luyện tập

Bài 1, 2, 3, 4, 5. Tính theo mẫu; Tính; Đặt tính rồi tính:

☞ • Đây là các bài tập củng cố kỹ năng chia, GV dành thời gian để HV tự luyện tập.

- GV quan sát, hỗ trợ HV yếu để hướng dẫn kịp thời.

4. Vận dụng

Bài 6. Có 12 000 bút sáp màu. Người ta đóng hết số bút sáp màu đó vào các hộp, mỗi hộp 6 bút sáp. Hỏi đóng được tất cả bao nhiêu hộp bút sáp màu?

Bài 7. Người ta lắp bánh xe vào các ô tô, mỗi ô tô cần phải lắp 4 bánh xe. Hỏi có 1 634 bánh xe thì lắp được nhiều nhất bao nhiêu ô tô như thế và còn thừa mấy bánh xe?

Bài 8. Có 10 243 viên thuốc, người ta đóng vào các vỉ, mỗi vỉ 8 viên thuốc. Hỏi đóng được nhiều nhất bao nhiêu vỉ thuốc và còn thừa ra mấy viên?

☞ • Các Bài tập 6, 7, 8, HV đã làm quen đối với các bài tập tương tự ở bài học trước (nhưng với số bị chia nhỏ) nên không khó phát hiện ra phép tính. GV dành thời gian để HV tự luyện tập, hướng dẫn HV khá, giỏi hơn hỗ trợ bạn thảo luận phát hiện phép tính.

- HV tự làm bài dưới sự hỗ trợ của bạn, của GV.

Bài 18

GẤP MỘT SỐ LÊN MỘT SỐ LẦN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV cần đạt được những yêu cầu sau:*

- Biết thực hiện gấp một số lên nhiều lần.
- Phân biệt được nhiều hơn một số đơn vị với gấp lên một số lần.
- Giải được các bài toán thực tiễn liên quan tới gấp một số lên nhiều lần.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển năng lực toán học. Thông qua giải bài toán thực tiễn, HV được phát triển năng lực giao tiếp và năng lực giải quyết vấn đề toán học.

II. CHUẨN BỊ

Chuẩn bị phiếu học tập (Bài tập 1, 2).

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Nhấn mạnh cách thực hiện gấp một số lên nhiều lần: “Muốn gấp một số lên nhiều lần, ta lấy số đó nhân với số lần”.
2. Lưu ý HV phân biệt giữa nhiều hơn một số đơn vị với gấp lên một số lần.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

☞ • GV dành thời gian để HV quan sát hình vẽ và trả lời câu hỏi: Băng giấy xanh gấp mấy lần băng giấy đỏ?



- HV quan sát tranh vẽ (hoặc vật thật) trả lời câu hỏi.
- GV hướng dẫn HV: Ta có thể gấp một vật hay một số lên nhiều lần.
- GV lấy thêm ví dụ gấp một số lên nhiều lần.

Lưu ý: Ưu tiên sử dụng vật thật mô tả thực tế việc gấp lên một số lần sẽ hiệu quả hơn. Chẳng hạn, gấp nhiều lần một sợi dây; gấp đôi, gấp 4 một tờ giấy...

2. Hình thành kiến thức

Bài toán: Đoạn thẳng AB dài 2 cm, đoạn thẳng CD dài gấp 3 lần đoạn thẳng AB. Hỏi đoạn thẳng CD dài bao nhiêu xăng-ti-mét?

☞ • GV dành thời gian để HV quan sát hai đoạn thẳng AB và CD và đặt câu hỏi đoạn thẳng CD dài gấp mấy lần đoạn thẳng AB?

- HV tự suy nghĩ theo một số gợi ý của GV như:

- Đoạn thẳng CD dài gấp mấy lần đoạn thẳng AB?
- Để biết đoạn thẳng CD dài gấp mấy lần đoạn thẳng AB ta thực hiện phép tính gì?

• GV chốt kiến thức bài học: Muốn gấp một số lên một số lần, ta lấy số đó nhân với số lần.

- GV có thể lấy thêm một số ví dụ tương tự.

3. Luyện tập

Bài 1, 2. Số ? (Củng cố lý thuyết gấp nhiều lần một số)

☞ • GV chuẩn bị phiếu học tập ghi nội dung Bài tập 1,2.

- HV tự làm bài trong phiếu học tập.

- GV hỗ trợ kịp thời HV yếu, lúng túng chưa hiểu rõ cách gấp lên nhiều lần một số, một số đồ vật.

Bài 3. Chị Hạnh rót nước mơ vào hai chiếc bình. Bình nhỏ có 2 l nước mơ, bình to có số lít nước mơ gấp 5 lần bình nhỏ. Hỏi bình to có bao nhiêu lít nước mơ?

Bài 4. An năm nay 9 tuổi. Tuổi bố gấp 4 lần tuổi An. Hỏi bố năm nay bao nhiêu tuổi?

- ☞ • GV dành thời gian để HV nghiên cứu, thảo luận theo yêu cầu bài toán.

- HV thảo luận dưới sự hỗ trợ của GV.

- Đại diện HV nêu phép tính, trình bày bài giải.

✎ Phép toán: Gấp 2 lên 5 lần ta được: $2 \times 5 = 10$. Bình to có 10 lít nước mơ.

✎ Phép toán: Gấp 9 lên 4 lần ta được: $9 \times 4 = 36$. Bố năm nay 36 tuổi.

Bài 5. (Củng cố lý thuyết gấp nhiều lần một số, số lớn trong phạm vi số đã học).

- ☞ • GV dành thời gian để HV tự luyện tập.

- HV tự làm bài, trên bảng hoặc trong vở.

- GV kịp thời hỗ trợ, hướng dẫn HV yếu.

4. Vận dụng

Bài 6. Nhà cô Lan thu hoạch được 1 280 kg thóc, số thóc nhà bác Hoà thu hoạch được gấp 3 lần nhà cô Lan. Hỏi nhà bác Hoà thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam thóc ?

Bài 7. Ngày thứ nhất đội công nhân sửa được 1 230 m đường, ngày thứ hai đội công nhân sửa được số mét đường gấp đôi ngày thứ nhất. Hỏi ngày thứ hai đội công nhân đó sửa được bao nhiêu mét đường?

Bài 8. Năm nay nhà bác Ba thu hoạch được 1025 trái dừa, nhà bác Sáu thu hoạch được số trái dừa gấp 3 lần nhà bác Ba. Hỏi nhà bác Sáu thu hoạch được bao nhiêu trái dừa ?

Bài 9. Một tổ hợp sản xuất, ngày thứ nhất bán được 462 tấm màn trúc, ngày thứ hai bán được gấp đôi ngày thứ nhất. Hỏi ngày thứ hai tổ hợp đó đã bán được bao nhiêu tấm màn trúc.

☞ • Các Bài tập 6, 7, 8, 9 có các phép toán quen thuộc, GV dành thời gian cho HV suy nghĩ, phát hiện phép tính, HV tự làm dưới sự hướng dẫn của GV.

- GV kịp thời sửa sai, chú ý sửa lỗi trình bày.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HV yếu.

Bài 19

GIẢM MỘT SỐ ĐI MỘT SỐ LẦN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV cần đạt được những yêu cầu sau:*

- Biết được muốn giảm một số đi nhiều lần ta chia số đó cho số lần. Vận dụng giải được các bài toán có lời văn.

- Phân biệt được giảm đi một số lần với giảm đi một số đơn vị.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển năng lực toán học. Thông qua giải bài toán thực tế, HV được phát triển năng lực giao tiếp và năng lực giải quyết vấn đề toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Tùy điều kiện cho phép, GV có thể chiếu các bức tranh, tranh vẽ để HV dễ quan sát.

- Hình vẽ: Chuẩn bị một đến hai bức tranh minh họa giảm đi một số lần và bảng phụ sử dụng hình vẽ hai đoạn thẳng AB và CD trong TLH.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Trọng tâm của bài này là giúp HV biết cách giảm một số đi nhiều lần và vận dụng để giải các bài tập.

2. Khuyến khích HV khi đọc và phân tích đề toán cần đặt các câu hỏi rồi trả lời nhằm phát huy trí lực của HV. Chẳng hạn: Đối với Bài tập 2 có thể đặt câu hỏi như: “Muốn gấp 2 lên 6 lần ta làm như thế nào? Muốn giảm 12 đi 3 lần ta làm thế nào?”

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

☞ • GV dành thời gian để HV quan sát tranh vẽ và trả lời câu hỏi: Có 6 con ếch, nếu giảm đi 2 lần số ếch còn lại mấy con; hay giảm đi 3 lần số hình tam giác còn lại mấy hình tam giác?

- HV quan sát tranh vẽ và trả lời câu hỏi.
- GV nhận xét câu trả lời của HV đồng thời viết phép toán.
- GV tổng kết việc giảm số lượng các con ếch, hình tam giác thực chất là giảm các số đi 2 lần, 3 lần.

2. Hình thành kiến thức

Bài toán: Đoạn thẳng AB dài 8 cm. Độ dài đoạn thẳng AB giảm 4 lần thì được độ dài đoạn thẳng CD. Hỏi đoạn thẳng CD dài mấy xăng-ti-mét?

☞ • GV để HV quan sát hình vẽ, gợi ý: Đoạn thẳng AB dài gấp mấy lần đoạn thẳng CD? Để tìm độ dài đoạn thẳng CD ta làm phép tính gì?

- HV quan sát hình vẽ trả lời câu hỏi của GV.
- GV hướng dẫn giải và nhận xét: Muốn giảm một số đi một số lần, ta lấy số đó chia cho số lần.

Ví dụ 1: Giảm 12 đi 3 lần ta được: $12 : 3 = 4$

Ví dụ 2: Giảm 30 đi 6 lần ta được: $30 : 6 = 5$

Ví dụ 3: Giảm 27 đi 9 lần ta được: $27 : 9 = 3$.

3. Luyện tập

Bài 1, 2, 3, 4.

- ☞ • GV thiết kế phiếu học tập, HV làm trực tiếp vào phiếu học tập.
- HV hoạt động độc lập.
 - GV kịp thời hỗ trợ HV yếu.

Bài 5. a) Vẽ đoạn thẳng AB dài 8 cm.

b) Vẽ đoạn thẳng MN có độ dài bằng độ dài đoạn thẳng AB giảm đi 4 lần.

c) Vẽ đoạn thẳng PQ có độ dài gấp 5 lần độ dài đoạn thẳng MN.

- ☞ • GV dành thời gian cho HV làm bài, gọi hai HV thực hành trên bảng.
- HV thảo luận cặp đôi và thống nhất làm vào vở ghi.
 - GV kịp thời hỗ trợ, hướng dẫn HV yếu.

4. Vận dụng

Bài 6. Trong hội chợ sách, buổi sáng một quầy hàng bán được 30 giỏ quà sách, buổi chiều số giỏ quà sách bán được giảm đi 3 lần so với buổi sáng. Hỏi buổi chiều quầy hàng đó bán được bao nhiêu giỏ quà sách?

Bài 7. Một cửa hàng đang có chương trình khuyến mại giảm giá một nửa cho tất cả các mặt hàng. Một chiếc áo có giá 96 000 đồng, sau khi giảm giá chiếc áo đó có giá bao nhiêu tiền ?

☞ • Các Bài tập 6, 7 có các phép toán tương tự Bài tập 5, GV dành thời gian để HV tự suy nghĩ.

- HV làm bài vào vở.
- GV hỗ trợ, hướng dẫn HV yếu.

Bài 20

MỘT PHẦN MẤY

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV cần đạt được những yêu cầu sau:*

- Nhận biết được về $\frac{1}{2}; \frac{1}{3}; \frac{1}{4}; \frac{1}{5}; \frac{1}{6}; \frac{1}{7}; \frac{1}{8}; \frac{1}{9}$ thông qua các hình ảnh trực quan.
- Xác định được $\frac{1}{2}; \frac{1}{3}; \frac{1}{4}; \frac{1}{5}; \frac{1}{6}; \frac{1}{7}; \frac{1}{8}; \frac{1}{9}$ của một nhóm đồ vật (đối tượng) bằng việc chia thành các phần đều nhau.
- Nhận biết được một phần mấy thông qua các nhóm đồ vật trong thực tiễn.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển năng lực toán học. Thông qua việc gấp giấy, tình huống cụ thể, HV được phát triển năng lực giao tiếp và năng lực giải quyết vấn đề toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Tùy điều kiện cho phép, GV có thể chiếu các bức tranh, tranh vẽ để HV dễ quan sát.
- Một số hình ảnh thể hiện $\frac{1}{2}; \frac{1}{3}; \frac{1}{4}; \frac{1}{5}; \frac{1}{6}; \frac{1}{7}; \frac{1}{8}; \frac{1}{9}$.
- Giấy A₄, hình tròn bằng giấy để hướng dẫn khởi động, hướng dẫn phần lý thuyết.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Một phần hai còn gọi là một nửa.
2. Bài học này nhận biết một phần mấy thông qua trực quan, GV tăng cường để HV thực hành, trải nghiệm thực tế.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

☞ • GV yêu cầu mỗi HV chuẩn bị một tờ giấy A4 và thực hiện gấp theo hướng dẫn của GV.

- HV gấp đôi, gấp ba, gấp bốn,...
- GV xác định phần giấy còn lại lần lượt là $1/2$, $1/3$, $1/4$... (vừa gấp đến đâu thực hiện ghi phần còn lại đến đó).

2. Hình thành kiến thức

☞ • GV hướng dẫn đối với hình tròn (chia hình tròn thành hai phần bằng nhau, 4 phần bằng nhau...)

- Từ thực tế hoặc hình ảnh, GV giới thiệu kiến thức mới.
- GV từng bước thực hiện chia nhỏ hình tròn, tờ giấy thành nhiều phần bằng nhau, kết hợp với ghi các số.
- GV có thể lấy thêm ví dụ về chia bánh trưng ngày Tết và các câu chuyện thực tế liên quan tới kiến thức bài học.

3. Luyện tập

Bài 1. Chọn cặp thẻ và phân số thích hợp (theo mẫu).

Bài 2. Hình nào đã khoanh.

Bài 3. Chọn hình vẽ với thẻ ghi phân số thích hợp.

- ☞ • GV dành thời gian để HV thảo luận theo cặp đôi.
- HV thảo luận đưa ra sự lựa chọn.
 - GV đề nghị đại diện một số nhóm trả lời câu hỏi.

4. Vận dụng

Bài 4, 5

- ☞ • GV dành thời gian để HV quan sát tranh vẽ và làm vào vở ghi.
- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HV yếu.

Bài 21

SO SÁNH SỐ LỚN GẤP MẤY LẦN SỐ BÉ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV cần đạt được những yêu cầu sau:*

- Biết cách so sánh số lớn gấp mấy lần số bé.
- Vận dụng quy tắc so sánh số lớn gấp mấy lần số bé để giải quyết một số bài toán và tình huống gắn liền với thực tiễn.

** Phát triển năng lực: Góp phần phát triển năng lực toán học. Thông qua giải bài toán thực tế, HV được phát triển năng lực giao tiếp và năng lực giải quyết vấn đề toán học.*

II. CHUẨN BỊ

- Tùy điều kiện cho phép, GV có thể chiếu các bức tranh, tranh vẽ để HV dễ quan sát.
- Hai đoạn băng giấy, trong đó băng giấy đỏ dài gấp 4 lần băng giấy xanh.
- Một số tình huống đơn giản dẫn tới nhu cầu so sánh một số lớn gấp mấy lần số bé.
- TLH, bảng phụ, phiếu học tập.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Trước khi giới thiệu bài toán so sánh số lớn gấp mấy lần số bé cần giúp HV ôn lại kiến thức bài 19 giảm một số đi một số lần.

2. Để giải bài toán so sánh số lớn gấp mấy lần số bé, ta thực hiện phép chia số lớn cho số bé.

Chẳng hạn: Số lớn là 8; số bé là 2

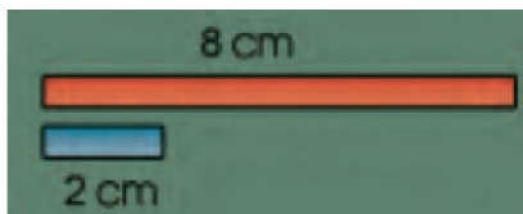
Ta có: $8 : 2 = 4$. Như vậy 8 gấp 2 là 4 lần.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

☞ • GV dành thời gian để HV quan sát tranh vẽ và nêu nhận xét; hoặc quan sát que tính có độ dài tương tự.

- HV quan sát và trả lời câu hỏi.
- GV mời HV đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.

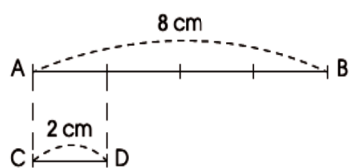


2. Hình thành kiến thức

☞ • GV vẽ sơ đồ minh họa, chia đoạn thẳng AB thành 4 đoạn ngắn, hỏi HV đoạn thẳng AB gấp độ dài đoạn thẳng CD mấy lần?

- HV quan sát sơ đồ và trả lời câu hỏi của GV.
- GV hướng dẫn, trình bày lời giải dưới đây:

Bài toán: Đoạn thẳng AB dài 8 cm, đoạn thẳng CD dài 2 cm. Hỏi đoạn thẳng AB dài gấp mấy lần đoạn thẳng CD?



Bài giải

Độ dài đoạn thẳng AB gấp độ dài đoạn thẳng CD một số lần là:

$$8 : 2 = 4 \text{ (lần)}$$

Đáp số: 4 lần.

{Nhận xét: Muốn biết số lớn gấp mấy lần số bé, ta lấy số lớn chia cho số bé.}

3. Luyện tập

Bài 1,2. Số?

☞ • GV dành thời gian để HV thảo luận theo cặp đôi.

- HV thảo luận với bạn, thống nhất trả lời theo yêu cầu của GV.
- GV mời HV đứng tại chỗ trình bày, các HV khác nhận xét chéo.

Bài 3. Nói (theo mẫu).

☞ • GV dành thời gian để HV đọc mẫu và làm trực tiếp vào vở ghi theo mẫu gợi ý.

- HV tự nghiên cứu mẫu, làm vào vở ghi.
- GV quan sát, hướng dẫn HV yếu.

✎ Bảng giấy thứ nhất dài 10 cm, bảng giấy thứ hai dài 5 cm.

Có $10 : 5 = 2$; ta nói : Bảng giấy thứ nhất dài gấp 2 lần bảng giấy thứ hai.

✎ a) Đoạn thẳng thứ nhất dài 8 cm, đoạn thẳng thứ hai dài 2 cm.

Có $8 : 2 = 4$; ta nói : Đoạn thẳng thứ nhất dài gấp 4 lần đoạn thẳng thứ hai.

✎ b) Con lợn cân nặng 50 kg, con ngỗng cân nặng 5 kg.

Có $50 : 5 = 10$; ta nói : Con lợn cân nặng gấp 10 lần con ngỗng.

Bài 4. Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

- ☞ • GV dành thời gian để HV làm trực tiếp vào vở ghi theo mẫu gợi ý.
- HV tự nghiên cứu mẫu, làm vào vở ghi.
 - GV quan sát, hướng dẫn HV yếu.

✎ Sợi dây 12 m dài gấp 2 lần sợi dây 6 m, vì $12 : 6 = 2$;

✎ Bao gạo 42 kg nặng gấp 7 lần bao gạo 6 kg, vì $42 : 6 = 7$.

Bài 5. Quan sát hình vẽ và trả lời câu hỏi

- ☞ • GV dành thời gian để HV quan sát hình vẽ và trả lời câu hỏi.
- HV quan sát, trả lời câu hỏi.
 - GV chỉnh sửa trực tiếp khi HV trả lời sai.

Bài 6. Số ?

- ☞ • GV dành thời gian để HV làm trực tiếp vào phiếu học tập.
- HV làm độc lập trực tiếp vào phiếu học tập.
 - GV quan sát, hỗ trợ HV yếu.

4. Vận dụng

Bài 7. Bãi đỗ xe có 18 chiếc xe tải và 6 chiếc xe buýt. Hỏi trong bãi đỗ xe đó số xe tải gấp mấy lần số xe buýt?

- ☞ • GV dành thời gian để HV thảo luận, đưa ra phép tính.
- HV thảo luận đưa ra phép tính, thống nhất cách trình bày.
- GV mời đại diện nhóm trình bày lời giải.

✎ Số xe tải gấp 3 lần số xe buýt, vì $18 : 6 = 3$.

Bài 8, 9, 10: Tương tự

Bài 22

LÀM QUEN VỚI BIỂU THỨC SỐ. TÍNH GIÁ TRỊ CỦA BIỂU THỨC SỐ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV cần đạt được những yêu cầu sau:*

- Làm quen với biểu thức số.
- Tính được giá trị của biểu thức số có đến hai dấu phép tính và không có dấu ngoặc.
- Tính được giá trị của biểu thức số có đến hai dấu phép tính và có dấu ngoặc theo nguyên tắc thực hiện trong dấu ngoặc trước.
- Áp dụng được cách tính giá trị của biểu thức để giải bài toán thực tế.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển năng lực đặc thù toán học. Trong đó, thông qua giải bài toán thực tế, HV được phát triển năng lực giao tiếp và năng lực giải quyết vấn đề toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Tùy điều kiện cho phép, GV có thể chiếu các bức tranh, tranh vẽ để HV dễ quan sát;
- Một số tình huống dẫn tới nhu cầu tính giá trị của biểu thức số khi chỉ có các phép tính cộng, trừ, hoặc nhân, chia;
- Bảng phụ, phiếu học tập.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Chủ động nêu các ví dụ về các biểu thức đơn giản. Chưa nên cho HV tự nêu các ví dụ về biểu thức để tránh dẫn đến các tình huống phức tạp ngoài phạm vi kiến thức lớp 3.

2. Để giới thiệu quy tắc tính giá trị của biểu thức cần nêu vấn đề: “Khi tính giá trị biểu thức là thường phải thực hiện nhiều phép tính. Như vậy, cần phải có quy ước chung về thứ tự thực hiện các phép tính đó”.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

☞ • GV cho trước hai số (chẳng hạn số 12 và số 6) và với 4 phép tính đã học yêu cầu HV lập các phép tính.

- HV lấy giấy nháp, đặt các phép tính; ưu tiên HV đặt được nhiều phép tính nhất (có thể dùng nhiều hơn một phép tính).

- GV mời 3 HV lên bảng trình bày các phép tính lập được.

- GV chọn các phép tính đúng của HV và gọi chúng là biểu thức số (hay còn gọi tắt là biểu thức).

2. Hình thành kiến thức

☞ • GV đặt vấn đề về các kết quả của phép tính có được do HV lập.

- HV tự đưa ra kết quả các phép tính (có thể để HV khác hỗ trợ cách tính kết quả).

- GV khẳng định kiến thức mới như:

- Các phép toán lập được là các biểu thức số.

- Kết quả có được của phép tính là giá trị của biểu thức.

(Tập trung cho HV trước vào 1 phép toán với 04 phép tính: cộng, trừ, nhân, chia cơ bản để hình thành nên khái niệm biểu thức số và giá trị của biểu thức số trước, sau đó từng bước mở rộng dần).

- GV đặt vấn đề trong trường hợp biểu thức chứa nhiều phép tính và lấy thêm ví dụ trong trường hợp biểu thức có nhiều hơn một phép tính (02 phép tính).

- GV cho ví dụ cụ thể (chưa cần xác định giá trị). Chẳng hạn:

a) Tính giá trị của biểu thức:

$$15 : 3 \times 2$$

b) Tính giá trị của biểu thức:

$$24 \times 2 : 6$$

- GV hướng dẫn cụ thể quy tắc tính, đối với biểu thức nhiều phép tính:

Nếu trong biểu thức chỉ có các phép tính nhân, chia thì ta thực hiện các phép tính theo thứ tự từ trái sang phải.

Chẳng hạn:

$$15 : 3 \times 2$$

$$\begin{aligned} \text{Ta có: } 15 : 3 \times 2 &= 5 \times 2 \\ &= 10 \end{aligned}$$

Giá trị của biểu thức $15 : 3 \times 2$ là 10.

$$24 \times 2 : 6$$

$$\begin{aligned} \text{Ta có: } 24 \times 2 : 6 &= 48 : 6 \\ &= 8 \end{aligned}$$

Giá trị của biểu thức $24 \times 2 : 6$ là 8.

- GV đặt vấn đề: Trong trường hợp biểu thức chứa các phép tính cộng, trừ, nhân, chia thì thực hiện theo quy tắc:

Nếu trong biểu thức có các phép tính cộng, trừ, nhân, chia thì ta thực hiện các phép tính nhân, chia trước; rồi thực hiện các phép tính cộng, trừ sau.

Ví dụ:

a) Tính giá trị của biểu thức:

$$8 : 2 + 10$$

$$\begin{aligned} \text{Ta có: } 8 : 2 + 10 &= 4 + 10 \\ &= 14 \end{aligned}$$

Giá trị của biểu thức $8 : 2 + 10$ là 14.

b) Tính giá trị của biểu thức:

$$29 - 5 \times 4$$

$$\begin{aligned} \text{Ta có: } 29 - 5 \times 4 &= 29 - 20 \\ &= 9 \end{aligned}$$

Giá trị của biểu thức $29 - 5 \times 4$ là 9.

- GV đặt vấn đề: Trong trường hợp biểu thức chứa các phép tính và dấu ngoặc thì thực hiện theo quy tắc:

Khi tính giá trị của các biểu thức có dấu ngoặc () thì trước tiên ta thực hiện các phép tính trong ngoặc.

Ví dụ:

a) $(16 + 20) : 4 = 36 : 4$	b) $84 - (19 - 15) = 84 - 4$	c) $9 \times (73 - 65) = 9 \times 8$
$= 9$	$= 80$	$= 72$

3. Luyện tập

Bài 1. Viết và ghi tiếp vào chỗ chấm (theo mẫu).

(Củng cố khái niệm giá trị của biểu thức số).

Bài 2. Tính giá trị của biểu thức.

Bài 3. Chọn biểu thức ứng với giá trị thích hợp.

(Củng cố quy tắc tính giá trị của biểu thức số).

- ☞ • GV dành thời gian để HV tự tính toán, ghi vào vở.
- GV hỗ trợ, hướng dẫn HV yếu điền và ghi kết quả đúng.

Bài 4, 5, 6. Tính giá trị của biểu thức

(Củng cố các quy tắc tính giá trị của biểu thức số)

- ☞ • GV dành thời gian để HV tự làm vào vở và gọi một số HV lên bảng làm.
- GV hỗ trợ, hướng dẫn HV các bước tính toán.

4. Vận dụng

Bài 7. Có 240 quyển sách xếp đều vào 2 tủ, mỗi tủ có 4 ngăn. Hỏi mỗi ngăn có bao nhiêu quyển sách, biết rằng mỗi ngăn có số sách như nhau ?

- ☞ • GV dành thời gian để HV thảo luận lập biểu thức.
- HV thảo luận theo các nhóm.
- GV hỗ trợ, hướng dẫn, gợi ý lập biểu thức.

🔗 Mỗi ngăn có $240 : 2 : 4 = 30$ (quyển sách).

Bài 8, 9. Tương tự.

Bài 23

TÌM THÀNH PHẦN CHƯA BIẾT CỦA PHÉP TÍNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV cần đạt được những yêu cầu sau:*

- Tìm được một thành phần chưa biết trong các phép cộng, trừ, nhân, chia;
- Vận dụng cách tìm thành phần chưa biết trong phép cộng, phép trừ vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tiễn.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học, gồm các thành tố cốt lõi sau: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Một số thẻ ghi trước những phép tính cộng, trừ đơn giản, trong đó có một thành phần chưa biết.
- Bảng phụ, máy chiếu hỗ trợ.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. GV khuyến khích HV nói cách thực hiện và diễn đạt theo cách của HV. HV tự lấy ví dụ cho quy tắc tính sẽ hiểu bài và dễ nhớ quy tắc hơn.
2. GV không nên bắt HV trình bày làm giống như bài toán tìm x trước đây.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

$$12 + 3 = \dots$$

$$3 + 12 = \dots$$

$$15 - 3 = \dots$$

$$15 - 12 = \dots$$

$$6 \times 5 = \dots$$

$$5 \times 6 = \dots$$

$$30 : 6 = \dots$$

$$30 : 5 = \dots$$

- GV dành thời gian để HV thực hiện tính nhẩm các phép tính.
- Hai HV đứng tại chỗ trả lời nhanh.
- GV yêu cầu HV nhận xét mối quan hệ của phép cộng với phép trừ, phép nhân với phép chia trong các ví dụ trên.

2. Hình thành kiến thức

- GV giới thiệu từng cặp 03 phép toán và nêu mối quan hệ giữa các số hạng, số bị trừ, số trừ, tổng, hiệu, tích, thương, thừa số,...
- GV lưu ý HV quan sát liên hệ các số hạng của từng phép tính.
- HV quan sát, nhận xét các mối liên hệ.
- GV tổng kết các kiến thức dưới đây.

2.1. Tìm một số hạng chưa biết trong một tổng

$$7 + 3 = 10$$

$$3 = 10 - 7$$

$$7 = 10 - 3$$

Muốn tìm một số hạng ta lấy tổng trừ đi số hạng kia.

2.2. Tìm số bị trừ

$$\begin{array}{l} \triangle 9 - \bigcirc 6 = \square 3 \\ \triangle 9 = \square 3 + \bigcirc 6 \end{array}$$

Muốn tìm số bị trừ ta lấy hiệu cộng với số trừ.

2.3. Tìm số trừ

$$\begin{array}{l} \triangle 9 - \bigcirc 6 = \square 3 \\ \bigcirc 6 = \triangle 9 - \square 3 \end{array}$$

Muốn tìm số trừ ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu.

2.4. Tìm một thừa số của phép nhân

$$\begin{array}{l} \triangle 2 \times \square 4 = \bigcirc 8 \\ \square 4 = \bigcirc 8 : \triangle 2 \\ \triangle 2 = \bigcirc 8 : \square 4 \end{array}$$

Muốn tìm một thừa số ta lấy tích chia cho thừa số kia.

2.5. Tìm số bị chia

$$\begin{array}{l} \triangle 30 : \bigcirc 5 = \square 6 \\ \triangle 30 = \square 6 \times \bigcirc 5 \end{array}$$

Trong phép chia hết, muốn tìm số bị chia ta lấy thương nhân với số chia.

2.6. Tìm số chia

$$\begin{array}{c} \triangle 30 : \bigcirc 5 = \square 6 \\ \bigcirc 5 = \triangle 30 : \square 6 \end{array}$$

Trong phép chia hết, muốn tìm số chia ta lấy số bị chia chia cho thương.

3. Luyện tập

Bài 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7

(Các bài tập này củng cố cách tìm thành phần chưa biết của các phép tính, theo quy tắc đã học).

☞ • GV dành thời gian để HV luyện tập từng bài.

• HV tự luyện tập theo hướng dẫn của GV.

• GV quan sát, hỗ trợ, hướng dẫn HV yếu.

4. Vận dụng

Bài 8. Anh An mua vé vào xem hội chợ hết 12 000 đồng, người bán vé trả lại anh An 8 000 đồng. Hỏi anh An đã đưa cho người bán vé bao nhiêu tiền?

☞ • GV dành thời gian để HV thảo luận nhóm.

• HV thảo luận, đưa ra phép tính.

• GV mời đại diện nhóm lên trình bày trên bảng.

✍ Anh An đã đưa cho người bán vé số tiền là: $12\,000 + 8\,000 = 20\,000$ đồng.

Bài 9, 10: Tương tự

Bài 24

LUYỆN TẬP CHUNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV cần đạt được những yêu cầu sau:*

- Tìm được thành phần chưa biết của phép cộng, trừ, nhân, chia dựa vào các thành phần đã biết.
- Vận dụng được kiến thức, kỹ năng về tìm thành phần chưa biết của phép tính vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học, gồm các thành tố cốt lõi sau: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện học toán.

II. CHUẨN BỊ

- Máy chiếu, bảng phụ hỗ trợ tổng hợp lý thuyết, các tranh, hình ảnh minh họa.
- Phiếu học tập hỗ trợ làm Bài tập 2.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Ngoài các ví dụ, bài tập trong TLH, GV nếu còn thời gian gợi ý HV tìm tình huống tương tự trong cuộc sống.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

- ☞ • GV tổ chức để HV hoạt động nhóm thảo luận câu hỏi phần khởi động.
 - Hoạt động khởi động nhằm củng cố các quy tắc đã học, chuẩn bị kiến thức cho thực hành luyện tập.
 - GV tổng hợp lại các quy tắc trên bảng phụ.

2. Luyện tập

Bài 1. Số?

☞ • GV dành thời gian để HV tự làm bài tập để củng cố kiến thức đã học từ những bài trước.

- HV tự luyện tập theo hướng dẫn của GV.
- GV quan sát, hỗ trợ, hướng dẫn HV yếu.

Bài 2. Tìm thành phần chưa biết của phép tính sau:

- ☞ • GV dành thời gian để HV làm bài trên phiếu học tập.
- HV tự luyện tập theo hướng dẫn của GV.
 - GV quan sát, hỗ trợ, hướng dẫn HV yếu.

Bài 3, 4. Tính giá trị các biểu thức sau:

- ☞ • GV dành thời gian để HV làm trực tiếp vào vở ghi.
- HV tự luyện tập theo hướng dẫn của GV.
 - GV quan sát, hỗ trợ, hướng dẫn HV yếu.

3. Vận dụng

Bài 5. Số ?

- ☞ • GV dành thời gian để HV quan sát tranh vẽ và trả lời câu hỏi:

a) Cả hai thùng có khối lượng 45 kg, thùng bên trái nặng 25 kg thì thùng còn lại làm thế nào để tính được khối lượng?

Phép tính cần thực hiện?

- HV thảo luận theo cặp đôi và đứng tại chỗ trả lời câu hỏi của GV.
- GV yêu cầu các cặp đôi còn lại nhận xét.

b) Cả hai bình nước chứa 25 l nước. Bình nhỏ chứa 5 l nước. Hỏi bình lớn chứa bao nhiêu lít nước? Cách làm tương tự câu a.

Bài 6. Mỗi bao thóc cân nặng 50 kg, mỗi bao ngô cân nặng 30 kg. Hỏi 4 bao thóc và 1 bao ngô cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

☞ • GV dành thời gian để HV thảo luận theo nhóm.

• HV thảo luận theo nhóm.

• GV yêu cầu các nhóm thảo luận đưa ra phép tính.

✎ 4 bao thóc và 1 bao ngô cân nặng: $4 \times 50 + 1 \times 30 = 230$ kg.

Bài 7. Một con lợn cân nặng 60 kg, một con gà cân nặng 2 kg. Hỏi con lợn cân nặng gấp mấy lần con gà?

☞ • GV dành thời gian để HV thảo luận theo nhóm.

• HV thảo luận theo nhóm.

• GV yêu cầu các nhóm thảo luận đưa ra phép tính.

✎ Con lợn cân nặng gấp $60 : 2 = 30$ lần con gà.

Bài 8, 9. Tương tự (GV hướng dẫn HV làm bài tập tại nhà).

Bài 25

NHIỆT ĐỘ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV cần đạt được những yêu cầu sau:*

- Nhận biết được đơn vị đo nhiệt độ: độ C, ký hiệu là $^{\circ}\text{C}$.
- Đọc, ghi nhiệt độ trong các tình huống cụ thể. Nhận biết công cụ đo nhiệt độ là nhiệt kế và đọc được kết quả nhiệt độ trên đó.
- Cảm nhận được thay đổi nhiệt độ trong các môi trường khác nhau và vận dụng giải quyết được một số tình huống thực tế trong đời sống.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học, gồm các thành tố cốt lõi sau: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Nhiệt kế để đo nhiệt độ.
- Video bản tin dự báo thời tiết (máy chiếu hỗ trợ).
- Một số tình huống thực tế liên quan tới nhiệt độ.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Vấn đề về nhiệt độ, HV tiếp xúc thực tế hằng ngày trong làm việc, lao động, sản xuất; khái niệm nhiệt độ củng cố thêm kiến thức toán học để HV tự tin hơn trong cuộc sống.

2. HV người lớn tuổi có điều kiện trải nghiệm ở nhiều môi trường địa lý, vùng miền khác nhau; GV đề cao tính trải nghiệm của họ, tạo điều kiện để HV tự kể chuyện họ đã trải nghiệm và giải pháp họ đã xử lý nó như thế nào.

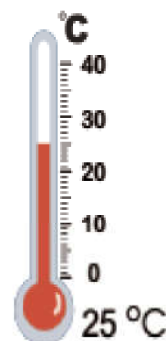
IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

- ☞ • GV dành thời gian để HV quan sát tranh và nói về thông tin trong bức tranh;
- HV quan sát tranh vẽ và thảo luận;
- GV gợi mở về nhiệt độ, độ nóng, lạnh trong thực tiễn hằng ngày mà người học thường xuyên tiếp xúc, trải nghiệm.

2. Hình thành kiến thức

- Độ C là một đơn vị đo nhiệt độ. Độ C kí hiệu là: $^{\circ}\text{C}$.
- 1°C đọc là: một độ xê.
- Để đo nhiệt độ người ta thường dùng nhiệt kế.



Hai mươi lăm độ xê

- ☞ • GV chốt kiến thức nêu trên từ việc gợi mở về nhiệt độ, dụng cụ thường dùng để đo nhiệt độ, đơn vị đo nhiệt độ.
- HV quan sát, ghi nhớ về đơn vị đo, cách đọc đơn vị đo.
- GV có thể lấy thêm các mẫu nhiệt kế khác; hỗ trợ video chiếu nội dung bản dự báo thời tiết.

3. Luyện tập

Bài 1,2.

- ☞ • GV có thể thay thế bằng vật thật và trình chiếu video, HV sẽ ghi nhớ sâu sắc hơn.
- HV quan sát vật thật, thực hành đọc hay xem video.

4. Vận dụng

Bài 3. Quan sát các nhiệt kế sau và cho biết nơi nào lạnh nhất



A. Mẫu Sơn
(Lạng Sơn)



B. Bạch Mã
(Thừa Thiên – Huế)



C. Đà Lạt
(Lâm Đồng)

- GV dành thời gian để HV quan sát tranh vẽ (phong cảnh và nhiệt kế).
- HV quan sát trả lời câu hỏi của GV.
- GV mời HV khác nhận xét, trả lời theo quan điểm của HV.

🔊 Mẫu Sơn (Lạng Sơn) lạnh nhất: 0°C

Bài 26

GÓC VUÔNG, GÓC KHÔNG VUÔNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV cần đạt được những yêu cầu sau:*

Nhận biết được góc vuông, góc không vuông. Đọc tên góc, đỉnh, cạnh. Biết sử dụng ê ke kiểm tra góc vuông.

- Liên hệ với thực tiễn xung quanh liên quan tới góc vuông, góc không vuông.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển năng lực toán học. Thông qua hoạt động đo, kiểm tra góc vuông, góc không vuông hình thành năng lực giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng học Toán 3.

- Kéo, mặt đồng hồ, ê ke, các tấm bìa vẽ sẵn các góc vuông, góc không vuông.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Trước tiên cần giới thiệu cho HV khái niệm góc (đỉnh, cạnh) thông qua hình ảnh hai kim đồng hồ. góc vuông cũng có thể được minh họa bằng hai kim đồng hồ lúc 3 giờ và 9 giờ.

2. Trong những đồ vật xung quanh, ta thường thấy hình ảnh góc vuông có rất nhiều, chẳng hạn như: góc của quyển sách, quyển vở; góc bàn; góc nhà,... Khi cần thiết có thể lấy những góc này làm tiêu chuẩn để minh họa thế nào là góc vuông.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

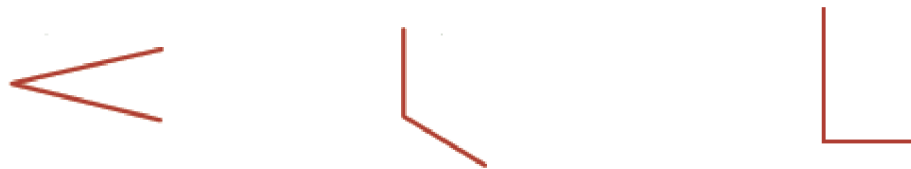
☞ • GV dành thời gian để HV quan sát hai kim đồng hồ.

- HV quan sát sự thay đổi 3 vị trí của hai kim đồng hồ.
- GV hướng dẫn, hai kim đồng hồ tạo với nhau các góc (lấy 03 vị trí đặc trưng).
- GV tổng hợp hai kim đồng hồ tạo với nhau nhiều góc khác nhau.

2. Hình thành kiến thức

☞ • Từ các vị trí kim đồng hồ tạo thành các góc, GV chốt kiến thức liên quan tới bài học:

- Làm quen với góc:



Đây là các góc

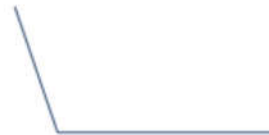
- Góc vuông, góc không vuông:



Góc vuông



Góc không vuông



Góc không vuông

- Ê ke:

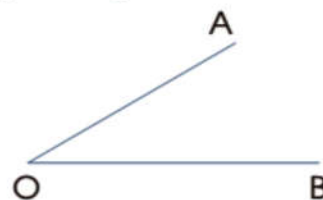


Cái ê ke



Dùng ê ke để kiểm tra góc vuông.

- Đọc tên góc:



Góc đỉnh O; cạnh OA, OB.

3. Luyện tập

Bài 1. Dùng ê ke để nhận biết góc nào là góc vuông, góc nào là góc không vuông trong mỗi hình dưới đây:

- GV dành thời gian để HV thực hành đo và xác định tên các góc.
- HV thực hành đo góc bằng ê ke.
- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ cách đo cho HV yếu.

Bài 2. a) Nêu tên đỉnh và cạnh của mỗi góc trong các hình dưới đây

- ☞ • GV thiết kế dưới dạng phiếu học tập, điền khuyết.
 - HV điền trực tiếp vào phiếu học tập.
 - GV hỗ trợ HV đọc đúng theo yêu cầu.

Bài 3. a) Quan sát cách dùng ê ke để vẽ góc vuông.

b) Dùng ê ke vẽ vào vở 2 góc vuông.

- ☞ • GV dành thời gian để HV thực hành vẽ góc vuông.
 - GV hướng dẫn vẽ mẫu.
 - HV thực hành vẽ góc vuông bằng ê ke.

4. Vận dụng

Bài 4. a) Gấp giấy tạo thành công cụ kiểm tra góc vuông.

b) Sử dụng công cụ vừa tạo để kiểm tra góc vuông, góc không vuông trong các hình dưới đây.

- ☞ • GV dành thời gian để HV thực hành gấp giấy.
 - GV hướng dẫn HV gấp giấy tạo các góc vuông, góc nhọn, góc tù.
 - HV thực hành ước lượng, dự đoán và kiểm tra bằng công cụ (ê ke).

Bài 27

TAM GIÁC, TỨ GIÁC.

HÌNH CHỮ NHẬT, HÌNH VUÔNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV cần đạt được những yêu cầu sau:*

- Nhận biết được tam giác, tứ giác.
- Nhận biết được một số yếu tố cơ bản như đỉnh, cạnh, góc của hình chữ nhật, hình vuông.
- Liên hệ thực tiễn cuộc sống có liên quan đến hình dạng, đặc điểm, tên gọi của hình tam giác, hình tứ giác, hình chữ nhật, hình vuông.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học, gồm các thành tố cốt lõi sau: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực mô hình hoá toán học; năng lực giải quyết vấn đề toán học; năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng toán học.
- Phiếu học tập; máy chiếu chiếu hình ảnh hỗ trợ, vở ô ly.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Sau khi HV nhận biết một cách khái quát hình dạng các hình như hình chữ nhật và hình vuông, GV giới thiệu thêm cho HV các đặc điểm của hình chữ nhật và hình vuông (góc và cạnh), làm cơ sở cho việc tính chu vi và diện tích của các hình này.

2. Trong các ví dụ về hình chữ nhật không nên vẽ hình vuông, mặc dù sau này HV biết hình vuông cũng là hình chữ nhật. Đối với các hình khó kiểm tra bằng mắt thì phải dùng ê ke để kiểm tra các góc vuông.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

☞ • GV chuẩn bị các tấm bìa cắt sẵn các hình như trong phần khởi động để các nhóm HV thực hiện theo yêu cầu.

• Các biểu tượng hình này đã được học từ kỳ trước, hoạt động này nhằm ôn tập, củng cố khái niệm đã học.

• GV kiểm tra, hướng dẫn, hỗ trợ thêm nếu các nhóm thực hiện chưa đúng.

2. Hình thành kiến thức

☞ • Từ các khái niệm đã học, GV giới thiệu thêm các khái niệm mới liên quan tới hình như: đỉnh, cạnh của hình tam giác, hình chữ nhật, hình vuông, chiều dài, chiều rộng...; tính chất đặc trưng của các hình.

• GV thay đổi hình dạng, kích thước, tên của các hình và yêu cầu HV đọc đúng các khái niệm.

• GV sử dụng máy chiếu hỗ trợ trình chiếu hình ảnh sẽ hiệu quả hơn.

3. Luyện tập

Bài 1. Nêu tên hình và các đỉnh, cạnh, góc có trong mỗi hình dưới đây.

☞ • GV dành thời gian cho HV thảo luận để phân biệt rõ về tên hình, đỉnh, cạnh; đọc đúng hình, thứ tự các đỉnh.

• HV quan sát hình vẽ, thảo luận, thống nhất tên gọi đúng hình và các thành phần đỉnh, cạnh của hình.

• GV mời đại diện các nhóm đọc, đối chiếu kết quả.

Bài 2. Đo độ dài mỗi cạnh của hình tam giác, hình tứ giác sau rồi viết số đo (theo mẫu).

☞ • GV chuẩn bị phiếu học tập để kích thước đo chuẩn theo mẫu.

• HV thực hành đo bằng thước thẳng hoặc ê ke, điền vào phiếu học tập.

• GV mời HV đọc sản phẩm các cạnh đo được.

Bài 3. a) Trong các hình dưới đây, hình nào là hình chữ nhật?

b) Trong các hình dưới đây, hình nào là hình vuông?

☞ • GV dành thời gian để HV thảo luận phân biệt rõ giữa hình chữ nhật và hình vuông, hình không phải là hình chữ nhật và hình vuông.

• HV quan sát hình vẽ, thảo luận về sự khác nhau giữa các cạnh của hình chữ nhật, hình vuông, hình không phải là hình chữ nhật và hình vuông.

Bài 4. Đo rồi cho biết độ dài các cạnh của mỗi hình sau.

☞ • GV chuẩn bị phiếu học tập để kích thước đo chuẩn theo thực tế.

• HV thực hành đo bằng thước thẳng hoặc ê ke, điền vào phiếu học tập.

4. Vận dụng

Bài 5, 6, 7. Kẻ thêm một đoạn thẳng để được hình chữ nhật, hình vuông, vẽ theo mẫu:

☞ • GV dành thời gian để HV thực hành vẽ, đo độ dài theo hình vẽ.

• HV thực hành đo bằng thước thẳng hoặc ê ke.

• GV mời HV giới thiệu sản phẩm các cạnh vẽ được.

Bài 28

CHU VI HÌNH TAM GIÁC, CHU VI HÌNH TỨ GIÁC. CHU VI HÌNH CHỮ NHẬT, CHU VI HÌNH VUÔNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV cần đạt được những yêu cầu sau:*

- Nhận biết chu vi các hình tam giác, tứ giác, hình chữ nhật, hình vuông.
- Thực hiện tính chu vi các hình tam giác, tứ giác, hình chữ nhật, hình vuông bằng cách tính tổng độ dài các cạnh.
- Vận dụng giải quyết một số vấn đề trong cuộc sống, thực tiễn.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học, gồm các thành tố cốt lõi sau: Năng lực tư duy và lập luận toán học. Qua hoạt động đo, tính chu vi, góp phần hình thành cho HV năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Que tính bằng nhau và khác nhau để ghép thành hình tam giác, hình tứ giác, hình vuông, hình chữ nhật
- Thước thẳng đo độ dài.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Quy tắc tính chu vi hình chữ nhật và chu vi hình vuông tương đối đơn giản, dễ nhớ. Cần lưu ý HV khi tính chu vi hình chữ nhật, chiều dài và chiều rộng phải có cùng đơn vị đo.
2. Chiều dài và chiều rộng của hình chữ nhật được gọi chung là kích thước của hình chữ nhật. Số đo chiều dài bao giờ cũng lớn hơn số đo chiều rộng.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

☞ • GV dành thời gian để HV quan sát tranh vẽ, thảo luận cách tính và nêu cách tính số mét lưới để rào vườn như trong tranh vẽ.

- HV quan sát hình vẽ, thảo luận.
- GV mời đại diện HV nêu cách tính số mét lưới.

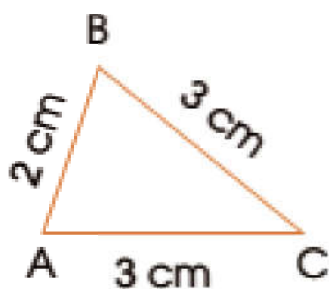
2. Hình thành kiến thức

☞ • GV sử dụng kết quả của HV tính được và dựa vào đó hình thành khái niệm về chu vi tam giác, tứ giác cho HV.

- GV chốt các kiến thức của bài học bằng việc mô hình hóa toán học sau đây:

2.1. Chu vi hình tam giác. Chu vi hình tứ giác

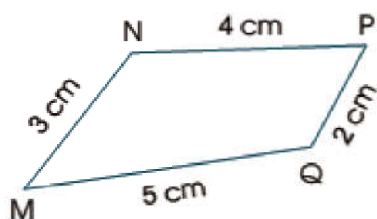
– Chu vi hình tam giác:



Tổng độ dài các cạnh của hình tam giác ABC là:
 $2\text{ cm} + 3\text{ cm} + 3\text{ cm} = 8\text{ cm}$

Ta nói rằng: **Chu vi hình tam giác ABC** là 8 cm.

– Chu vi hình tứ giác:



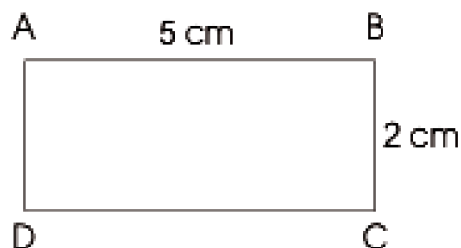
Tổng độ dài các cạnh của hình tứ giác MNPQ là:
 $3\text{ cm} + 4\text{ cm} + 2\text{ cm} + 5\text{ cm} = 14\text{ cm}$

Ta nói rằng: **Chu vi hình tứ giác MNPQ** là 14 cm.

Tổng độ dài các cạnh của hình tam giác (hình tứ giác) là chu vi của hình đó.

2.2. Chu vi hình chữ nhật. Chu vi hình vuông

– Chu vi hình chữ nhật:



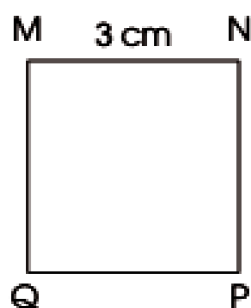
Chu vi hình chữ nhật ABCD là:

$$5 + 2 + 5 + 2 = 14 \text{ (cm)}$$

$$\text{hoặc } (5 + 2) \times 2 = 14 \text{ (cm)}.$$

Muốn tính chu vi hình chữ nhật ta lấy chiều dài cộng với chiều rộng (cùng đơn vị đo) rồi nhân với 2.

– Chu vi hình vuông:



Chu vi hình vuông MNPQ là:

$$3 + 3 + 3 + 3 = 12 \text{ (cm)}$$

$$\text{hoặc } 3 \times 4 = 12 \text{ (cm)}.$$

Muốn tính chu vi hình vuông ta lấy độ dài một cạnh nhân với 4.

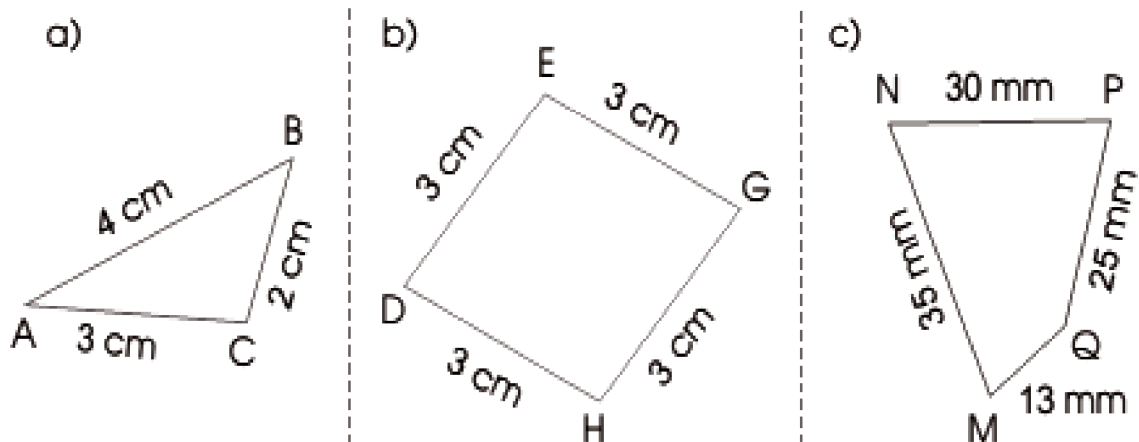
(GV lưu ý để HV hiểu rõ hơn về các hình chữ nhật, hình vuông là các hình có các cạnh đặc biệt nên việc tính chu vi sẽ nhanh hơn. Bản chất vẫn là tổng độ dài số đo 04 cạnh như chu vi của tứ giác).

3. Luyện tập

Bài 1. Tính chu vi của các hình tam giác, hình tứ giác sau.

(Bài tập này củng cố khái niệm với số đo cho trước).

- ☞ • GV dành thời gian để HV luyện tập củng cố khái niệm và tính chu vi.
- HV tự thực hiện tính chu vi với hình vẽ trong tài liệu.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HV yếu.



Bài 2. Đo độ dài mỗi cạnh rồi tính chu vi của hình tam giác, hình tứ giác, dưới đây

(Bài tập này củng cố khái niệm đã học, tăng cường kỹ năng đo và tính).

☞ • GV chuẩn bị phiếu học tập, vẽ độ dài hình tam giác, hình tứ giác để đúng kích thước là số nguyên.

- HV tự thực hành đo, tính chu vi hình tam giác, tứ giác.
- GV mời đại diện HV đọc kết quả.

Bài 3. Tính chu vi các hình chữ nhật, hình vuông sau:

(Bài tập này củng cố khái niệm đã học, tăng cường kỹ năng đo và tính chu vi hình vuông và hình chữ nhật).

- ☞ • GV dành thời gian để HV quan sát số đo và tính chu vi các hình.
- HV tự thực hành đo, tính chu vi hình chữ nhật, hình vuông.
 - GV mời đại diện HV đọc kết quả.

Bài 4. a) Tính chu vi hình chữ nhật có chiều dài 12 m, chiều rộng 8 m.

b) Tính chu vi hình vuông có cạnh 12 dm.

☞ • GV dành thời gian để HV thảo luận, phương án tính nhanh chu vi các hình chữ nhật, hình vuông.

- GV mời đại diện HV ở các nhóm trả lời câu hỏi.

4. Vận dụng

Bài 5. Một sân bóng rổ có dạng hình chữ nhật với chiều dài 28 m, chiều rộng ngắn hơn chiều dài 13 m. Tính chu vi của sân bóng rổ đó.

☞ • GV dành thời gian để HV thảo luận, phương án tính nhanh chu vi sân bóng rổ.

• HV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi.

✎ Chu vi của sân bóng rổ: $28 \times 2 + (28 - 13) \times 2 = 86 \text{ m}$.

Bài 6. Bác Tâm đã làm một hàng rào quanh khu đất trồng hoa có dạng hình vuông cạnh 32 m. Hỏi hàng rào đó dài bao nhiêu mét?

Bài 7. Bác Hải muốn làm một hàng rào xung quanh mảnh vườn hình chữ nhật, chiều dài 6m, chiều rộng 5m. Hãy giúp bác Hải tính xem cần tất cả bao nhiêu mét rào, biết rằng cổng vào của mảnh vườn dài 1m.

☞ • GV hướng dẫn HV cách làm, giao bài tập về nhà.

• HV chuẩn bị làm bài tập ở nhà.

Bài 29

ĐIỂM Ở GIỮA. TRUNG ĐIỂM CỦA ĐOẠN THẲNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Học xong bài này, HV cần đạt được những yêu cầu sau:

- Nhận biết và xác định được điểm ở giữa hai điểm khác và trung điểm của một đoạn thẳng.

- Vận dụng được kiến thức đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

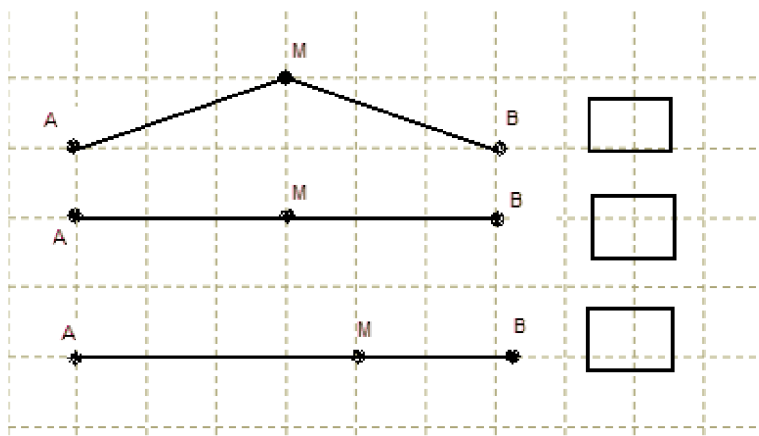
* *Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học, gồm các thành tố cốt lõi sau: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Đồ dùng học tập Toán 3, Tranh khởi động, thước thẳng có vạch chia.

- Bảng phụ: Đúng điền Đ, sai điền S vào ô vuông tương ứng:

Hình nào biểu diễn điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AB?



III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Khi nói “điểm M ở giữa hai điểm A và B” có nghĩa là ba điểm A, B, M đã thẳng hàng.

2. Điểm M là trung điểm của đoạn thẳng AB nếu M thoả mãn hai điều kiện: M ở giữa A, B và $MA = MB$.

GV nên chọn các câu hỏi hay các phản ví dụ minh hoạ cho những kết luận trên.

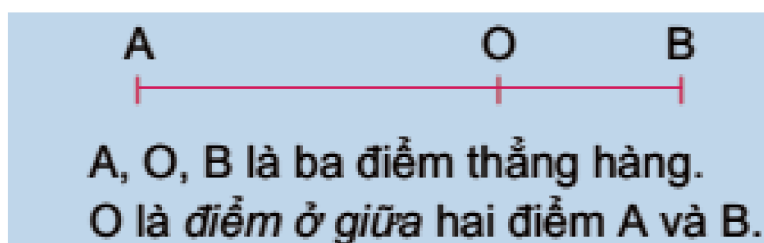
IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

- GV dành thời gian để HV quan sát hình vẽ và chỉ ra điểm ở giữa hai điểm.
- HV quan sát hình vẽ, trả lời câu hỏi.
- GV mời đại diện HV đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.

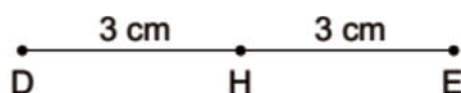
2. Hình thành kiến thức

- GV dành thời gian để HV quan sát hình vẽ và đưa ra gợi ý:
 - A, O, B có thẳng hàng không?
 - Điểm nào là điểm ở giữa hai điểm còn lại?
- GV chốt kiến thức bài học: Điểm ở giữa



- GV dành thời gian để HV quan sát hình vẽ và đưa ra gợi ý:
 - D, H, E có thẳng hàng không?
 - Điểm nào là điểm ở giữa hai điểm còn lại?
 - Độ dài đoạn thẳng DH và HE có số đo như thế nào?

- GV chốt kiến thức bài học: Trung điểm của đoạn thẳng.



- H là điểm ở giữa hai điểm D và E.
- Độ dài đoạn thẳng DH bằng độ dài đoạn thẳng HE, viết là: $DH = HE$.
- H được gọi là trung điểm của đoạn thẳng DE.

3. Luyện tập

Bài 1. Quan sát các hình sau và nêu tên điểm ở giữa hai điểm khác

Bài 2. Đúng ghi Đ, sai ghi S

- ☞ • GV dành thời gian để HV quan sát hình vẽ và chỉ ra những điểm khác biệt.
 - HV quan sát hình vẽ, hoạt động độc lập để trả lời câu hỏi.
 - GV mời đại diện HV đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.

Bài 3. Nêu tên trung điểm của mỗi đoạn thẳng có trong hình dưới đây

Bài 4. Quan sát tia số, chọn câu đúng

- ☞ • GV chuẩn bị trên bảng phụ hỗ trợ HV quan sát.
 - HV quan sát hình vẽ, trả lời câu hỏi.
 - GV mời đại diện HV đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.

4. Vận dụng

Bài 5, 6

- ☞ • GV dành thời gian để HV quan sát hình vẽ, thảo luận tìm ra hình ảnh trung điểm của đoạn thẳng.
 - HV quan sát hình vẽ và thảo luận.
 - GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi.

Bài 30

HÌNH TRÒN, TÂM, ĐƯỜNG KÍNH, BÁN KÍNH. VẼ TRANG TRÍ HÌNH TRÒN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV cần đạt được những yêu cầu sau:*

- Nhận biết được tâm, bán kính, đường kính của hình tròn, mối liên hệ giữa đường kính và bán kính của hình tròn, xác định được tâm của hình tròn.

- Biết vẽ hình tròn bằng compa. Vẽ được bán kính, đường kính của một hình tròn cho trước.

* Phát triển năng lực: Góp phần phát triển các năng lực toán học, gồm các thành tố cốt lõi sau: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng Toán 3, thước thẳng, tờ giấy hình tròn, bút vẽ.

- Compa vẽ đường tròn.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Hình tròn đã quen thuộc đối với HV từ Kỳ 1. Ở đây giới thiệu thêm các yếu tố của hình tròn: tâm, bán kính, đường kính.

2. Dùng compa để vẽ hình tròn, thực chất là vẽ đường tròn, ở đây gọi là đường biên của hình tròn. Lên lớp trên sẽ phân biệt kỹ hai khái niệm này.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

☞ • GV chuẩn bị các tranh vẽ, đồ vật có hình dạng đường tròn; đồ vật xung quanh và yêu cầu HV kể tên những đồ vật có dạng hình tròn.

- HV quan sát hình vẽ, liệt kê đồ vật và trả lời câu hỏi.
- GV mời một số HV đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.

2. Hình thành kiến thức

- ☞ • GV yêu cầu HV tự vẽ một đường tròn trong vở bằng compa. Hướng dẫn HV:
 - HV đánh dấu vào vị trí đỉnh compa.
 - Chọn điểm M thuộc đường tròn.
 - Vẽ đoạn thẳng AB đi qua vị trí đỉnh compa.
- HV thực hiện cùng GV vẽ và đánh dấu.
- Từ chính sản phẩm của HV, GV hình thành khái niệm mới cho HV như: tâm, bán kính, đường kính.

3. Luyện tập

Bài 1. Nêu tên bán kính, đường kính trong mỗi hình tròn sau

- ☞ • GV chuẩn bị các hình vẽ trên bảng phụ.
- GV dành thời gian để HV quan sát, ghi đúng tên bán kính, đường kính.
- GV mời một số HV đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.

Bài 2. a) Sử dụng compa để vẽ đường tròn (theo mẫu).

b) Vẽ hai đường tròn vào vở.

- ☞ • GV dành thời gian để HV thực hành trực tiếp trong vở ghi.
- HV sử dụng compa vẽ đường tròn.
- GV quan sát một số HV vẽ đường tròn; hướng dẫn hỗ trợ kịp thời.

Bài 3. a) Cho hình tròn tâm O có độ dài đường kính bằng 8 cm. Tính độ dài bán kính của hình tròn đó.

b) Cho hình tròn tâm O có độ dài bán kính bằng 5 cm. Tính độ dài đường kính của hình tròn đó.

- ☞ • GV dành thời gian để HV suy nghĩ độc lập.

- HV suy nghĩ, làm vào vở ghi.
- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HV yếu.

4. Vận dụng

Bài 4. Thực hành: Xác định tâm của một hình tròn.

- ☞ • GV đặt vấn đề khai thác kinh nghiệm thực tế của người học.
- GV dành thời gian để HV thảo luận, tìm giải pháp xác định tâm.
- GV mời HV nêu cách thực hiện và thực hành khi biết cách xác định đúng tâm.

Bài 5. Vẽ trang trí. GV giao HV về nhà thực hiện.

Bài 31

KHỐI HỘP CHỮ NHẬT. KHỐI LẬP PHƯƠNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV cần đạt được những yêu cầu sau:*

- Nhận biết được một số yếu tố cơ bản như đỉnh, cạnh, của khối hộp chữ nhật, khối lập phương.
- Nhận biết được các yếu tố như đỉnh, cạnh khi gặp các đồ vật có dạng khối chữ nhật, khối lập phương.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học, gồm các thành tố cốt lõi sau: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Bộ đồ dùng Toán 3, mô hình khối hình lập phương, khối hình hộp chữ nhật.
- Một số đồ vật có hình dạng khối lập phương, khối hộp chữ nhật.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

HV bước đầu làm quen với mô hình các hình khối quen thuộc, phổ biến; thông qua các mô hình này, GV phát huy tăng cường tính liên hệ thực tiễn vật dụng, đồ dùng xung quanh.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

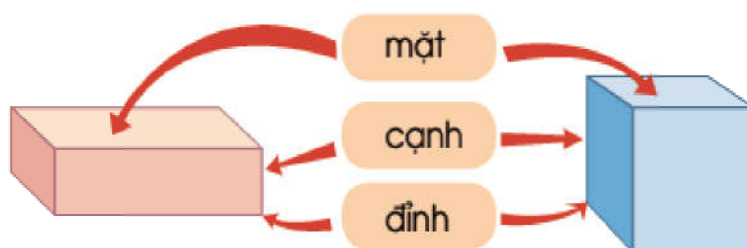
☞ • GV chuẩn bị các tranh vẽ (trong tài liệu) hoặc đồ vật có hình dạng hình khối; đồ vật xung quanh và yêu cầu HV kể tên những đồ vật có dạng hình tròn.

- HV quan sát hình vẽ, liệt kê đồ vật và trả lời câu hỏi.
- GV mời một số HV đứng tại chỗ trả lời câu hỏi.

2. Hình thành kiến thức

☞ • GV chuẩn bị hai khối lập phương, khối hộp chữ nhật và chỉ các vị trí của khối lập phương và khối hộp chữ nhật.

- HV ghi nhớ và mô tả: mặt, cạnh, đỉnh.
- GV mời một số HV đứng tại chỗ nhắc lại và chỉ đúng thông qua mô hình thật.
- GV tổng kết số lượng các mặt, đỉnh, cạnh (sau khi HV quan sát vật thật và đếm đủ).



Khối hộp chữ nhật có:

- 6 mặt, các mặt đều là hình chữ nhật
- 8 đỉnh
- 12 cạnh

Khối lập phương có:

- 6 mặt, các mặt đều là hình vuông
- 8 đỉnh
- 12 cạnh

3. Luyện tập

Bài 1. Số?

(Bài tập này củng cố kiến thức vừa học).

- ☞ • GV chuẩn bị phiếu học tập, phát cho HV làm trực tiếp vào phiếu.
- HV làm trực tiếp trên phiếu học tập.
 - GV mời các HV so sánh, đối chiếu kết quả.

Bài 2. Một chiếc khung sắt dạng khối hộp chữ nhật có các cạnh được sơn màu như hình vẽ.

- ☞ • GV chuẩn bị phiếu học tập, phát cho HV làm trực tiếp vào phiếu

- HV làm trực tiếp trên phiếu học tập.
- GV mời các HV so sánh, đối chiếu kết quả.

✎ a) Có 4 cạnh được sơn màu xanh, 8 cạnh được sơn màu đỏ.

b) Miếng gỗ cần lắp có dạng hình chữ nhật.

4. Vận dụng

Bài 3. Ba khối gỗ có vết là hình trên cát, tìm các khối gỗ tương ứng.

- ☞ • GV dành thời gian để HV thảo luận theo cặp đôi.
- HV thảo luận, đưa ra kết quả.
- GV mời các HV cho kết quả thảo luận; các cặp đôi khác đối chiếu, nhận xét.

Bài 4. Ở gần mỗi đỉnh của một chiếc hộp gỗ dạng khối lập phương, bác Hà chạm ba bông hoa (như hình vẽ). Bác Hà đã chạm tất cả bông hoa?

- ☞ • GV dành thời gian để HV thảo luận nhóm.
- HV thảo luận theo nhóm.
- GV mời đại diện các nhóm cho kết quả; các nhóm khác đối chiếu, nhận xét.

✎ Bác Hà đã chạm tất cả 24 bông hoa.

Bài 32

THỰC HÀNH XEM ĐỒNG HỒ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV cần đạt được những yêu cầu sau:*

- Đọc được giờ trên đồng hồ: giờ hơn, giờ kém theo từng 5 phút một (có số phút là bội số của 5); theo từng phút.

- Ứng dụng việc xem chính xác đồng hồ để tính tổng thời gian thực hiện một việc cụ thể.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học, gồm các thành tố cốt lõi sau: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán học.

II. CHUẨN BỊ

Tranh khởi động; mô hình đồng hồ.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. GV tăng cường cho HV thực hành, trải nghiệm ở một số mẫu đồng hồ (nếu có đồng hồ ghi số La Mã ôn tập lại cho HV tốt hơn).

2. GV có thể mời HV nêu thêm ý nghĩa của việc xem giờ trên đồng hồ.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

- ☞ • GV chuẩn bị trước một số loại đồng hồ, hỏi HV cách xem các loại đồng hồ.
- HV quan sát đồng hồ, xem mấy giờ trên đồng hồ.
- GV mời một số HV đứng tại chỗ trả lời câu hỏi về giờ hiện tại trên đồng hồ.

2. Hình thành kiến thức

- ☞ • GV dành thời gian hướng dẫn xem các loại đồng hồ (kim chỉ, điện tử).
 - HV nhìn đồng hồ đọc giờ.
 - GV hỗ trợ HV yếu chưa biết cách xem giờ.

3. Luyện tập

Bài 1, 2, 3, 4, 5.

- ☞ • GV tăng cường tổ chức để HV thực hành xem giờ ở các loại đồng hồ.
 - HV thực hành xem giờ, hoàn thành các bài tập.
 - GV hỗ trợ HV yếu chưa biết cách xem giờ.

4. Vận dụng

Bài 6. Bữa trưa Chủ nhật, cả nhà sẽ cùng nhau vào bếp và nấu các món ăn

- ☞ • GV dành thời gian để HV thảo luận và chọn đáp án đúng.
 - HV thảo luận đưa ra phương án.
 - GV nhận xét, đánh giá kết quả.
- ✎ a) Đồng hồ C chỉ 10 giờ 50 phút.
- ✎ b) Đồng hồ B chỉ 10 giờ 57 phút.

Bài 33

THÁNG - NĂM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV cần đạt được những yêu cầu sau:*

- Ôn tập, xác định ngày trong tuần, ngày trong tháng. Xác định được một năm có 12 tháng, số ngày có trong mỗi tháng trong năm.

- Vận dụng ngày, tháng trong năm để nói về thời tiết nơi mình sinh sống.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học, gồm các thành tố cốt lõi sau: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Tranh khởi động, tranh các tờ lịch trong một năm.

- Máy chiếu, bảng phụ hỗ trợ hình ảnh, tranh vẽ.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. GV chốt được: Nhìn chung một năm có 12 tháng (chưa cần nêu năm nhuận), trong các tháng có các ngày giao động từ 28, 29, 30, 31 tương đối ổn định trong các năm.

2. GV tăng cường để HV nhìn lịch xem ngày của tháng. Trong tháng thường có 2 ngày đặc biệt là ngày đầu tháng, ngày 15.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

☞ • GV chuẩn bị trước một số tờ lịch tường, lịch bóc và yêu cầu HV cho biết mỗi năm có bao nhiêu tháng, mỗi tháng có bao nhiêu ngày?

- HV quan sát tờ lịch và trả lời câu hỏi.
- GV giới thiệu các loại lịch phổ biến hiện nay.

2. Hình thành kiến thức

☞ • Sau khi khởi động, GV nói về vai trò quan trọng của lịch và chốt lại kiến thức sau:

- Một năm có 12 tháng là: tháng Một, tháng Hai, tháng Ba, tháng Tư, tháng Năm, tháng Sáu, tháng Bảy, tháng Tám, tháng Chín, tháng Mười, tháng Mười một, tháng Mười hai.

- Số ngày trong từng tháng là:

Tháng 1 31 ngày	Tháng 2 28 hoặc 29 ngày	Tháng 3 31 ngày	Tháng 4 30 ngày
Tháng 5 31 ngày	Tháng 6 30 ngày	Tháng 7 31 ngày	Tháng 8 31 ngày
Tháng 9 30 ngày	Tháng 10 31 ngày	Tháng 11 30 ngày	Tháng 12 31 ngày

3. Luyện tập

Bài 1, 2. Trả lời các câu và xem lịch trả lời câu hỏi.

- ☞ • GV tăng cường cho HV thực hành quan sát, đọc các thông tin trên lịch.
- HV quan sát tờ lịch và trả lời câu hỏi.
 - GV nhận xét hỗ trợ HV khi nhận định sai.

Bài 3. a) Một triển lãm tranh diễn ra từ ngày 25 tháng 8 đến hết ngày 30 tháng 8. Hỏi triển lãm đó diễn ra trong bao nhiêu ngày?

b) Hội chợ Xuân diễn ra trong một tuần bắt đầu từ ngày 9 tháng 1. Hỏi hội chợ đó kết thúc vào ngày nào?

- ☞ • GV dành thời gian để HV thảo luận theo cặp đôi.
- HV thảo luận từng cặp.

- GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi; các nhóm khác nhận xét.

🦋 a) Triển lãm đó diễn ra trong 6 ngày.

b) Hội chợ đó kết thúc vào ngày 15/1.

Bài 4. Đúng ghi Đ, sai ghi S

- ☞ • GV dành thời gian để HV thảo luận theo cặp đôi.
- HV thảo luận từng cặp.
- GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi; các nhóm khác nhận xét.

4. Vận dụng

Bài 5. Thực hành: Xác định số ngày trong mỗi tháng.

- ☞ • GV hướng dẫn HV thực hành xác định số ngày trong mỗi tháng.
- HV quan sát tranh vẽ và hướng dẫn của GV.
- GV yêu cầu HV thực hành, trả lời câu hỏi liên quan tới số ngày của các tháng.

Bài 34

DIỆN TÍCH. ĐƠN VỊ ĐO DIỆN TÍCH. XĂNG-TI-MÉT VUÔNG. MÉT VUÔNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

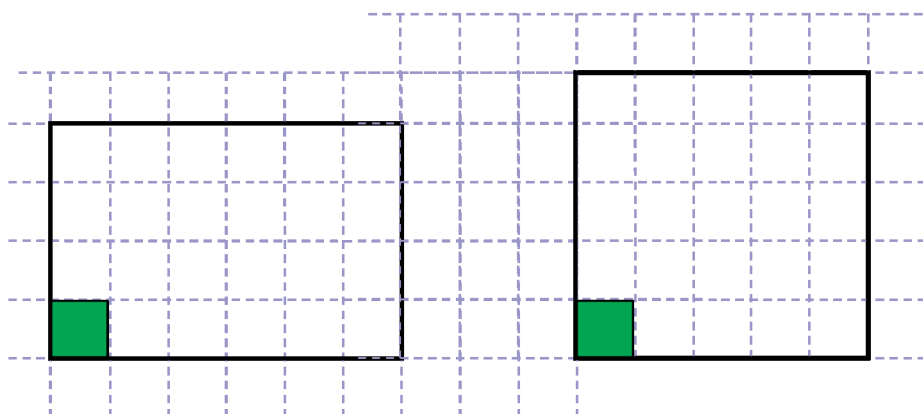
** Học xong bài này, HV cần đạt được những yêu cầu sau:*

- Thực hiện được việc chuyển đổi và tính toán với các số đo độ dài (mm, cm, dm, m, km); diện tích (cm^2 , m^2).
- Biết xăng-ti-mét vuông, mét vuông là các đơn vị thường dùng đo diện tích; đọc, viết tên và ký hiệu của nó.
- Thực hiện các phép tính với số đo kèm theo đơn vị đo là xăng-ti-mét vuông, mét vuông; vận dụng giải quyết các vấn đề trong cuộc sống;
- Thực hành sử dụng lưới ô vuông diện tích 1 cm^2 để đo diện tích của một số hình thích hợp.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học, gồm các thành tố cốt lõi sau: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Một số đồ vật hợp lý để đo diện tích với đơn vị xăng-ti-mét vuông như: thẻ HV, nhãn vở, bức ảnh nhỏ,...
- 12 mảnh giấy hình vuông diện tích 1 cm^2 .
- Vẽ trên giấy kẻ ô vuông 1 hình chữ nhật có kích thước 6 ô x 4 ô và 1 hình vuông có cạnh dài 5 ô.



III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

Nếu còn thời gian, GV tổ chức cho HV sử dụng 12 mảnh giấy để lắp ghép sáng tạo thành các hình mà HV yêu thích, HV nhận thấy các hình ảnh lắp ghép đều có diện tích 12 cm^2 .

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

☞ • GV nêu vấn đề về diện tích, tính diện tích; hỏi các HV đã từng nghe và có biết tính như thế nào không?

• HV liên hệ thực tiễn, trả lời câu hỏi.

• GV nêu diện tích của một vài hình dạng quen thuộc như: mảnh vườn, mảnh đất, ao,...

2. Hình thành kiến thức

☞ • GV kể các câu chuyện thực tiễn liên quan tới kính thước, diện tích các vật xung quanh quen thuộc.

• HV liên hệ thực tiễn, nêu các vật xung quanh quen thuộc đã gặp trong cuộc sống liên quan tới các từ: diện tích, đơn vị đo quen thuộc, phù hợp.

• GV kể chốt kiến thức học, như các đơn vị đo: xăng-ti-mét vuông; mét vuông. $1 \text{ m}^2 = 10\,000 \text{ cm}^2$.

3. Luyện tập

Bài 1, 2.

☞ • GV chuẩn bị bảng phụ ghi Bài tập 1,2.

• GV dành thời gian để HV suy nghĩ và lên bảng điền trực tiếp kết quả trên bảng phụ.

• GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HV yếu.

Bài 3, 4. Tính (theo mẫu):

☞ • GV dành thời gian để HV tự tính toán.

• HV tính toán trực tiếp vào vở ghi.

• GV hỗ trợ HV yếu.

4. Vận dụng

Bài 5. Để lát 1 m² nền nhà cần 25 viên gạch. Hỏi muốn lát 9 m² nền nhà thì cần bao nhiêu viên gạch đó?

☞ • GV dành thời gian để HV tự tìm phép tính và tính toán.

• HV tính toán trực tiếp vào vở ghi.

• GV hỗ trợ HV yếu.

✎ Để lát 9 m² nền nhà cần tới $9 \times 25 = 225$ viên gạch.

Bài 6. a) Cánh điều màu đỏ có diện tích 900 cm². Cánh điều màu vàng có diện tích 880 cm². Hỏi diện tích cánh điều màu đỏ hơn diện tích cánh điều màu vàng bao nhiêu xăng-ti-mét vuông?

b) Thửa ruộng nhà bà Hiên có diện tích 239 m², thửa ruộng nhà ông Tám có diện tích 420 m². Hỏi thửa ruộng nhà ông Tám có diện tích rộng hơn thửa ruộng nhà bà Hiên bao nhiêu mét vuông.

☞ • GV dành thời gian để HV đọc, tìm hiểu bài toán và tự làm trong vở ghi.

• HV tính toán trực tiếp vào vở ghi.

• GV hỗ trợ, hướng dẫn HV yếu.

✎ a) Diện tích cánh điều màu đỏ hơn diện tích cánh điều màu vàng là 20 cm².

b) thửa ruộng nhà ông Tám có diện tích rộng hơn thửa ruộng nhà bà Hiên là 181 m².

Bài 35

DIỆN TÍCH HÌNH CHỮ NHẬT. DIỆN TÍCH HÌNH VUÔNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

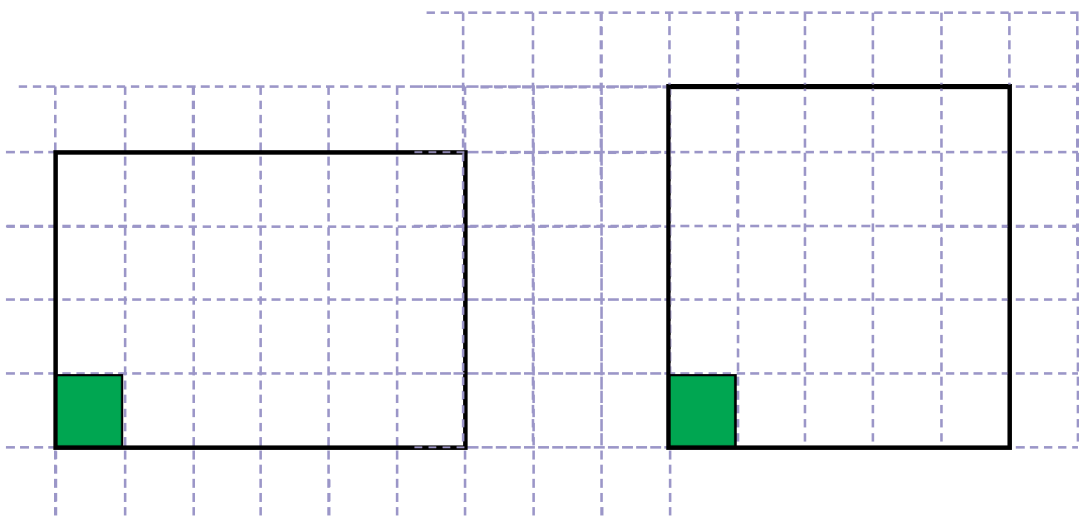
** Học xong bài này, HV cần đạt được những yêu cầu sau:*

- Nhận biết diện tích hình chữ nhật, hình vuông.
- Tìm ra quy tắc tính diện tích hình chữ nhật, hình vuông.
- Vận dụng tính diện tích hình chữ nhật, hình vuông giải quyết các vấn đề thực tiễn cuộc sống.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học, gồm các thành tố cốt lõi sau: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Lưới ô vuông 1 cm để đo diện tích, 12 hình vuông có cạnh 1 cm bằng giấy.
- Một số đồ vật hình vuông, hình chữ nhật có thể đo được cạnh với số đo xăng-ti-met như mảnh bìa, thẻ HV, bức tranh nhỏ...



III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Quy tắc tính diện tích hình chữ nhật và diện tích hình vuông rất đơn giản và dễ nhớ, dựa trên quy tắc tính số ô vuông chứa trong mỗi hình. Nếu mỗi cạnh của ô vuông (hình vuông) là 1 đơn vị đo độ dài thì số đo diện tích hình chữ nhật chính bằng diện tích của số ô vuông chứa trong hình chữ nhật đó.

2. Quy tắc tính diện tích hình vuông là một trường hợp đặc biệt của quy tắc tính diện tích hình chữ nhật.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

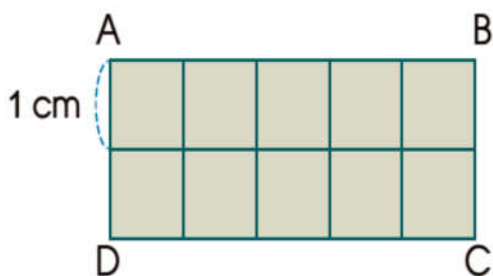
☞ • GV nhắc lại mỗi ô vuông có diện tích 1 cm^2 . Dành thời gian để HV tính diện tích của các hình A,B,C,D,E.

- HV tính diện tích các hình bằng cách đếm các ô vuông.
- GV mời đại diện một số HV đọc kết quả, giải thích kết quả vừa tìm được.

2. Hình thành kiến thức

☞ • Thông qua phần khởi động, GV chốt một số kiến thức cơ bản sau:

1. Diện tích hình chữ nhật



Hình chữ nhật ABCD có:

$$5 \times 2 = 10 \text{ (ô vuông)}$$

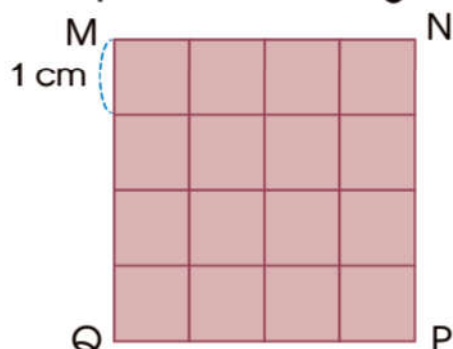
Diện tích mỗi ô vuông là 1 cm^2 .

Diện tích hình chữ nhật ABCD là:

$$5 \times 2 = 10 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Muốn tính diện tích hình chữ nhật ta lấy chiều dài nhân với chiều rộng (cùng đơn vị đo).

2. Diện tích hình vuông



Hình vuông MNPQ có:

$$4 \times 4 = 16 \text{ (ô vuông)}$$

Diện tích mỗi ô vuông là 1 cm^2 .

Diện tích hình vuông MNPQ là:

$$4 \times 4 = 16 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Muốn tính diện tích hình vuông ta lấy độ dài một cạnh nhân với chính nó.

3. Luyện tập

Bài 1, 2. Tính diện tích mỗi hình chữ nhật, hình vuông.

(Củng cố công thức tính diện tích hình chữ nhật, hình vuông)

☞ • GV dành thời gian để HV quan sát hình vẽ, tính diện tích trong từng bài; tăng cường thực hành, luyện tập thông qua các bài tập.

- HV tính diện tích các hình trong tài liệu.
- GV mời đại diện một số HV đọc kết quả, giải thích kết quả vừa tìm được.
- GV quan sát, hỗ trợ và hướng dẫn thêm đối với HV yếu.

Bài 3. Viết tiếp vào ô trống (theo mẫu)

☞ • GV thiết kế phiếu học tập và đề nghị các nhóm thảo luận, ghi trực tiếp vào phiếu học tập.

- HV thảo luận và tính toán, điền kết quả trên phiếu học tập.
- GV chữa bài mẫu cho một nhóm; các nhóm khác so sánh kết quả, nhận xét.

4. Vận dụng

Bài 4. a) Một miếng bìa hình chữ nhật có chiều rộng 5 cm, chiều dài gấp đôi chiều rộng. Tính diện tích miếng bìa hình chữ nhật đó.

b) Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều rộng 9 m, chiều dài 12 m. Tính diện tích mảnh đất đó.

☞ • GV dành thời gian để HV tự làm bài (có thể hướng dẫn trước nếu HV khó khăn).

- HV tự làm bài tập vào vở ghi.

- GV chữa bài; mời một HV làm trực tiếp trên bảng.

✎ a) Chiều dài của hình chữ nhật là 10 cm. Diện tích hình chữ nhật là 50 cm^2 .

✎ b) Diện tích mảnh đất là: 108 m^2 .

Bài 5. a) Một mảnh vườn có dạng hình chữ nhật chiều dài 14 m, chiều rộng 9 m. Tính diện tích mảnh vườn đó.

b) Một tấm biển quảng cáo có dạng hình vuông cạnh 8 m. Tính diện tích tấm biển quảng cáo đó.

☞ • GV dành thời gian để HV tự làm bài (có thể hướng dẫn trước nếu HV khó khăn).

- HV tự làm bài tập vào vở ghi.

- GV chữa bài; mời một HV làm trực tiếp trên bảng.

✎ a) Diện tích mảnh vườn là 126 m^2 .

✎ b) Diện tích tấm biển quảng cáo là 64 m^2 .

Bài 36

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV cần đạt được những yêu cầu sau:*

– Nhận biết được cách thu thập, phân loại, ghi chép số liệu thống kê (trong một số tình huống đơn giản) theo các tiêu chí cho trước.

– Đọc và mô tả được các số liệu ở dạng bảng.

– Nêu được một số nhận xét đơn giản từ bảng số liệu thống kê.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển năng lực toán học. Thông qua việc đọc, mô tả các số liệu trong bảng, HV phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học.

II. CHUẨN BỊ

– Hình vẽ một số bảng số liệu thống kê như trong TLH (có thể dùng máy chiếu hỗ trợ).

– Một số tình huống thống kê gắn với thực tế lao động, sản xuất của HV.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Lựa chọn các tình huống gần gũi, gắn với hoạt động thường ngày của người học.

2. Thông qua bảng số liệu, HV hiểu được các thông tin, bước đầu tra cứu các thông tin để phát hiện mối một số thông tin đơn giản.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

☞ • GV chuẩn bị một bảng thống kê trước. Hỏi thông tin về chiều cao của 10 HV trong lớp và điền trực tiếp số liệu vào bảng:

Tên				
Chiều cao (cm)				

- HV đứng tại chỗ đọc thông tin cá nhân để GV điền số liệu vào bảng.
- GV giải thích về thông tin, bảng số liệu cung cấp.

2. Hình thành kiến thức

☞ • GV chuẩn bị và giới thiệu thông tin trên bảng ghi lượng mưa trong mỗi tháng.

- HV quan sát bảng ghi thông tin.
- GV giải thích về thông tin, bảng số liệu cung cấp và lưu ý HV như sau:

Số ngày có mưa trong các tháng 7, tháng 8, tháng 9

Tháng	7	8		9
Số ngày có mưa	18	15		3

Bảng này có các yếu tố:

- Tên của bảng
- Hàng trên ghi tên các tháng
- Hàng dưới ghi số ngày có mưa trong mỗi tháng.

3. Luyện tập

Bài 1. Quan sát bảng số liệu thống kê rồi trả lời câu hỏi:

☞ • GV dành thời gian để HV quan sát, thực hành đọc bảng số liệu thống kê và trả lời câu hỏi theo hướng dẫn

- HV đứng tại chỗ đọc thông tin trên bảng theo yêu cầu của GV.
- GV giải thích thêm và rõ hơn về thông tin, bảng số liệu cung cấp.

Bài 2. Quan sát bảng số liệu thống kê rồi trả lời câu hỏi: Bảng thống kê số lít nước mắm cửa hàng đã bán được trong 4 tháng cuối năm.

☞ • GV dành thời gian để HV quan sát, tìm tòi, thảo luận trong bảng số liệu của bài toán

- HV thảo luận theo gợi ý của GV, yêu cầu của bài toán.
- GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi.

🗒 a) Tháng bán được ít nước mắm nhất là tháng 11, được 220 lít.

🗒 b) Bốn tháng cửa hàng đó bán được:

$$236 + 432 + 220 + 543 = 1431 \text{ (lít nước mắm)}$$

4. Vận dụng

Bài 3. Số thóc gia đình chị Hồng thu hoạch được trong 3 năm như sau : Năm 2020 : 3 250 kg ; Năm 2021 : 5 600 kg ; Năm 2022 : 4 730 kg. Hãy điền số liệu thích hợp vào ô trống trong bảng sau:

- ☞ • GV hướng dẫn HV làm tại nhà.
- HV đọc nội dung, nghe hướng dẫn của GV.

Bài 4. Đọc bảng số liệu sau và trả lời câu hỏi:

- ☞ • GV hướng dẫn HV làm tại nhà.
- HV đọc nội dung, nghe hướng dẫn của GV.

Bài 37

KHẢ NĂNG XẢY RA CỦA MỘT SỰ KIỆN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV cần đạt được những yêu cầu sau:*

Mô tả được các khả năng xảy ra (có tính ngẫu nhiên) của một sự kiện khi thực hiện một lần thí nghiệm đơn giản.

** Phát triển năng lực:* Góp phần phát triển các năng lực toán học, gồm các thành tố cốt lõi sau: Năng lực tư duy và lập luận toán học; năng lực giải quyết vấn đề, năng lực giao tiếp toán học; năng lực sử dụng công cụ, phương tiện toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Đồng xu trong bộ đồ dùng Toán 3.
- Một số quả bóng, thẻ hoặc đồ vật có kích thước giống nhau, chỉ khác nhau về màu sắc.
- Vòng quay trò chơi ghi các giải thưởng.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. GV tăng cường tính trải nghiệm thực tế cho HV thông qua các thí nghiệm, trò chơi gắn với các sự kiện.

2. Ngoài việc các thí nghiệm được GV cùng HV thực hiện, GV chủ động hỏi các sự kiện khác tương tự.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

☞ • GV chuẩn bị một đồng xu và tung lên. Trước khi tung GV hỏi HV về mặt sấp hay ngửa sẽ xuất hiện; nêu các khả năng xuất hiện của mặt đồng xu.

- HV quan sát GV gieo đồng xu; GV cho một vài HV tham gia thực hành gieo đồng xu.

2. Hình thành kiến thức

☞ • Thông qua việc gieo đồng xu, GV chốt một số kiến thức cụ thể sau:

Đồng xu gồm hai mặt như sau:



Mặt ngựa



Mặt sấp

Quy ước: Mặt xuất hiện chữ N trên đồng xu là mặt ngựa, mặt xuất hiện chữ S trên đồng xu là mặt sấp.

Tung đồng xu một lần. Các khả năng có thể xảy ra đối với mặt xuất hiện của đồng xu là: mặt sấp, mặt ngựa.

3. Luyện tập

Bài 1, 2, 3.

☞ • GV chuẩn bị các dụng cụ để hỗ trợ thực hành, trải nghiệm; làm các bài tập 1, 2, 3.

- HV và GV cùng tham gia trải nghiệm trực tiếp, từ đó đưa ra kết quả của bài toán.

4. Vận dụng

Bài 4. Đúng ghi Đ, sai ghi S

☞ • GV dành thời gian để HV thảo luận theo từng cặp HV.

- HV thảo luận theo cặp đôi, trả lời câu hỏi.

Bài 38

ÔN TẬP CUỐI KỲ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

** Học xong bài này, HV cần đạt được những yêu cầu sau:*

- Thực hành cộng, trừ, nhân chia các số trong phạm vi 100 000 và vận dụng để tính giá trị của biểu thức, giải quyết các vấn đề thực tiễn.

- Thực hiện tính diện tích, chu vi hình chữ nhật, hình vuông.

- củng cố nhận dạng và gọi tên các hình đã học, nhận biết trung điểm của đoạn thẳng, hình tròn, tâm, đường kính, bán kính hình tròn; một số yếu tố cơ bản của đỉnh, cạnh, mặt của khối lập phương, hình hộp chữ nhật; xem đồng hồ.

- Vận dụng kiến thức, kỹ năng về hình học và đo lường để tính toán, ước lượng, giải quyết vấn đề trong cuộc sống.

** Phát triển năng lực:* Ôn tập củng cố và phát triển tổng hợp các năng lực toán học.

II. CHUẨN BỊ

- Một số trò chơi khởi động tạo không khí vui chơi cho lớp học.

- Các hình khối sử dụng trong các bài tập cụ thể, liên quan.

- Máy chiếu hỗ trợ tổng hợp kiến thức đã học.

III. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. GV ôn tập những kiến thức đã học ở ba mảng kiến thức đã học trong chương trình học; căn cứ tỉ lệ số tiết ở các mảng kiến thức, lựa chọn phù hợp số lượng các bài tập ôn tập.

2. Tổng dự kiến thời gian ôn tập là 03 tiết để chuẩn bị cho đánh giá. Ngoài các bài tập GV chữa, dạy, hướng dẫn trên lớp, GV có thể bổ sung các bài tập tương tự liên quan.

IV. GỢI Ý DẠY HỌC

1. Khởi động

☞ • GV tổng kết các kiến thức đã học, trên bảng phụ hoặc máy chiếu; giao HV tổng hợp theo từng chủ đề chính.

- HV từng nhóm trình bày tóm tắt các kiến thức đã học.

2. Luyện tập

Bài 1, 2, 3, 4

☞ • GV dành thời gian để HV ôn tập, luyện tập; làm bài.

- HV tự làm bài vào vở ghi.
- GV hỗ trợ, hướng dẫn HV yếu.

Bài 5 a) Chỉ ra tâm, bán kính của mỗi hình tròn sau.

b) Đọc tên trung điểm của đoạn thẳng BC trong hình trên.

☞ • GV dành thời gian để HV làm bài trực tiếp vào vở ghi.

- HV tự làm bài vào vở ghi.
- GV hỗ trợ, hướng dẫn HV yếu.

🗒 Đường tròn nhỏ có tâm O, đường tròn to có tâm A.

🗒 Trung điểm của đoạn thẳng BC là O.

Bài 6. Chọn chữ đặt trước đáp án đúng.

☞ • GV dành thời gian để HV làm bài trực tiếp vào vở ghi.

- HV tự làm bài vào vở ghi.
- GV hỗ trợ, hướng dẫn HV yếu.

3. Vận dụng

Bài 7, 8.

- ☞ • GV dành thời gian để HV thảo luận nhóm, đưa ra phép tính, tính.
- HV thảo luận theo hướng dẫn của GV, theo yêu cầu bài toán.
- GV mời HV đại diện một nhóm trả lời câu hỏi; các nhóm còn lại góp ý, nhận xét.

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN DẠY HỌC XÓA MÙ CHỮ

TOÁN KỲ 3

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

Số 9 - Ngõ 26 - Phố Hoàng Cầu - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội

VPGD: Số 278 Tôn Đức Thắng, Q. Đống Đa - TP Hà Nội

ĐT: (024). 66860751 - (024). 66860753

Email: nxbdantri@gmail.com

Website: nxbdantri.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BÙI THỊ HƯƠNG

Chịu trách nhiệm nội dung:

LÊ QUANG KHÔI

Biên tập:

Võ Thị Kim Thanh

Vẽ bìa:

Vũ Thị Bình Minh

Sửa bản in:

Quang Minh

Trình bày sách:

Phạm Thị Lê

Chế bản:

Phạm Thị Lê

LIÊN KẾT XUẤT BẢN: CÔNG TY CP SÁCH ĐẠI HỌC - DẠY NGHỀ

In 1.140 bản, khổ 19×26,5cm tại Nhà máy In Bộ Quốc phòng, Địa chỉ: Thôn Lưu Phái, xã Ngũ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội.

Số xác nhận đăng ký xuất bản số: 3671-2023/CXBIPH/20-132/DT

Quyết định xuất bản số: 3217/QĐXB-NXBĐT do Nhà xuất bản Dân Trí cấp ngày 20 tháng 11 năm 2023.

Mã ISBN: 978-604-40-0242-2

In xong, nộp lưu chiểu quý IV năm 2023